

Số /BC-BTP

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

Ngày 31/10/2025

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

a) Mục đích rà soát:

- Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách xây dựng Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo luật với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các định hướng lớn của Đảng về tiếp cận thông tin.

Đồng thời, việc rà soát góp phần xác định rõ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cho việc xây dựng luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của các chính sách được đề xuất trong dự thảo Luật; nhận diện đầy đủ hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến tiếp cận thông tin.

- Đánh giá mức độ phù hợp của chính sách dự thảo Luật với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn mới

- Xác định các điểm chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu thống nhất giữa quy định pháp luật có liên quan đến tiếp cận thông tin; các quy định chưa phù hợp với yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, xây dựng các định hướng, đề xuất chính sách và giải pháp hoàn thiện Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)

b) Yêu cầu rà soát:

- Việc rà soát phải được thực hiện một cách toàn diện, khách quan, kỹ lưỡng và có hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của

Hiến pháp, các luật, pháp lệnh có liên quan, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có nội dung liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tiếp cận thông tin.

Bảo đảm xác định rõ các nội dung còn phù hợp, các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp hoặc thiếu quy định, từ đó hoàn thiện các chính sách.

- Kết quả rà soát cần được tổng hợp đầy đủ, rõ ràng, có phân tích, đánh giá và kiến nghị cụ thể đối với từng nhóm vấn đề, phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15).

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Phạm vi, đối tượng rà soát là rà soát toàn diện các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành và điều ước quốc tế còn hiệu lực đến thời điểm rà soát (bao gồm cả các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp).

- Nội dung rà soát gồm: sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; tính khả thi và hiệu quả thực hiện.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

- **Tổng số 06 văn bản của Đảng** có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo đã được rà soát; các chủ trương, đường lối của Đảng cần thể chế hóa, gồm: (1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; (2) Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; (3) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (4) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định tầm nhìn đến năm 2045; (5) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân; (6) Kế hoạch số 56-KH/BCĐ ngày 04/7/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp

- **Đánh giá về sự phù hợp** của dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo cần thể chế hóa thành quy định của pháp luật:

Các chính sách tại dự án Luật đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, ví dụ như: Chính sách 2 về mở rộng phạm vi công khai thông tin, Chính sách 3 về đơn giản hóa thủ tục cung cấp thông tin, ... nhằm thể chế hóa quy định ""xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo""; Chính sách 1 về xác định phạm vi chủ thể cung cấp thông tin nhằm thể chế hóa quy định ""xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân""... tại Nghị quyết số 27-TW/NQ; Chính sách 5 về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin nhằm thể chế hóa quy định ""Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; tập trung triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị"" được nêu tại Kế hoạch số 56-KH/BCĐ ngày 04/7/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (nội dung cụ thể xin xem phần 1 Phụ lục 01 của Báo cáo).

2. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

- Tổng số điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo văn bản được rà soát là 06 điều ước quốc tế gồm:

- (1) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966;
- (2) Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền;
- (3) Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em;
- (4) Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc;
- (5) Công ước quốc tế về Luật biển;
- (6) Công ước Liên Hợp Quốc về quyền của Người khuyết tật.

- **Đánh giá chung về tính tương thích của dự thảo** với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (đặc biệt là các quy định của điều ước cần phải nội luật hóa để thực hiện): **đã bảo đảm tính tương thích**, ví dụ như: các chính sách tại dự án Luật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, theo đó "Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ

phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ"; Chính sách 3, Chính sách 5 dự án Luật về đơn giản hóa thủ tục cung cấp thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin phù hợp với quy định tại Điều h khoản 1 Điều 4: “Cung cấp thông tin để tiếp cận cho người khuyết tật về phương tiện, thiết bị hỗ trợ di chuyển và các công nghệ trợ giúp, trong đó có các công nghệ mới, cũng như mọi hình thức dịch vụ hoặc cơ sở vật chất trợ giúp khác” của Công ước Liên Hợp Quốc về quyền của Người khuyết tật.... (nội dung chi tiết xem tại mục 3 Phụ lục 01).

- Đề xuất hướng xử lý trong trường hợp dự thảo văn bản chưa bảo đảm tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: không có nội dung đề xuất.

3. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

- **Các điều, khoản của Hiến pháp 2013** liên quan đến dự thảo văn bản đã được rà soát và **đảm bảo tính hợp hiến của dự thảo văn bản**, cụ thể:

Điều 21 quy định:

"1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác...".

Điều 25 quy định"

"Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định".

- **Các văn bản quy phạm pháp luật** được rà soát liên quan đến dự thảo là 307 luật (xem Phụ lục 02 của Báo cáo). Theo đó, các chính sách của dự án Luật phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; không có quy định khác, mâu thuẫn so với quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật được rà soát. Cụ thể:

3.1. Chính sách 1: Mở rộng chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin

Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định: “Luật này quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, trách nhiệm của **cơ quan nhà nước** trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin”. Như vậy, **chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin** hiện nay chỉ giới hạn là “cơ quan nhà nước”, bao gồm các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan lập pháp, tư pháp, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp. Tuy nhiên, nhiều luật khác đã mở rộng

phạm vi chủ thể có trách nhiệm cung cấp, công khai thông tin, như: Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 (Điều 10, Điều 78): quy định các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập phải công khai, minh bạch trong hoạt động; Luật Đất đai 2024, Điều 201: quy định tổ chức được Nhà nước giao quản lý đất đai, doanh nghiệp phát triển hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai có trách nhiệm công khai thông tin; Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (Điều 22, 38): quy định tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin với người dân và cơ quan nhà nước; Luật Đấu thầu 2023, Điều 7: yêu cầu bên mời thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp, nhà đầu tư công khai thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Luật Lưu trữ 2024: mở rộng nghĩa vụ lưu trữ và cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân được Nhà nước ủy quyền hoặc giao quản lý tài liệu lưu trữ nhà nước... Như vậy, việc Luật Tiếp cận thông tin chỉ quy định chủ thể là **“cơ quan nhà nước”** bị thu hẹp so với hệ thống pháp luật hiện hành, vì nhiều chủ thể khác ngoài cơ quan nhà nước cũng đang **thực hiện chức năng, nhiệm vụ công và nắm giữ thông tin công**. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, nhiều đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức được giao nhiệm vụ công (ví dụ: bệnh viện, trường đại học công lập, đơn vị khai thác hạ tầng công cộng, tổ chức đấu giá tài sản, tổ chức hành nghề công chứng, v.v.) nắm giữ lượng lớn thông tin liên quan đến quyền lợi của người dân, nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, quy định hiện tại cũng không tương thích với xu hướng quản trị công hiện đại và các cam kết quốc tế (Công ước ICCPR, Mục tiêu phát triển bền vững SDG 16.10), vốn yêu cầu các quốc gia bảo đảm quyền tiếp cận thông tin không chỉ từ cơ quan nhà nước mà còn từ các **thực thể thực hiện chức năng công**. Đồng thời cũng không phù hợp thực tiễn cung cấp dịch vụ công qua môi trường mạng, nơi mà nhiều đơn vị không phải “cơ quan nhà nước” đang thay mặt Nhà nước thực hiện nhiệm vụ (cung cấp dữ liệu mở, quản lý hạ tầng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, v.v.).

Đề xuất hướng xử lý: Đề nghị bổ sung thêm chủ thể cung cấp thông tin nhằm bảo đảm minh bạch quản trị và nâng cao hiệu quả tài chính công, đáp ứng thực tiễn hiện nay nhiều thông tin liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân do đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước hoặc tổ chức dịch vụ công nắm giữ; đồng thời bảo đảm tính thống nhất pháp luật, tương thích với Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Đất đai, Luật Lưu trữ, Luật Đấu thầu, Luật Dữ liệu;... và phù hợp xu thế quốc tế, đáp ứng các cam kết về minh bạch, trách nhiệm giải trình và quyền tiếp cận thông tin theo ICCPR và SDG 16.10. Trường hợp có quy định khác tại luật chuyên ngành, áp dụng theo Điều 16 Luật Tiếp cận thông tin: luật khác được ưu tiên nếu không trái Điều 3 (nguyên tắc tiếp cận thông tin).

3.2. Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi cung cấp thông tin mà Ủy ban

nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp

Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: "**cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn *thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được*** để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ". Như vậy, Luật hiện hành quy định chính quyền cấp xã có nghĩa vụ cung cấp cả thông tin do mình, cấp mình tạo ra và thông tin do mình nhận được từ các cơ quan khác. Quy định này được xây dựng trong bối cảnh trước đây hệ thống công nghệ thông tin chưa phát triển, việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế, nên cơ chế “cấp xã làm đầu mối cung cấp thông tin” giúp người dân dễ dàng tiếp cận tại nơi cư trú. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành gần 10 năm qua cho thấy quy định này không còn phù hợp với điều kiện thực tế và xu hướng chuyển đổi số hiện nay, khi phần lớn thông tin đã được công khai trên môi trường mạng và được quản lý tập trung bởi các cơ quan chuyên ngành.

Trên thực tế, các xã không có bộ phận chuyên trách về lưu trữ, bảo mật hoặc quản lý dữ liệu chuyên ngành, dẫn đến tình trạng lúng túng, thiếu thống nhất trong việc tiếp nhận, lưu trữ và công khai thông tin do các cơ quan khác chuyển đến. Việc công khai hoặc cung cấp lại các thông tin này có thể gây sai lệch, chòng chéo hoặc công bố sai nguồn thông tin chính thức, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân và tính chính xác của dữ liệu.

Qua rà soát các luật hiện hành cho thấy, nhiều luật mới ban hành sau năm 2016 đã quy định rõ chủ thể có nghĩa vụ công khai và cung cấp thông tin là cơ quan tạo ra hoặc quản lý dữ liệu, không phải cơ quan nhận được thông tin, cụ thể: (i) Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định thẩm quyền, chức năng của UBND xã chỉ trong phạm vi quản lý hành chính tại địa bàn, không bao gồm nhiệm vụ lưu trữ, quản lý và công khai thông tin thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan khác; (ii) Luật Đấu thầu năm 2023, Điều 10 quy định việc công khai thông tin đấu thầu thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý, là nguồn công khai chính thức duy nhất; (iii) Luật Lưu trữ năm 2024, Điều 26 khẳng định cơ quan, tổ chức quản lý tài liệu lưu trữ chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, không giao trách nhiệm cho cơ quan nhận được bản sao; (iv) Luật Dữ liệu năm 2024, Điều 8 và Điều 9 quy định dữ liệu phải được quản lý, chia sẻ, công khai thông qua hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), đảm bảo thống nhất một nguồn, tránh công bố trùng lặp tại nhiều nơi; Luật Công nghệ thông tin (sửa đổi) (dự kiến thông qua năm 2025) xác định nguyên tắc: “Cơ quan, tổ chức tạo lập, quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm công khai, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và cập nhật của dữ liệu đó”... Từ các quy định trên cho thấy, việc Luật Tiếp cận thông tin tiếp tục quy định UBND cấp xã cung cấp thông tin do cơ

quan khác gửi đến là không thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý dữ liệu, công khai thông tin và phân cấp, phân quyền thẩm quyền.

Đề xuất hướng xử lý: Sửa đổi quy định tại Luật tiếp cận thông tin theo hướng “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin do mình hoặc các cơ quan ở cấp mình tạo ra”.

Lý do: Quy định tại điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin hiện hành không còn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, không thống nhất với nhiều luật chuyên ngành và vượt quá năng lực thực hiện của cấp xã. Việc sửa đổi, thu hẹp phạm vi cung cấp thông tin của chính quyền cấp xã là cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, khả thi và hiệu quả của hệ thống pháp luật, đồng thời nâng cao tính chính xác, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công khai thông tin của Nhà nước. Như đã phân tích ở trên, việc giao cho UBND cấp xã phải “cung cấp cả thông tin do các cơ quan khác gửi đến” đã mở rộng quá mức trách nhiệm của cấp xã, trong khi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của UBND xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 chủ yếu là tổ chức thi hành pháp luật, quản lý hành chính, không phải là cơ quan quản lý dữ liệu hoặc thông tin của cơ quan khác. Hơn nữa, hiện nay, đa số UBND cấp xã chưa có hệ thống công thông tin điện tử hoàn thiện hoặc hạ tầng số hóa dữ liệu, cán bộ phụ trách tiếp cận thông tin chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo về kỹ năng số. Do đó, việc tiếp tục quy định UBND xã quản lý và cung cấp lại thông tin từ các cơ quan khác là không khả thi, tạo gánh nặng hành chính, chi phí in ấn, sao chụp, lưu trữ và bảo mật dữ liệu.

3.3. Chính sách 3, 4: Mở rộng phạm vi thông tin phải công khai (Điều 17); điều chỉnh phạm vi thông tin không được tiếp cận (Điều 6) và tiếp cận có điều kiện (Điều 7)

Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định các nhóm thông tin phải được cơ quan nhà nước công khai, bao gồm tổ chức, hoạt động, ngân sách, thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch, quản lý dự án, báo cáo thống kê, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm...

Điều 6 quy định thông tin công dân không được tiếp cận, bao gồm: (1) Thông tin thuộc bí mật nhà nước; (2) Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Điều 7 quy định thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, gồm: (1) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá

nhân, bí mật gia đình chỉ được tiếp cận khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin; (2) Trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng, người đứng đầu cơ quan nhà nước có quyền quyết định cung cấp thông tin mà không cần sự đồng ý của chủ thể.

Nhìn chung, các quy định này đã thể chế hóa quyền hiến định của công dân về tiếp cận thông tin (Điều 25 Hiến pháp năm 2013), tuy nhiên:

(1) phạm vi thông tin được công khai còn hẹp, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin 2016 chỉ liệt kê những thông tin mang tính quản lý hành chính (cơ cấu tổ chức, ngân sách, quy hoạch, thủ tục hành chính...), chưa bao quát các nhóm thông tin có giá trị xã hội cao như: dữ liệu môi trường, y tế, giáo dục, khoa học – công nghệ, an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, hay thông tin về đầu tư, tài nguyên, đất đai, đấu thầu, công trình công cộng;

(2) khoản 2 Điều 6 sử dụng nhiều khái niệm định tính như “gây nguy hại”, “ảnh hưởng xấu”, “bí mật công tác”, “tài liệu soạn thảo nội bộ”, nhưng không có tiêu chí đánh giá, giới hạn thời gian bảo mật hoặc thẩm quyền xác định. Điều này dẫn đến cách hiểu và áp dụng tùy nghi, nhiều cơ quan có xu hướng mở rộng diện từ chối cung cấp thông tin, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nội bộ hoặc kiểm tra, thanh tra. Trong khi đó, nhiều luật chuyên ngành hiện nay đã có quy định chi tiết hơn, ví dụ: Luật Lưu trữ năm 2024 (Điều 25–26) quy định rõ thời hạn giải mật, quyền khai thác tài liệu lưu trữ sau khi hết giá trị bí mật; Luật Dữ liệu năm 2024 (Điều 43) xác định “dữ liệu mở” là thông tin phải công khai, truy cập, sử dụng lại miễn phí; Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 (Điều 10–11) yêu cầu công khai hoạt động công vụ, kết quả thanh tra, kiểm toán, trừ phần thuộc bí mật nhà nước; Luật Kiểm toán Nhà nước 2015 (sửa đổi 2019) (Điều 60–61) quy định kết luận kiểm toán phải được công khai, trừ phần thuộc bí mật nhà nước. Như vậy, Điều 6 chưa đồng bộ với các luật này, dẫn đến tình trạng cùng một loại thông tin (ví dụ: báo cáo kiểm toán, hồ sơ dự án) lại có cách áp dụng khác nhau giữa các cơ quan, cấp quản lý.

(3) Quy định tại Điều 7 chưa bảo đảm sự hài hòa giữa quyền riêng tư và lợi ích công cộng. Điều 7 chỉ nêu nguyên tắc “được tiếp cận khi có sự đồng ý của chủ thể” mà không hướng dẫn cơ chế xử lý trong trường hợp thông tin có yếu tố công cộng và yếu tố riêng tư đan xen. Các luật chuyên ngành hiện hành đã có cách tiếp cận tiến bộ hơn, như: Luật Dữ liệu 2024 (Điều 34) quy định cơ chế ẩn danh hóa dữ liệu cá nhân trước khi chia sẻ để vẫn bảo đảm công khai thông tin nhưng không vi phạm quyền riêng tư; Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân quy định rõ nguyên tắc xử lý dữ liệu cho mục đích công cộng, quy trình xin phép và thông báo; Luật Thống kê 2015 (sửa đổi 2021) cho phép công bố dữ liệu tổng hợp đã ẩn danh.

Tuy nhiên, Luật Tiếp cận thông tin chưa có cơ chế kỹ thuật tương thích, dẫn đến thực tiễn nhiều cơ quan từ chối toàn bộ yêu cầu cung cấp thông tin có chứa dữ liệu cá nhân nếu không được cá nhân đó đồng ý, thay vì xử lý tách biệt phần được phép công khai. Điều này làm giảm tính minh bạch, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục, đầu tư, đấu thầu – nơi có nhiều thông tin vừa mang yếu tố cá nhân, vừa có ý nghĩa lợi ích công.

- Đề xuất hướng hoàn thiện:

Sửa Điều 17 theo hướng mở rộng danh mục thông tin phải công khai (bao gồm các lĩnh vực môi trường, y tế, giáo dục, đất đai, đầu tư, đấu thầu, ngân sách, quy hoạch, dữ liệu mở....)

Làm rõ, thu hẹp các trường hợp không được tiếp cận và được tiếp cận có điều kiện, bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả minh bạch thông tin, tăng cường trách nhiệm giải trình và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

3.4. Chính sách 5: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, bảo đảm thuận lợi cho người dân

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định phương thức công khai và cung cấp thông tin tại Điều 18 và Điều 23, cụ thể: (1) Điều 18 quy định 05 hình thức công khai thông tin gồm: đăng tải trên cổng thông tin điện tử; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; niêm yết tại trụ sở cơ quan; thông báo bằng văn bản; và cung cấp tại cuộc họp; (2) Điều 23 quy định việc cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng các hình thức: xem trực tiếp tại trụ sở cơ quan; sao, chụp, ghi chép; gửi thông tin qua bưu chính, fax, mạng điện tử hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật.

Như vậy, Luật đã xác định các phương thức cơ bản để người dân tiếp cận thông tin, tuy nhiên các quy định của Điều 18 và Điều 23 ban hành trong bối cảnh hạ tầng công nghệ thông tin của Nhà nước còn hạn chế, vì vậy chưa bao quát được các phương thức mới như cổng dữ liệu mở, ứng dụng di động, nền tảng số. Trong thực tế, phần lớn cơ quan nhà nước chỉ công khai thông tin rải rác trên website, chưa có hệ thống tích hợp hoặc tra cứu thống nhất. Do đó, quy định hiện hành của Luật Tiếp cận thông tin về vấn đề này chưa đồng bộ với nhiều văn bản pháp luật được ban hành sau này về chuyển đổi số và dữ liệu mở, cụ thể: Luật Dữ liệu 2024 và Luật Giao dịch điện tử 2023 đã hình thành khuôn khổ pháp lý mới về chính phủ số, dữ liệu mở, hồ sơ điện tử, đòi hỏi các quy trình công khai và cung cấp thông tin phải được thực hiện trên môi trường mạng; Luật Dữ liệu năm 2024, Điều 43 quy định dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phải được cung cấp miễn phí, công

khai, có thể truy cập và sử dụng lại trên mạng Internet; Luật Giao dịch điện tử năm 2023 công nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, dữ liệu điện tử, yêu cầu số hóa quy trình cung cấp thông tin; Luật Đất đai năm 2024 (Điều 200–202) và Luật Căn cước năm 2023 (Điều 39) quy định nguyên tắc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, Luật Tiếp cận thông tin lại không quy định nghĩa vụ tích hợp, kết nối hoặc chia sẻ thông tin liên thông, làm giảm hiệu quả khai thác và trùng lặp trong công khai thông tin.

Bên cạnh đó, Luật Tiếp cận thông tin chưa có quy định cụ thể về cơ chế hỗ trợ nhóm yếu thế (người khuyết tật, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa) tiếp cận thông tin qua hình thức phù hợp, trong khi Luật Người khuyết tật 2010 (Điều 42), Luật Người cao tuổi 2009 (Điều 14) và Luật Ngôn ngữ ký hiệu và chữ nổi 2024 (Điều 20) đã quy định rõ nghĩa vụ cung cấp thông tin thích hợp. Điều này cho thấy Luật hiện hành chưa bảo đảm bình đẳng thực chất về quyền tiếp cận thông tin cho mọi nhóm công dân.

- Đề xuất hướng xử lý: Sửa đổi, bổ sung Điều 18 và Điều 23 theo hướng mở rộng phương thức cung cấp thông tin, bao gồm: (1) Công khai và cung cấp thông tin qua cổng dữ liệu mở quốc gia, cổng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng di động, kênh truyền thông xã hội chính thức của cơ quan nhà nước; Quy định trách nhiệm tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các cơ quan, tránh trùng lặp, phân tán; Bổ sung cơ chế bảo đảm tiếp cận thông tin cho nhóm yếu thế bằng ngôn ngữ, hình thức phù hợp; Thiết lập cơ chế giám sát, thống kê, báo cáo điện tử về công khai và cung cấp thông tin. Rà soát, sửa đổi đồng bộ các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư hướng dẫn) để quy định cụ thể về kỹ thuật số hóa, quy trình tiếp nhận và trả lời trực tuyến, an toàn thông tin, lưu trữ và xác thực điện tử.

3.5. Chính sách 6: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 (Điều 12) quy định: “Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin” (khoản 2), đồng thời giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung này.

Ngày 14/5/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 46/2018/TT-BTC quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin, cụ thể (i) Tổ chức, cá nhân có yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin (sau đây gọi là người yêu cầu cung cấp thông tin) không phải trả phí, lệ phí cung cấp thông tin nhưng phải **trả chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi** thông tin yêu cầu (ii) Chi phí in, sao, chụp thực hiện theo mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm Thông tư này; đối với cơ quan nhà nước đóng **tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, mức thu được**

giảm còn 70%; tại địa bàn đặc biệt khó khăn, mức thu còn 50%; (iii) Người yêu cầu cung cấp thông tin **không phải trả chi phí gửi thông tin yêu cầu cung cấp qua mạng điện tử, fax**".

Quy định trên đã tạo cơ sở pháp lý ban đầu cho việc thu, quản lý chi phí cung cấp thông tin, giúp cơ quan nhà nước có căn cứ để bù đắp chi phí in, sao, gửi thông tin cho người yêu cầu; Có sự linh hoạt bước đầu cho địa bàn khó khăn, thể hiện tính nhân văn của chính sách; Từng bước khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin (vì người yêu cầu không phải trả chi phí gửi qua mạng điện tử).

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thi hành, các quy định trên đã dần trở nên lỗi thời, chưa thực sự phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, ví dụ như, Luật Phí và lệ phí (khoản 1 Điều 10: *Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.*), Luật Người cao tuổi 2009 (khoản 2 Điều 14: *Nhà nước và xã hội tạo điều kiện thuận lợi để người cao tuổi được học tập, nghiên cứu và tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch thông qua các biện pháp sau đây: a) Cung cấp thông tin, tài liệu, người hướng dẫn để người cao tuổi tham gia học tập, nghiên cứu*), Luật Người khuyết tật, Pháp lệnh Ưu đãi người có công đều quy định nguyên tắc miễn, giảm chi, tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm yếu thế. Tuy nhiên, Luật Tiếp cận thông tin hiện hành *thiếu cơ chế miễn, giảm phí cho nhóm yếu thế (người khuyết tật, người cao tuổi, hộ nghèo...), người có công....* Việc thiếu cơ chế hỗ trợ có thể dẫn tới bất bình đẳng thực chất trong tiếp cận thông tin: người dân ở nhóm yếu thế phải chịu chi phí cao, thậm chí không thể tiếp cận thông tin quan trọng vì lý do tài chính

Trong bối cảnh triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số, phần lớn thông tin đã được lưu trữ, cung cấp qua môi trường mạng, các luật cũng có những quy định phù hợp với xu thế này, ví dụ như Luật Giao dịch điện tử 2023 quy định miễn phí đối với dữ liệu mở (khoản 2 Điều 43 *Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ thông tin do cơ quan nhà nước cung cấp, được cập nhật mới nhất, có khả năng truy cập và sử dụng trên mạng Internet, bảo đảm khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được, tuân thủ định dạng mở và miễn phí*), Luật Đất đai 2024 có quy định về liên quan đến chi phí cung cấp thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử (Khoản 5 Điều 166: *Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai phải trả phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai và giá cung cấp dịch vụ thông tin, dữ liệu về đất đai theo quy định*); Luật Lưu trữ 2024 quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân khi sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ có các nghĩa vụ **trả phí sử dụng tài liệu lưu trữ** theo quy định của pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 26)... (ii) Chưa có quy định về chi phí số hóa và truy cập

điện tử, trong khi đây là hướng chính của Chính phủ số... Tuy nhiên, Luật và Thông tư hiện hành chưa quy định về việc miễn phí khai thác dữ liệu mở, chưa có quy định thu phí cung cấp thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử. Điều này gây khó khăn trong việc: Xác định cơ quan nào được phép thu phí truy xuất dữ liệu số; Thiếu căn cứ pháp lý cho việc miễn phí truy cập dữ liệu mở...

Do đó, Chính sách 5 đã quy định về chi phí tiếp cận thông tin phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nhằm bảo đảm minh bạch quản trị và nâng cao hiệu quả tài chính công.

- Đề xuất hướng xử lý trong trường hợp dự thảo văn bản chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, Điều 16 Luật Tiếp cận thông tin quy định: Áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin "*Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó*".

Nội dung cụ thể xem tại mục II, Phụ lục 01 của Báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư Pháp (để thẩm định);
- Văn phòng chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Hoàng Oanh

Phụ lục 01

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

CHÍNH SÁCH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	<i>"Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu", "Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân"</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Nghị quyết số 27-TW/NQ ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	“Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”; “xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”.	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	“Làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp	<i>nhANH cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu”, đặt mục tiêu “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu”.</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	<i>“Xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, “địa phương quyết, địa phương</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện	làm, địa phương chịu trách nhiệm”	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	“Đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương cấp xã theo năng lực và yêu cầu quản lý”	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	<i>“Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng uỷ Chính phủ: Chỉ đạo hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp (trong đó, nghiên cứu, rà soát hoàn thiện tiêu chí về sắp xếp các xã, phường, đặc khu) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;...khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng ở Trung ương phối hợp chặt chẽ với các địa phương tham mưu hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương”; “Ban Chấp hành Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu tập trung</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu	<i>sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn thiện thể chế, nhất là các quy định về quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, quản lý xã hội theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, tổ chức bộ máy của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân”</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	<i>“Triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền bảo đảm theo một số nguyên tắc chính sau: (1) Trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; phân cấp, phân quyền đủ mạnh, đủ rõ, hợp lý các nhiệm vụ ở Trung ương đang thực hiện về cho địa phương theo đúng tinh thần “địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. (2) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định rõ giữa thẩm quyền chung của ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức các cấp (không để tình trạng đùn đẩy, né tránh và chậm trễ trong việc triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn; gửi xin ý kiến tràn lan). (3) Rà soát, thực hiện phân cấp, phân quyền giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ”</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Kết luận số 157-KL/TW ngày 25/5/2025 của Bộ Chính trị về triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính			

Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	“Khẩn trương hoàn thành dự thảo Nghị định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền cho chính quyền địa phương 2 cấp, Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã theo đúng Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đặc biệt là chủ trương phân cấp, phân quyền”	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định tầm nhìn đến năm 2045			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	xác định tầm nhìn đến năm 2045 “Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân...”	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	“công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin tới doanh nghiệp”, “hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp”.	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Kế hoạch số 56-KH/BCĐ ngày 04/7/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp			
Chính sách 1: Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin	<i>“Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; tập trung triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”</i>	Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 3: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	
Chính sách 5: Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu		Đã thể chế đầy đủ, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng	

Chính sách 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm cung cấp thông tin

STT	Tên văn bản	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản	Ghi chú
3.	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 2025	khoản 1, 2, 3 Điều 55	Điều 55. Công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là cơ quan đại diện chủ sở hữu công khai thông tin theo quy định của Chính phủ. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải công khai, kịp thời trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu về hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. 3. Bộ Tài chính đăng tải công khai, kịp thời trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính báo cáo của Chính phủ về tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc sau khi Chính phủ báo cáo Quốc hội.	
4.	Luật Hóa chất 2025	khoản 2, 3 Điều 28	Điều 28. Nghĩa vụ cung cấp thông tin 2. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong hóa chất, sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm cho cơ quan có thẩm quyền và người sử dụng. 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về hóa chất nguy hiểm thuộc lĩnh vực quản lý của mình theo yêu cầu để phục vụ cứu chữa, điều trị cho người chịu ảnh hưởng của sự cố hóa chất.	
		khoản 1, 2 Điều 32	Điều 32. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này	cs3

			có nghĩa vụ công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc tại nơi trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho bên mua. 2. Tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến bên mua và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	
		Điều 45	Điều 45. Công khai thông tin về an toàn hóa chất Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến công khai cho cộng đồng dân cư nơi có cơ sở hoạt động hóa chất thông tin về an toàn hóa chất sau đây: 1. Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; 2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Điều 37 của Luật này, trừ thông tin bảo mật quy định tại Điều 26 của Luật này.	cs3
6.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025)	đoạn 2, khoản 7 Điều 13	Điều 13. Phân cấp 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện việc công khai thủ tục hành chính có thay đổi, điều chỉnh quy định tại khoản này theo quy định của pháp luật và sau đó có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về ngành, lĩnh vực có liên quan về việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp tại địa phương mình.	
		đoạn 2, khoản 6 Điều 14	Điều 14. Ủy quyền 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc công khai thủ tục hành chính có thay đổi, điều chỉnh quy định tại khoản này theo quy định của pháp luật và sau đó có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về ngành, lĩnh vực có liên quan về việc	

			điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền tại địa phương mình.	
		khoản 3 Điều 43	Điều 43. Đối thoại giữa chính quyền địa phương cấp xã với Nhân dân 3. Nội dung kết quả hội nghị đối thoại với Nhân dân phải được Ủy ban nhân dân thông báo đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở của chính quyền địa phương cấp xã và gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị.	cs2, 4
8.	Luật Việc làm 2025	khoản 2 Điều 4	Điều 4. Chính sách của Nhà nước về việc làm 2. Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động và cung cấp thông tin thị trường lao động miễn phí qua tổ chức dịch vụ việc làm công.	cs4, 5
9.	Luật Cán bộ, công chức năm 2025	khoản 2 Điều 26	Điều 26. Xếp loại chất lượng 2. Kết quả xếp loại chất lượng phải được thông báo đến cá nhân công chức, công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và được lưu vào hồ sơ công chức.	
11.	Luật Ngân sách nhà nước 2025	điểm a khoản 1 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây: a) Nội dung công khai: Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu giao dự	cs3

			toán theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) bao gồm: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật này; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng, năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về đầu tư công;	
		điểm a khoản 2 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước: a) Đối tượng phải thực hiện công khai bao gồm cơ quan thu ngân sách, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước;	

14.	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025	Điều 20, 47	Điều 47. Trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo 3. Tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại; được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phục vụ quản lý nhà nước. Điều 20. Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.	
		Điều 57	Điều 57. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo 3. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách hỗ trợ phục vụ quản lý nhà nước	

		Điều 59	Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo 3. Tổ chức quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm sau đây: b) Công khai danh mục thiết bị, tư liệu và tổ chức sử dụng trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; c) Công khai chi phí liên quan, báo cáo định kỳ về hiệu quả sử dụng.	cs3
15.	Luật Năng lượng nguyên tử 2025	Điều 6	Điều 6. Nguyên tắc bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân 5. Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân, cộng đồng dân cư với thông tin về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân; chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân theo quy định của pháp luật.	cs4
		Điều 35	Điều 35. Thông tin, tuyên truyền 1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở hạt nhân và cơ sở hạt nhân tổ chức thực hiện các quy định sau đây: a) Tuyên truyền, cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của Nhân dân về cơ sở hạt nhân; b) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn, an ninh và ứng phó sự cố cho Nhân dân địa phương nơi có cơ sở hạt nhân; c) Cung cấp thường xuyên thông tin về tình trạng an toàn, an ninh của cơ sở hạt nhân cho Nhân dân địa phương; d) Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh và giám sát của người dân, cộng đồng dân cư về an toàn, an ninh, đặc biệt trên nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.	cs3
16.	Luật Đường sắt 2025	Điều 52	Điều 52. Quản lý an toàn đường sắt 6. Quản lý an toàn hệ thống đường sắt: c) Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác đường sắt phải	cs3,4

			xây dựng, công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành.	
17.	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi 2025	Điều 20	Điều 20. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở 1. Tiêu chuẩn cơ sở do người đứng đầu tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này tổ chức xây dựng và công bố để áp dụng tại cơ sở đó. 2. Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Nội dung thông báo gồm thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở và thông tin về tên, số hiệu, đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở.	cs3
18.	Luật Quảng cáo sửa đổi 2025	Điều 38	Điều 38. Trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: c) Nội dung quy hoạch phải được công bố công khai theo các hình thức quy định của pháp luật về quy hoạch;	cs4
19.	Luật Doanh nghiệp 2020, sửa đổi, bổ sung 2025	Điều 32	Điều 32. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). 2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	cs4
		khoản 1 Điều 32	Điều 110. Công bố thông tin bất thường 1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có)	cs3, cs5

			và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa; b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp; e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	
20.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sửa đổi 2025	điểm đ khoản 3, khoản 5 Điều 43	Điều 43. Tuyên truyền, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển dịch vụ năng lượng Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sau đây: 3. Tổ chức dịch vụ năng lượng thực hiện các hoạt động sau đây:	cs4 (đối với khoản 3)

			đ) Cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;	
21.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi 2025	khoản 14, 15, 16 Điều 10	Điều 10. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất 14. Cập nhật, cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. 15. Thiết lập và vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin, bồi thường khi sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, gây hại cho người tiêu dùng, phù hợp với quy mô và điều kiện hoạt động; bảo đảm tiếp cận thuận lợi, giải quyết công bằng, kịp thời. 16. Lưu giữ hồ sơ và cung cấp thông tin về chất lượng, kết quả đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	cs4
		khoản 7, 17, 18 Điều 12	Điều 12. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu 7. Cung cấp thông tin về việc bảo hành và thực hiện việc bảo hành hàng hóa cho tổ chức, cá nhân bán hàng, người tiêu dùng. 17. Công khai thông tin liên hệ và hệ thống tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; phối hợp giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh liên quan đến chất lượng hàng hóa nhập khẩu. 18. Thiết lập và vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin, bồi thường khi sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, gây hại cho người tiêu dùng, phù hợp với quy mô và điều kiện hoạt động; bảo đảm tiếp cận thuận lợi, giải quyết công bằng, kịp thời.	cs3

		khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 34b	Điều 34b. Bảo đảm chất lượng hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử 2. Tổ chức, cá nhân bán hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử bao gồm: a) Tên hàng hóa, xuất xứ, tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa; b) Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy theo quy định của pháp luật; c) Hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn (nếu có); d) Thông tin khác theo quy định của pháp luật có liên quan. 3. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử bao gồm: a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hàng hóa bán trên nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử cung cấp thông tin quy định tại khoản 2 Điều này;	
22.	Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2025	khoản 2 Điều 29	Điều 29. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam 2. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của mình.	cs3

		Điều 41	Điều 41. Thông báo và đăng tải kết quả giải quyết các việc về quốc tịch Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết các việc về quốc tịch cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để thông báo cho người có yêu cầu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs3
23.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024, sửa đổi, bổ sung 2025	Điều 32	Điều 32. Lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ 1. Án lệ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố để nghiên cứu, tham khảo, áp dụng trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc. 2. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc lựa chọn, công bố, áp dụng án lệ.	
23.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024, sửa đổi, bổ sung 2025	Điều 54	Điều 54. Tiếp nhận yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và tài liệu kèm theo, Bộ Công an vào sổ hồ sơ chuyển giao và kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật này. Bộ Công an có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu chuyển giao cung cấp thông tin bổ sung hồ sơ. Sau sáu mươi ngày, kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu bổ sung thông tin mà không nhận được thông tin bổ sung thì Bộ Công an gửi trả hồ sơ cho nước yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì Bộ Công an chuyển ngay cho Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền hai bộ hồ sơ để xem xét, quyết định.	cs3, 4
25.	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi 2025	khoản 2 Điều 58	Điều 58. Danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân 2. Chậm nhất là 17 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử.	

		khoản 1 Điều 66	Điều 66. Hội nghị tiếp xúc cử tri 1. Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.	
27.	Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2025	khoản 1, 3 Điều 15	Điều 15. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá 1. Ngay sau khi nhận được Quyết định về đặc xá, trại giam, trại tạm giam phải niêm yết, phổ biến cho người đang chấp hành án phạt tù biết. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có trách nhiệm thông báo Quyết định về đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành.	cs3
		khoản 1 Điều 18	Điều 18. Thực hiện Quyết định đặc xá 1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định đặc xá. Quyết định đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs3
		khoản 1 Điều 31	Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp 1. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực trong việc: a) Cung cấp thông tin, giấy tờ có liên quan đến nghĩa vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá;	cs3

28.	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và số 87/2025/QH15	khoản 4 Điều 44	Điều 44. Xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước 4. Tùy theo nội dung của dự thảo lệnh, quyết định, Chủ tịch nước quyết định việc đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia. Việc đăng tải dự thảo lệnh, quyết định trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	
		điểm b khoản 4 Điều 51	Điều 51. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 4. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau: b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.	cs4

30.	Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025	điểm k1 khoản 2 Điều 79	Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu 2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn có trách nhiệm sau đây: k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;	cs4
31.	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025	điểm e khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 198a	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; d) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.... 4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ	cs3,4

			phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm; c) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm....	
34.	Luật sửa đổi 11 Luật về quân sự, quốc phòng	khoản 3 Điều 35	Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm công khai số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức .	cs3,4
		khoản 6 Điều 40	Điều 40. Sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 6. Kết quả sơ tuyển sức khỏe, phân loại sức khỏe phải được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày.	cs3,4
39.	Luật Dữ liệu 2024	khoản 5 Điều 11	Điều 11. Thu thập, tạo lập dữ liệu 5. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp và công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp, bảng mã danh mục dùng chung để cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác.	cs3,4

		Điều 21	Điều 21. Công khai dữ liệu 4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở theo quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, chia sẻ. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật.	cs3,4
	Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020	Điều 15	Điều 15. Công bố, niêm yết Giấy phép 1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Giấy phép được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đăng tải Giấy phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy phép được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh thông tin, doanh nghiệp dịch vụ phải niêm yết công khai bản sao Giấy phép tại trụ sở chính và đăng tải Giấy phép trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.	cs3,4
		khoản 3 Điều 16	Điều 16. Nộp lại Giấy phép, thu hồi Giấy phép 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy phép; công bố việc thu hồi Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi; công bố việc nộp lại Giấy phép trên cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ đặt trụ sở chính.	cs5
	Luật Cư trú	Điều 33	Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký cư trú 1. Niêm yết công khai thủ tục hành chính; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú; công khai địa điểm, số điện thoại hoặc cách thức khác để tiếp nhận thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng.	

	Luật Biên phòng	khoản 6 Điều 11	Điều 11. Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền 6. Trường hợp chấm dứt việc hạn chế hoặc tạm dừng trước thời hạn thì người có thẩm quyền thông báo ngay cho cơ quan có liên quan và trên phương tiện thông tin đại chúng; thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới, chính quyền địa phương của nước có chung đường biên giới.	
	Luật Doanh nghiệp	khoản 1, 2 Điều 32	Điều 32. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). 2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	
		điểm a, b, c, d (sửa đổi), đ, e, g khoản 1 Điều 109	Điều 109. Công bố thông tin định kỳ 1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty; b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo	cs4

			tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm; e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.	
		khoản 1 Điều 110	Điều 110. Công bố thông tin bất thường 1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa; b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp; e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối	cs4

			kiểm toán báo cáo tài chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	
		khoản 3, 4 Điều 208	Điều 208. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp Việc giải thể doanh nghiệp trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 của Luật này được thực hiện theo quy định sau đây: 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ; 4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có);	cs4
	Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020	khoản 5 Điều 11	Điều 11. Bổ nhiệm Hòa giải viên 5. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định bổ nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách Hòa giải viên trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc; đồng thời gửi Tòa án nhân	cs4

			dân tối cao để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.	
		khoản 3 Điều 13	Điều 13. Miễn nhiệm Hòa giải viên 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định miễn nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xóa tên Hòa giải viên bị miễn nhiệm khỏi danh sách Hòa giải viên, công bố danh sách Hòa giải viên bị miễn nhiệm trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi Hòa giải viên đã làm việc; đồng thời gửi đến Tòa án nhân dân tối cao để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.	
		khoản 6 Điều 1	6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau: “Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.”	cs4
	Luật Giáo dục 2019	khoản 2 Điều 50	Điều 50. Đình chỉ hoạt động giáo dục 2. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với nhà trường phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học, người lao động trong nhà trường và phải công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs4

		khoản 3 Điều 51	Điều 51. Sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường 3. Quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường phải xác định rõ lý do, biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học, người lao động trong nhà trường và phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs4
		điểm i khoản 2 Điều 54	Điều 54. Nhà đầu tư 2. Quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư được quy định như sau: i) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư trên trang thông tin điện tử của nhà trường	cs4
	Luật Kiến trúc 2019	khoản 7 Điều 17	Điều 17. Thi tuyển phương án kiến trúc 7. Thông tin về thi tuyển, hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc và kết quả của cuộc thi phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	
		Điều 24	Điều 24. Quản lý thông tin hành nghề kiến trúc 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc nhận được thông báo của tổ chức hành nghề kiến trúc có trụ sở hoạt động tại địa phương, cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên trang thông tin điện tử do mình quản lý và gửi thông tin đến Bộ Xây dựng. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	cs4
		điểm d khoản 1 Điều 38	Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trên địa bàn; quản lý và cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kiến trúc;	cs4

	Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	điểm b khoản 1 Điều 4	Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: b) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng;	
		Điều 6	Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng 1. Cơ quan thông tin, truyền thông và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức cho công dân và người có chức vụ, quyền hạn. 2. Cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống nhằm phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với học sinh trung học phổ thông, sinh viên, học viên và người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.	cs4
		khoản 1 Điều 9	Điều 9. Nguyên tắc công khai, minh bạch 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.	cs3
		Điều 13	Điều 13. Hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, về công tác phòng, chống tham nhũng và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật về báo chí. 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tổ chức hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đột xuất đối với vụ việc có liên quan đến tổ	cs4

			chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình mà dư luận xã hội quan tâm, trừ trường hợp pháp luật về báo chí có quy định khác.	
		khoản 2 Điều 15	Điều 15. Trách nhiệm giải trình 2. Trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và có yêu cầu trả lời các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí theo quy định của pháp luật.	cs4
	Luật Đặc xá 2018	khoản 1, 3, 4, 7 Điều 15	Điều 15. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá 1. Ngay sau khi nhận được Quyết định về đặc xá, trại giam, trại tạm giam phải niêm yết, phổ biến cho người đang chấp hành án phạt tù biết. 4. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm thông báo, niêm yết công khai danh sách người được đề nghị đặc xá. 7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn thực hiện Điều này.	cs4
		khoản 1 Điều 18	Điều 18. Thực hiện Quyết định đặc xá 1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định đặc xá. Quyết định đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Quyết định đặc xá và danh sách người được đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam nơi người được đặc xá đang chấp hành án và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người đó về cư trú, làm việc; trường hợp người được đặc xá là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người đó.	cs4

	Luật Chăn nuôi 2018	khoản 4 Điều 32	Điều 32. Yêu cầu đối với thức ăn chăn nuôi thương mại trước khi lưu thông trên thị trường 4. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	cs4
		khoản 1, 3; điểm a, b khoản 4 Điều 33	Điều 33. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc 1. Sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 3. Tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tự công bố thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc. Thông tin sản phẩm công bố phải phù hợp với hồ sơ công bố theo quy định tại khoản 2 Điều này. Ngay sau khi tự công bố thông tin sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và tự chịu trách nhiệm về chất lượng và an toàn của sản phẩm đã công bố. 4. Việc thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc được thực hiện như sau: a) Trường hợp thay đổi về địa chỉ cơ sở sản xuất, chất lượng sản phẩm thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại thông tin sản phẩm theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; b) Trường hợp thay đổi thông tin không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì tổ chức, cá nhân tự thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	cs4
		khoản 1, 5, 6 Điều 34	Điều 34. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung 1. Sản phẩm thức ăn bổ sung phải được thẩm định để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quy định này không áp dụng đối với nguyên liệu đơn. 5. Việc công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung được thực hiện theo trình tự sau đây:	cs4

			a) Tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nộp hồ sơ đề nghị công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. 6. Thời gian lưu hành của sản phẩm thức ăn bổ sung là 05 năm kể từ ngày sản phẩm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trên Cổng thông tin điện tử. Trong thời gian 06 tháng trước khi hết hạn lưu hành, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện công bố lại theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.	
		khoản 1, 2 Điều 35	Điều 35. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung 1. Trường hợp thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn bổ sung về tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân đăng ký, quy cách bao gói sản phẩm thì tổ chức, cá nhân tự thực hiện thay đổi thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn....	cs4
		khoản 1 Điều 36	Điều 36. Công bố sản phẩm thức ăn chăn nuôi khác 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ về sản phẩm thức ăn truyền thống, nguyên liệu đơn các nội dung sau đây: a) Tên sản phẩm; b) Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.	cs4

		điểm c khoản 1 Điều 62	Điều 62. Quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi 1. Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: c) Thông tin về sản phẩm đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	cs4
		Điều 76	Điều 76. Dự báo thị trường sản phẩm chăn nuôi 1. Hằng năm, Bộ Công Thương dự báo nhu cầu thị trường về sản phẩm chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo nguồn cung sản phẩm chăn nuôi; công bố trên bản tin chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng. 2. Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật giá và thị trường sản phẩm chăn nuôi trong nước theo tuần, thị trường quốc tế theo tháng và theo yêu cầu quản lý nhà nước, công bố trên bản tin chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng.	cs4
	Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018	khoản 10 Điều 1	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau: “Điều 16. Hội đồng trường của trường đại học công lập 5. Danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của hội đồng trường đại học công lập được quy định như sau: a) Danh sách chủ tịch và thành viên hội đồng trường được công khai trên trang thông tin điện tử của trường đại học sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận;	cs4
		khoản 11 Điều 1	11. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau: “Điều 16a. Nhà đầu tư 2. Nhà đầu tư có trách nhiệm và quyền hạn sau đây: k) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học;	cs4
		khoản 17 Điều 1	17. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau: “Điều 32. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học	cs4

			2. Điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau: d) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật. 6. Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan được quy định như sau: b) Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền; d) Thực hiện công khai trung thực báo cáo tài chính hằng năm và nội dung khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	
		khoản 23 Điều 1	23. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau: “Điều 38. Văn bằng giáo dục đại học 3. Cơ sở giáo dục đại học thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật; công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.	cs4
		khoản 25 Điều 1	25. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau: “Điều 45. Liên kết đào tạo với nước ngoài 7. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng giáo dục đại học; thực hiện kiểm định chương trình liên kết thực	cs4

			hiện tại Việt Nam ngay sau khi có sinh viên tốt nghiệp và kiểm định theo chu kỳ quy định.	
		khoản 27 Điều 1	27. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau: “Điều 50. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học 5. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục đại học theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng.”.	cs4
		khoản 33 Điều 1	33. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau: “Điều 65. Học phí và khoản thu dịch vụ khác 5. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.”.	cs4, cs5
	Luật Trồng trọt 2018	điểm c khoản 2 Điều 82	Điều 82. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây: c) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, hủy bỏ quyết định, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ;	cs4
		điểm đ khoản 1 Điều 83	Điều 83. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:	cs4

			đ) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, hủy bỏ quyết định, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	
	Luật Đo đạc và bản đồ 2018	điểm a, b, đ khoản 3; điểm a, b khoản 4 Điều 41	Điều 41. Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ 3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau: a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc phạm vi quản lý; b) Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện; đ) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được cung cấp rộng rãi bao gồm danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; ghi chú điểm về mốc đo đạc; bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia; dữ liệu về địa giới hành chính, thủy văn, giao thông, dân cư, phủ thực vật, địa danh, bản đồ hành chính và các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ khác không thuộc danh mục bí mật nhà nước.	cs3, cs4
	Luật Tố cáo 2018	khoản 1, 2, 3 Điều 40	Điều 40. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. 2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây: a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;	cs4

			b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. 3. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo phải bảo đảm không làm tiết lộ thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước.	
	Luật Cảnh tranh 2018	Điều 107	Điều 107. Công bố và đăng tải báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia công bố và đăng tải báo cáo kết quả hoạt động hằng năm trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia.	cs4
	Luật Quản lý nợ công 2017	điểm o khoản 1 Điều 15	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ 1. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nợ công và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: o) Tổ chức công tác hạch toán kế toán đối với nợ Chính phủ; thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công theo quy định của pháp luật;	cs4
		khoản 2, 3, 4, 5 Điều 61	Điều 61. Công bố thông tin về nợ công 2. Việc cung cấp và công bố thông tin về nợ công thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Thẩm quyền công bố thông tin về nợ công được quy định như sau: a) Bộ Tài chính công bố thông tin về nợ công; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về nợ chính quyền địa phương. 5. Bản tin nợ công được Bộ Tài chính phát hành 06 tháng một lần	cs4

			bằng tiếng Việt và được dịch ra tiếng Anh dưới dạng ấn phẩm và dữ liệu trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.	
	Luật Trợ giúp pháp lý 2017	khoản 2 Điều 10	Điều 10. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý 2. Sở Tư pháp công bố danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs4
		khoản 2 Điều 17	Điều 17. Người thực hiện trợ giúp pháp lý 2. Sở Tư pháp công bố danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs4
	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017	điểm a, b khoản 1 Điều 59	Điều 59. Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai 1. Việc đăng báo xin lỗi và cải chính công khai quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 56 của Luật này được thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự quy định tại Điều 41 hoặc Điều 57 của Luật này, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở trung ương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự quy định tại Điều 41 hoặc Điều 57 của Luật này, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở địa phương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo cấp tỉnh tại địa phương	cs4

			nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;	
	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017	khoản 1 Điều 14	Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý 1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.	cs4
		khoản 1, 2 Điều 29	Điều 29. Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan. 2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây: a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	cs4
	Luật Quản lý ngoại thương 2017	Điều 25	Điều 25. Thẩm quyền áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu 1. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan quyết định, công bố hàng hóa, cửa khẩu xuất khẩu, nhập	cs4

			khẩu hàng hóa tương ứng và lộ trình thực hiện. 2. Quyết định áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 45 ngày trước ngày có hiệu lực.	
	Luật Đấu giá tài sản 2016	Điều 27, 31, 32	Điều 27, 31, 32. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.	cs4
	Luật Điều ước quốc tế 2016	Điều 60	Điều 60. Đăng tải điều ước quốc tế 2. Cơ quan Công báo đăng tải điều ước quốc tế trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. 3. Cơ quan đề xuất đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng tải cả bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt. 4. Bộ Ngoại giao đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày sao lục điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 59 của Luật này.	cs4
		Điều 62	Điều 62. Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của nước Cộng	cs4

			hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Toàn văn điều ước quốc tế, thông tin về hiệu lực của điều ước quốc tế được đăng tải theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật này được công khai trên Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	
	Luật Dược 2016	Điều 76	Điều 76. Nội dung và trách nhiệm thông tin thuốc 6. Trách nhiệm cung cấp thông tin thuốc được quy định như sau: a) Cơ sở kinh doanh dược, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực dược tại Việt Nam, cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm cập nhật thông tin thuốc của cơ sở đang lưu hành trên thị trường cho cơ quan quản lý nhà nước về dược; b) Cơ sở kinh doanh dược, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực dược tại Việt Nam, cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm cung cấp thông tin thuốc phù hợp với thông tin quy định tại khoản 3 Điều này cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và người sử dụng thuốc. Người của cơ sở kinh doanh dược giới thiệu thuốc cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; c) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm cung cấp thông tin thuốc có liên quan cho người sử dụng thuốc trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh; d) Cơ quan quản lý nhà nước về dược trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm công bố thông tin về chất lượng, an toàn, hiệu quả của thuốc.	
		điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 64	Điều 64. Trách nhiệm thu hồi thuốc 4. Bộ Y tế có các trách nhiệm sau đây: d) Công bố thông tin về thuốc bị thu hồi trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam đối với trường hợp thu hồi thuốc vi phạm ở mức độ 1 ngay sau khi có quyết định thu hồi thuốc.	cs4, cs5

			5. Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam có trách nhiệm công bố thông tin về thu hồi thuốc vi phạm ở mức độ 1 và không thu phí.	
		Điều 113	Điều 113. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong quản lý giá thuốc Công khai giá thuốc trúng thầu trên cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cung cấp giá thuốc trúng thầu đến Bộ Y tế chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận được kết quả lựa chọn nhà thầu của cơ sở thực hiện đấu thầu thuốc.	cs4
	Luật trẻ em 2016	khoản 2 Điều 76	Điều 76. Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác Nhà trường, cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm sau đây: 2. Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật và quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh; công khai thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các Khoản đóng góp theo quy định;	
		khoản 1 Điều 87	Điều 87. Bộ Thông tin và Truyền thông 1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân.	cs4
	Luật Báo chí 2016	khoản 1, 2 Điều 49	Điều 49. Phát hành báo chí 1. Cơ quan báo chí thực hiện phát hành báo chí theo đúng quy định ghi trong giấy phép hoạt động báo chí. Cơ quan báo chí được tổ chức phát hành hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân phát hành. 2. Ngành thông tin và truyền thông có trách nhiệm phát hành các loại báo chí công ích qua mạng bưu chính công cộng theo quy định của Chính phủ và phát hành các loại báo chí khác theo hợp đồng ký kết với cơ quan báo chí.	cs4

	Bộ luật tố tụng hình sự 2015	khoản 1 Điều 285	Điều 285. Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm 1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm phải vào sổ thụ lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).	cs4
		điểm c khoản 6 Điều 477	Điều 477. Xử lý kết quả tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài và kết quả yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu thập chứng cứ 6. Nếu Tòa án nhận được văn bản thông báo về việc tổng đạt không thực hiện được do họ, tên, địa chỉ của đương sự không đúng hoặc đương sự đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới thì Tòa án giải quyết như sau: c) Trường hợp nguyên đơn là công dân Việt Nam yêu cầu ly hôn với người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài mà không thể thực hiện việc cung cấp đúng họ, tên, địa chỉ hoặc địa chỉ mới của người nước ngoài theo yêu cầu của Tòa án mặc dù nguyên đơn, thân nhân của họ hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài đã tiến hành xác minh tin tức, địa chỉ của người nước ngoài đó nhưng không có kết quả thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án có thể thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.	cs4
	Luật Trưng cầu ý dân 2015	Điều 34	Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thông tin, tuyên truyền về trưng cầu ý dân 1. Ủy ban thường vụ Quốc hội chủ trì, phối hợp với Chính phủ chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền về trưng cầu ý dân trong phạm vi cả	cs2

			nước; Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về trung cầu ý dân ở địa phương. 2. Các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương có trách nhiệm tuyên truyền về trung cầu ý dân, thông tin về tình hình tổ chức trung cầu ý dân theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp. 3. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và chính quyền địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tham gia và tạo điều kiện cho công tác thông tin, tuyên truyền về trung cầu ý dân ở cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương mình.	
		Điều 36	Điều 36. Thông báo về thời gian và địa điểm bỏ phiếu trung cầu ý dân Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bỏ phiếu trung cầu ý dân, Tổ trung cầu ý dân phải thường xuyên thông báo cho cử tri ở địa phương biết về ngày bỏ phiếu, địa điểm bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trung cầu ý dân bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.	cs4
	Luật Bảo hiểm xã hội 2014	- Khoản 7, khoản 8 Điều 21 - Khoản 7, khoản 14 Điều 23	Điều 21. Trách nhiệm của người sử dụng lao động 7. Định kỳ 06 tháng, niêm yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu. 8. Hằng năm, niêm yết công khai thông tin đóng bảo hiểm xã hội của người lao động do cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp theo quy định tại khoản 7 Điều 23 của Luật này. Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội 7. Hằng năm, cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động để người sử dụng lao động niêm yết công khai.. 14. Công khai trên phương tiện truyền thông về người sử dụng lao	

			động vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.	
	Luật Phá sản 2014	Khoản 1 Điều 67	Điều 67. Lập danh sách chủ nợ 1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, thu thập tài liệu liên quan đến khoản nợ và niêm yết công khai danh sách chủ nợ. Danh sách chủ nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của chủ nợ hoặc đại diện chủ nợ, số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.	
	Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006	Điểm g, khoản 2a, Điều 9 Điều 89 Điều 92 Điểm c khoản 4 Điều 106	Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng không dân dụng 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hàng không dân dụng. 2. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hàng không dân dụng. 2a. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Nhà chức trách hàng không. Nhà chức trách hàng không có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: g) Công bố, phát hành trong nước và quốc tế thông tin, thông báo liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng; Điều 89. Công bố thông tin hàng không Bộ Giao thông vận tải công bố công khai các đường hàng không, khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, khu vực nguy hiểm, khu vực cung cấp dịch vụ không lưu, khu vực xả nhiên liệu, thả hành lý, hàng hoá hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống. Điều 92. Quản lý chương ngại vật 1. Quản lý chương ngại vật là việc thống kê, đánh dấu, công bố, quản lý, cấp phép sử dụng khoảng không và xử lý các chương ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay. 2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải quy	

		định và quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng công bố công khai các bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay có hoạt động hàng không dân dụng; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không; giới hạn chướng ngại vật của khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; thống kê, đánh dấu và công bố danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn của hoạt động bay. Điều 106. Trách nhiệm điều tra sự cố, tai nạn tàu bay 4. Khi xảy ra tai nạn tàu bay, cơ quan điều tra tai nạn có các trách nhiệm sau đây: c) Công bố kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn tàu bay;	
--	--	---	--

Chính sách 2: Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp

STT	Tên văn bản	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản	Ghi chú
6.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025)	khoản 2, 3 Điều 43	Điều 43. Đối thoại giữa chính quyền địa phương cấp xã với Nhân dân 2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị đối thoại quy định tại khoản 1 Điều này, cùng đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chủ trì hội nghị đối thoại; mời đại diện cấp ủy cùng cấp tham gia hội nghị đối thoại và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tham dự hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị. 3. Nội dung kết quả hội nghị đối thoại với Nhân dân phải được Ủy ban nhân dân thông báo đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở của chính quyền địa phương cấp xã và gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị.	cs 1,4
		điểm d khoản 10 Điều 54	Điều 54. Quy định chuyển tiếp 10. Việc ban hành văn bản hành chính quy định tại điểm c khoản 9 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây: d) Văn bản hướng dẫn phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản và các hình thức phù hợp khác; đồng thời, phải được công khai tập trung trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thông tin của các cơ quan cấp tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với thông tin của các cơ quan cấp xã.	cs1,4
7	Luật nhà ở 2023		Điều 65. Yêu cầu về kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư 5. Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được phê duyệt, bao gồm cả kế hoạch điều chỉnh, phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà chung cư thuộc trường hợp cải tạo, xây dựng lại; được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã	cs 3

			nơi có nhà chung cư thuộc trường hợp cải tạo, xây dựng lại để thông báo cho các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư và gửi đến Bộ Xây dựng. => Trách nhiệm đăng tải quy định tại Khoản này do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nếu được giao bởi Khoản 2 Điều 12 Nghị định 140/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (VB hết hiệu lực: 01/03/2027)	
123.	Luật Thư viện 2019	điểm a, b khoản 4 Điều 11	Điều 11. Thư viện công cộng 4. Thư viện cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Luật này và các chức năng, nhiệm vụ sau đây: a) Tiếp nhận tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện từ thư viện cấp tỉnh, thư viện cấp huyện và các nguồn hợp pháp khác; b) Luân chuyển tài nguyên thông tin đến thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng trên địa bàn;	
132.	Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018	khoản 13 Điều 1	13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 55 như sau: “2. Việc cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Giải thích trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; b) Cung cấp thông tin bằng văn bản giấy, văn bản điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và phương tiện thông tin đại chúng; d) Cung cấp ấn phẩm về quy hoạch. 3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin khi có yêu cầu. Các thông tin được cung cấp phải căn cứ vào đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được phê duyệt và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị đã được ban hành. Đối với trường hợp cung cấp thông tin bằng văn bản, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu.”.	cs1, cs3, cs4
176.	Bộ luật tố tụng dân sự 2015	Điều 179	Điều 179. Thủ tục niêm yết công khai 1. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp	cs1

			không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật này. 2. Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng do Tòa án trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người có chức năng tổng đạt hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú, nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở thực hiện theo thủ tục sau đây: a) Niêm yết bản chính tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của cá nhân, nơi có trụ sở hoặc trụ sở cuối cùng của cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo; b) Niêm yết bản sao tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của cá nhân, nơi có trụ sở hoặc trụ sở cuối cùng của cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt, thông báo; c) Lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết. 3. Thời hạn niêm yết công khai văn bản tố tụng là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.	
177.	Luật Trưng cầu ý dân 2015	điểm b khoản 3 Điều 20	Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp 3. Ủy ban nhân dân cấp xã có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: b) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về trưng cầu ý dân và công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức trưng cầu ý dân ở địa phương;	

Chính sách 3 (mới): Mở rộng phạm vi thông tin phải công khai (Trần Mai bổ sung)

STT	Tên văn bản	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản	Ghi chú
3	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 2025	Điều 55	Điều 55. Công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là cơ quan đại diện chủ sở hữu công khai thông tin theo quy định của Chính phủ. 2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải công khai, kịp thời trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu về hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý. 3. Bộ Tài chính đăng tải công khai, kịp thời trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính báo cáo của Chính phủ về tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc sau khi Chính phủ báo cáo Quốc hội. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
4		Điều 32	Điều 32. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này có nghĩa vụ công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc tại nơi trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho bên mua. 2. Tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến bên mua và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 3. Chính phủ quy định chi tiết về cách thức và thông tin công bố hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.	
		Điều 45	Điều 45. Công khai thông tin về an toàn hóa chất Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến công khai cho cộng đồng dân cư nơi có cơ sở hoạt động hóa chất thông tin về an toàn hóa chất sau đây:	

			1. Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; 2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Điều 37 của Luật này, trừ thông tin bảo mật quy định tại Điều 26 của Luật này.	
10	Luật Thanh tra 2025	Điều 37	Điều 37. Công khai kết luận thanh tra 1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và một trong các hình thức quy định tại các điểm a, c và d khoản 3 Điều này. 2. Kết luận thanh tra phải được công khai, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật. 3. Các hình thức công khai kết luận thanh tra: a) Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo; b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; c) Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng tại nơi tiến hành thanh tra; d) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra.	
11	Luật Ngân sách nhà nước 2025	Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây: a) Nội dung công khai: Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu giao dự toán theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) bao gồm: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế	

		hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật này; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng, năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên Cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử, yêu cầu bắt buộc phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. 2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước: a) Đối tượng phải thực hiện công khai bao gồm cơ quan thu ngân sách, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước; b) Nội dung công khai bao gồm các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn, giảm, gia hạn, khoan nợ, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước; c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan. 3. Nội dung công khai phải bảo đảm đầy đủ theo các chỉ tiêu, biểu mẫu do Bộ Tài chính quy định. 4. Các đối tượng có trách nhiệm phải thực hiện công khai theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, nếu không thực hiện công khai đầy đủ, đúng hạn thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.	
--	--	--	--

			5. Chính phủ quy định chi tiết về công khai ngân sách nhà nước.	
12	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025	Điều 16	Điều 16. Công khai dữ liệu cá nhân 1. Dữ liệu cá nhân chỉ được công khai với mục đích cụ thể. Phạm vi công khai, loại dữ liệu cá nhân được công khai phải phù hợp với mục đích công khai. Việc công khai dữ liệu cá nhân không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân. 2. Dữ liệu cá nhân chỉ được công khai trong các trường hợp sau đây: a) Khi có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân; b) Thực hiện theo quy định của pháp luật; c) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 của Luật này; d) Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. 3. Dữ liệu cá nhân công khai phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu cá nhân từ nguồn dữ liệu gốc và tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng. 4. Hình thức công khai dữ liệu cá nhân, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật. 5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân công khai dữ liệu cá nhân phải kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc công khai dữ liệu cá nhân để bảo đảm tuân thủ đúng mục đích, phạm vi và quy định của pháp luật; ngăn chặn việc truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa đổi, xóa, hủy hoặc các hành vi xử lý trái phép khác đối với dữ liệu cá nhân đã công khai trong khả năng, điều kiện của mình.	
14	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025	Điều 23	Điều 23. Bảo vệ người tham gia thử nghiệm có kiểm soát 4. Công bố đầu mỗi giải quyết khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại của người tham gia thử nghiệm có kiểm soát. Thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm có kiểm soát đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	
17	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi 2025	Điều 45,48	Điều 45. Công bố hợp chuẩn 1. Tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng dựa	

			trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá sự phù hợp của mình. 2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây: tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo. 3. Dấu hợp chuẩn là dấu hiệu chứng minh sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với tiêu chuẩn tương ứng. Dấu hợp chuẩn được cấp cho sản phẩm, hàng hóa sau khi sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.”. 18. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 47 như sau: “5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định phương thức chứng nhận hợp quy.”. 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau: “Điều 48. Công bố hợp quy 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội dựa trên một trong những kết quả sau đây: a) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật; b) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được công nhận theo quy định của pháp luật; c) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật; d) Kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận theo quy định tại Điều 57 của Luật này. 2. Miễn thực hiện công bố hợp quy theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với sản phẩm, hàng hóa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của luật khác tương ứng với yêu cầu kỹ thuật tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. 3. Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây: tên sản phẩm, hàng hóa,	
--	--	--	---	--

			dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo. 4. Dấu hợp quy là dấu hiệu chứng minh sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Dấu hợp quy được cấp cho sản phẩm, hàng hóa sau khi sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy.”.	
21	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi 2025	Điều 23	Điều 23. Công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. 2. Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng được thể hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Trên hàng hóa; b) Trên bao bì hàng hóa; c) Trên nhãn hàng hóa; d) Trong tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa. 3. Việc công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	
31	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025	Điều 198a	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; d) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.	

			Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm. 4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm;	
32	Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự 2025	Điều 135,141	Điều 135. Chi phí trong tố tụng hình sự”; b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau: “5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về chi phí tố tụng và việc miễn, giảm chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.”. 16. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 137 như sau: “d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng.”. 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 141 như sau: “Điều 141. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng 1. Việc thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện khi	

			việc niêm yết công khai không có kết quả hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên Đài Phát thanh hoặc Đài Truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc thông báo. 3. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.”.	
39	Luật Dữ liệu 2024	Điều 21	Điều 21. Công khai dữ liệu 1. Việc công khai dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng, chia sẻ. 2. Dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. 3. Hình thức công khai dữ liệu, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở theo quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, chia sẻ. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
40	Luật Điện lực 2024	Điều 52	Điều 52. Căn cứ lập, điều chỉnh giá điện và giá các dịch vụ về điện 1. Căn cứ lập giá điện bao gồm: a) Chính sách giá điện; b) Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; c) Quan hệ cung cầu về điện; d) Chi phí sản xuất, kinh doanh điện hợp lý và lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực; đ) Cấp độ thị trường điện cạnh tranh; e) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm của đơn vị điện lực. 2. Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được quy định như sau: a) Giá bán lẻ điện được phản ánh và điều chỉnh kịp thời theo biến động thực tế của thông số đầu vào, bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ với lợi nhuận hợp lý để bảo toàn, phát	

			triển vốn kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ và cấp độ thị trường điện cạnh tranh; b) Khi thị trường bán lẻ điện vận hành, giá bán lẻ điện thực hiện theo cơ chế thị trường; c) Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản này. 3. Đơn vị điện lực có trách nhiệm lập, công bố công khai chi phí sản xuất, kinh doanh điện hằng năm. Hình thức và nội dung công khai thực hiện theo quy định của pháp luật. 4. Căn cứ điều chỉnh giá dịch vụ phát điện tại hợp đồng mua bán điện đã ký bao gồm: a) Thay đổi về chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp của bên bán điện hoặc bên mua điện; b) Thực hiện yêu cầu rà soát, điều chỉnh giá dịch vụ phát điện của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Bên bán điện được giao đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục (ngoài phạm vi quản lý đầu tư của đơn vị phát điện tại hợp đồng mua bán điện đã ký) để thực hiện quy hoạch hoặc để thực hiện yêu cầu mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật; d) Tối ưu hóa quy trình quản lý, sản xuất, thay đổi công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất điện.	
41	Luật Công đoàn 2024	Điều 34	Điều 34. Công khai tài chính công đoàn Công đoàn các cấp thực hiện công khai tài chính hằng năm tại hội nghị ban chấp hành công đoàn, đồng thời phải công khai bằng một trong các hình thức sau đây: 1. Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; 2. Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan; 3. Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hằng năm; 4. Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.	
45	Luật lưu trữ 2024	Điều 42,43	Điều 42. Công khai danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ 1. Danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của lưu trữ lịch sử, cơ quan, tổ chức quản lý tài liệu lưu trữ. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, lưu trữ lịch sử có trách nhiệm công khai danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ. Điều 43. Công bố tài liệu lưu trữ	

			1. Công bố tài liệu lưu trữ là việc cơ quan có thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ chính thức thông báo công khai toàn văn hoặc một phần tài liệu lưu trữ cho công chúng. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định việc công bố tài liệu lưu trữ thuộc thẩm quyền quản lý.	
46	Luật Đầu tư công 2024	Điều 15	Điều 15. Công khai, minh bạch trong đầu tư công 1. Nội dung công khai, minh bạch trong đầu tư công bao gồm: a) Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; b) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công; c) Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; d) Kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; đ) Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư; e) Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án; g) Tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; h) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; i) Tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án; k) Kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án; l) Quyết toán vốn đầu tư công. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc công khai các nội dung đầu tư công theo quy định của pháp luật.	
58	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024	Điều 50	Điều 50. Công bố quy hoạch đô thị và nông thôn 1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt, nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Nội dung, tài liệu công bố quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: a) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (nếu có); b) Quyết định phê duyệt quy hoạch; c) Các bản vẽ quy hoạch;	

			d) Thuyết minh quy hoạch; đ) Quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn. 2. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn tổ chức công bố công khai quy hoạch do mình tổ chức lập, trừ các trường hợp sau đây: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố công khai quy hoạch do Bộ Xây dựng tổ chức lập tại địa bàn do mình quản lý; b) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổ chức công bố công khai quy hoạch do chủ đầu tư tổ chức lập. 3. Quy hoạch đô thị và nông thôn phải được công bố tại trụ sở và đăng tải thường xuyên, liên tục trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và kết hợp thực hiện theo một, một số hoặc các hình thức sau đây: a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; b) Trưng bày hệ thống bản vẽ quy hoạch đô thị và nông thôn; trưng bày mô hình (nếu có); c) Tổ chức hội nghị, hội thảo; d) Phát hành ấn phẩm.	
67	Luật Đất đai 2024	Điều 75,225	Điều 75. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 1. Việc công bố công khai quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch. 2. Kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt phải được công bố công khai. 3. Trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định như sau: a) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; c) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên cổng	

			thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai đến người dân, người sử dụng đất tại địa bàn xã. 4. Thời điểm, thời hạn phải công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định sau đây: a) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt thì quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công bố công khai; b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được công khai trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 5. Tài liệu công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất bao gồm: a) Văn bản phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; b) Báo cáo thuyết minh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; c) Bản đồ về quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Điều 225. Công bố, công khai thủ tục hành chính về đất đai 1. Thủ tục hành chính về đất đai sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phải được công bố theo quy định của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. 2. Nội dung công khai thủ tục hành chính về đất đai bao gồm: a) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính; đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; b) Thời gian giải quyết đối với từng thủ tục hành chính; c) Thành phần, số lượng hồ sơ đối với từng thủ tục hành chính; d) Quy trình và trách nhiệm giải quyết từng thủ tục hành chính; đ) Nghĩa vụ tài chính, phí và lệ phí phải nộp đối với từng thủ tục hành chính; e) Nội dung khác của bộ thủ tục hành chính (nếu có). 3. Việc công khai về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện bằng hình thức niêm yết thường xuyên tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; đăng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.	
68	Luật Các tổ chức tín dụng 2024	Điều 33 ,49	Điều 33. Công bố thông tin về khai trương hoạt động Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 01 tờ	

			báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây: 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng; tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài; 2. Số, ngày cấp Giấy phép; 3. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài; 5. Danh sách, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu của tổ chức tín dụng; 6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động. Điều 49. Cung cấp, công bố công khai thông tin 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc); c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin; d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.	
--	--	--	---	--

			2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây: a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này; b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại tổ chức tín dụng đó; d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại tổ chức tín dụng đó. 3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi tổ chức tín dụng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho tổ chức tín dụng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng đó so với lần cung cấp liên trước. 4. Tổ chức tín dụng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, tổ chức tín dụng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng. 5. Tổ chức tín dụng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin cung cấp. 6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	
71	Luật Kinh doanh bất động sản 2023	Điều 6	Điều 6. Công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh	

			1. Trước khi đưa bất động sản, dự án bất động sản vào kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải công khai đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Luật này và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản. 2. Thông tin về dự án bất động sản bao gồm: a) Quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư dự án bất động sản; b) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; c) Thông tin về quy hoạch chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; d) Hợp đồng mẫu được sử dụng để ký kết trong giao dịch kinh doanh bất động sản theo quy định của Luật này. 3. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai bao gồm: a) Loại bất động sản; vị trí, quy mô, tiến độ xây dựng, công năng sử dụng của bất động sản; thông tin về phân diện tích sử dụng chung đối với bất động sản là nhà chung cư, công trình xây dựng, tòa nhà hỗn hợp nhiều mục đích sử dụng; b) Thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đã được thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng; giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng; thông báo khởi công xây dựng công trình; giấy tờ về nghiệm thu việc đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo tiến độ dự án; giấy tờ chứng minh đã được nghiệm thu hoàn thành xây dựng phần móng theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có nhà ở; c) Giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này; d) Thỏa thuận cấp bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai; đ) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua; e) Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có); việc thế chấp nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh. 4. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng có sẵn bao gồm:	
--	--	--	---	--

			a) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy chứng nhận khác về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai trong đó có ghi nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; b) Trường hợp nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản của chủ đầu tư thì chỉ cần có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất xây dựng gắn với nhà ở, công trình xây dựng đó; c) Các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có); việc thế chấp nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh. 5. Thông tin về quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản bao gồm: a) Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với phần diện tích đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản; b) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện được chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở; c) Giấy tờ về việc hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, theo tiến độ dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; d) Giấy tờ về việc chủ đầu tư dự án đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có) đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đưa vào kinh doanh; đ) Các hạn chế về quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản (nếu có); việc thế chấp quyền sử dụng đất, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh. 6. Các thông tin đã công khai phải được cập nhật khi có sự thay đổi. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
72	Luật Tài nguyên nước 2023	Điều 18	Điều 18. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh 1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh được phê duyệt, nội dung của quy hoạch phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, đăng tải thường xuyên, liên tục trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình và thông	

			báo đến Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lưu vực sông trong quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh đăng tải thường xuyên, liên tục nội dung quy hoạch trên trang thông tin điện tử của địa phương mình. Trường hợp quy hoạch có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để thực hiện quyền giám sát, kiến nghị các biện pháp thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh. 3. Thông tin, dữ liệu, mô hình tính toán để phục vụ xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phải được quản lý trên nền tảng công nghệ số, được cập nhật, kết nối vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; cập nhật thông tin, dữ liệu về hồ sơ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	
73	Luật Căn cước 2023		Điều 16. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước 3. Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước được quy định như sau: a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện chức năng, nhiệm vụ thông qua việc chia sẻ thông tin quy định tại khoản 2 Điều này hoặc thông qua hình thức gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin đến cơ quan quản lý căn cước; b) Cá nhân được khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu căn cước thông qua hình thức gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến cơ quan quản lý căn cước; c) Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này khi khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu căn cước phải gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin đến cơ quan quản lý căn cước và phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước, cá nhân là chủ thể của thông tin được khai thác. Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản này;	

			d) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi khai thác thông tin của mình thông qua người đại diện hợp pháp. Việc khai thác thông tin của người bị tuyên bố mất tích do người đại diện hợp pháp của người đó quyết định. Việc khai thác thông tin của người đã chết do người được xác định là người thừa kế của người đó quyết định. 4. Thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an có thẩm quyền cho phép khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước. 5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 3 Điều này.	
74	Luật Nhà ở 2023		Điều 16. Khu vực tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm thông báo các khu vực cần bảo đảm quốc phòng, an ninh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở.	
			Điều 29. Xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh 2. Sau khi phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và gửi cho cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh để công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà ở, đồng thời gửi về Bộ Xây dựng.	
			Điều 33. Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở 5. Danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.	
			Điều 61. Kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư 4. Kết luận kiểm định phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh.	
			Điều 65. Yêu cầu về kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư 5. Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được phê duyệt, bao gồm cả kế hoạch điều chỉnh, phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban	

			nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà chung cư thuộc trường hợp cải tạo, xây dựng lại; được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà chung cư thuộc trường hợp cải tạo, xây dựng lại để thông báo cho các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư và gửi đến Bộ Xây dựng. => Trách nhiệm đăng tải quy định tại Khoản này do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nếu được giao bởi Khoản 2 Điều 12 Nghị định 140/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 (VB hết hiệu lực: 01/03/2027)	
78	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023	Điều 40,72	Điều 40. Trách nhiệm công khai, gỡ bỏ thông tin cảnh báo người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng 1. Nội dung công khai thông tin cảnh báo bao gồm: a) Danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng có hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng bị xử lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bị xử lý bởi cơ quan nước ngoài có thẩm quyền và có ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam. 2. Trách nhiệm công khai các thông tin cảnh báo được quy định như sau: a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp, công khai thông tin cảnh báo người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng có hành vi vi phạm bị xử lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua hệ thống thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật; c) Cơ quan báo chí, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng công khai thông tin cảnh báo người tiêu dùng trong giao dịch trên không gian mạng bằng hình thức phù hợp, bảo đảm thuận tiện cho người tiêu dùng tiếp nhận thông tin. Việc công khai thông tin cảnh báo phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều 72. Công khai thông tin về vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì lợi ích công cộng do tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khởi kiện	

			1. Tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng khởi kiện vụ án dân sự về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vì lợi ích công cộng có trách nhiệm công khai thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc khởi kiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án thụ lý. 2. Việc công khai thông báo thụ lý vụ án được thực hiện bằng hình thức niêm yết tại trụ sở và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tối thiểu 15 ngày kể từ ngày niêm yết, đăng tải. 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc vụ án, tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có trách nhiệm công khai kết quả giải quyết vụ án theo hình thức, thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này.	
79	Luật Hợp tác xã 2023	Điều 14,49	Điều 14. Công bố thông tin cho thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã 1. Thông tin công bố cho thành viên bao gồm: a) Điều lệ và quy chế nội bộ; b) Nghị quyết của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc); c) Danh sách và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn; d) Báo cáo tài chính hằng năm; đ) Thông tin quản lý, sử dụng quỹ chung không chia và tài sản chung không chia; e) Thông tin về giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động; g) Thông tin khác phải công khai theo quy định của Điều lệ. 2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được niêm yết công khai tại trụ sở của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản và được cung cấp cho thành viên khi có yêu cầu. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết. Điều 49. Công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã 1. Sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh công bố nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Nội dung công bố bao gồm: a) Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; b) Ngành, nghề kinh doanh.	

			2. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Điều 47 của Luật này, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 48 của Luật này, những nội dung thay đổi phải được công bố trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Nội dung đăng ký, nội dung thay đổi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được công bố trong 30 ngày liên tục kể từ ngày hồ sơ được chấp thuận.	
80	Luật Giá 2023	Điều 6	Điều 6. Công khai thông tin về giá, thẩm định giá 1. Cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc cơ quan nhà nước thực hiện công khai các nội dung sau đây: a) Chủ trương, đề án, báo cáo về biện pháp quản lý, điều tiết giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; văn bản quy phạm pháp luật về giá; b) Văn bản định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, trừ hàng dự trữ quốc gia; c) Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thẩm định viên về giá; danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; danh sách người bị tước, thu hồi thẻ thẩm định viên về giá. 2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện công khai các nội dung sau đây: a) Giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân tự định giá trong khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; b) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp phải kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này; c) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ niêm yết giá. 3. Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện công khai các nội dung sau đây: a) Danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp; b) Thông tin cơ bản về hoạt động của doanh nghiệp gồm giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, số lượng chứng thư đã phát hành hàng năm; c) Bảng giá dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá. 4. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm công khai thông tin quy định tại Điều này phải bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời và chịu trách nhiệm về nội dung công khai. Việc công khai không áp dụng đối với các thông tin thuộc danh mục	

			bí mật nhà nước và các trường hợp không được phép công khai theo quy định của pháp luật. Việc thông tin, truyền thông về các chính sách pháp luật về giá, cơ chế quản lý, điều hành giá phải bảo đảm tính khách quan, trung thực theo quy định của pháp luật. 5. Việc công khai các thông tin quy định tại Điều này được thực hiện theo hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân hoặc hình thức phù hợp khác. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì công khai bằng hình thức gửi văn bản đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá; đối với các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì công khai bằng hình thức cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giá.	
82	Luật Đấu thầu 2023	Điều 7	Điều 7. Thông tin về đấu thầu 1. Thông tin về lựa chọn nhà thầu bao gồm: a) Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển; c) Thông báo mời thầu; d) Danh sách ngắn; đ) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có); e) Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng; g) Kết quả lựa chọn nhà thầu; h) Thông tin chủ yếu của hợp đồng; i) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu; k) Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu; l) Thông tin khác có liên quan. 2. Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: a) Thông tin về dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này; b) Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm; kết quả mời quan tâm; c) Thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có); d) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Thông tin chủ yếu của hợp đồng; e) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;	

			g) Thông tin khác có liên quan. 3. Các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ thông tin của dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước.	
86	Luật Thanh tra 2022	Điều 79	Điều 79. Công khai kết luận thanh tra 1. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và một trong các hình thức quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Điều này. 2. Kết luận thanh tra phải được công khai toàn văn, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc bí mật khác theo quy định của luật. 3. Hình thức công khai kết luận thanh tra bao gồm: a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; b) Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo; c) Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng. Đối với cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương; đối với cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; d) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
89	Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022	Điều 46	Điều 46. Những nội dung người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải công khai trong nội bộ cơ quan, đơn vị các nội dung sau đây: 1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị; 2. Kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của cơ quan, đơn vị; 3. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định và các nguồn tài chính khác; tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết	

		toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có); 4. Tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng; 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch, chương trình đầu tư công của cơ quan, đơn vị, vốn bố trí theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công cho từng dự án; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án; kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án; quyết toán vốn đầu tư công; 6. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, quy hoạch, chuyển đổi vị trí công tác; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, chấm dứt hợp đồng làm việc; đi công tác nước ngoài; giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị; 7. Kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật; 8. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong nội bộ cơ quan, đơn vị; 9. Nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, đơn vị; 10. Kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về những nội dung cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia ý kiến quy định tại Điều 53 của Luật này;	
--	--	---	--

			11. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; 12. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị.	
90	Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022	Điều 64	Điều 64. Những nội dung doanh nghiệp nhà nước phải công khai 1. Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp nhà nước phải công khai trong nội bộ doanh nghiệp các nội dung sau đây: a) Tình hình sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan; b) Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động; c) Các thỏa ước lao động tập thể mà doanh nghiệp đã ký kết, tham gia; d) Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có); đ) Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; e) Tình hình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết kiến nghị, phản ánh liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người lao động; g) Quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp; h) Các nội dung khác về thông tin tài chính, quản lý tài sản công, về công tác cán bộ theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp. 2. Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước công khai các thông tin về việc bảo đảm đạo đức, văn hóa kinh doanh, việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	
91	Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022	Điều 117,118,119,120	Điều 117. Trách nhiệm công khai thông tin 1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải công khai các thông tin quy định tại các điều 118, 119 và 120 của Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công khai. Việc công khai thông tin phải chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ theo dõi và tuân thủ quy định của pháp luật. Điều 118. Thông tin công khai định kỳ 1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên.	

			2. Báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro. 3. Vốn thực có và tỷ lệ an toàn vốn. Điều 119. Thông tin công khai thường xuyên 1. Thông tin về hồ sơ doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm: a) Thông tin trong giấy phép thành lập và hoạt động; b) Thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và Chuyên gia tính toán; c) Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; d) Đường dây nóng. 2. Thông tin về hoạt động nghiệp vụ bao gồm: a) Quy tắc, điều khoản, biểu phí của từng sản phẩm bảo hiểm đang cung cấp, nội dung khách hàng cần lưu ý đối với từng sản phẩm bảo hiểm; b) Quy trình, hồ sơ yêu cầu và thời hạn giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm; c) Các mục tiêu, chính sách quản lý đầu tư; d) Các mục tiêu, chính sách đánh giá tỷ lệ an toàn vốn. Điều 120. Thông tin công khai bất thường 1. Thông tin công khai bất thường bao gồm: a) Việc tạm ngừng kinh doanh hoặc bị đình chỉ nội dung hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; b) Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, đầu tư ra nước ngoài, thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện; c) Chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; d) Việc thay đổi chính sách kế toán áp dụng; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính; ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính; việc lựa chọn hoặc thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập; đ) Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến có cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ; e) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; g) Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;	
--	--	--	---	--

			h) Quyết định của Tòa án về mở thủ tục phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; i) Quyết định khởi tố đối với doanh nghiệp, người quản lý, người kiểm soát liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; k) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm; l) Thông tin liên quan đến doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam gây ảnh hưởng trọng yếu đến vốn, khả năng thanh toán, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp; m) Tổn thất tài sản có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên; n) Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; o) Thông tin khác theo quy định của pháp luật. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung thông tin công khai bắt buộc tại điểm k và điểm l khoản 1 Điều này.	
92	Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022	Điều 17	Điều 17. Thông tin phải được công khai 1. Các thông tin sau đây phải được công khai rộng rãi: a) Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước; b) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước; c) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính; d) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; đ) Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán	

			ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước; e) Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ; g) Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; h) Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; i) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động; k) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành; l) Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học; m) Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; n) Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng; o) Thông tin về thuế, phí, lệ phí; p) Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật. 2. Ngoài thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.	
--	--	--	--	--

100	Luật Bảo vệ môi trường 2020	Điều 129	Điều 129. Công khai thông tin và sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 1. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có khả năng bị ảnh hưởng từ sự cố môi trường phải được thông báo về nguy cơ sự cố và biện pháp ứng phó sự cố môi trường của các cơ sở xung quanh; được thông tin, tham gia và giám sát hoạt động ứng phó sự cố môi trường. 2. Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh. 3. Thời điểm bắt đầu và kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường và giai đoạn phục hồi môi trường phải được cơ quan, người có thẩm quyền công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư biết, tham gia và giám sát. 4. Người có trách nhiệm chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường và người phát ngôn về sự cố môi trường có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về sự cố môi trường cho cơ quan truyền thông, báo chí, cộng đồng dân cư. Thông tin về sự cố môi trường do người có trách nhiệm chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường và người phát ngôn về sự cố môi trường cung cấp, công bố là thông tin chính thức. 5. Cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm thông tin chính xác, trung thực, đầy đủ và kịp thời về sự cố môi trường và ứng phó sự cố môi trường.	
-----	-----------------------------	-----------------	--	--

Chính sách 4: Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện

STT	Tên văn bản	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản	Ghi chú
4.	Luật Hóa chất 2025	khoản 1, 2 Điều 32	Điều 32. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này có nghĩa vụ công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc tại nơi trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho bên	cs1

			mua. 2. Tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến bên mua và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	
		điểm a khoản 1 Điều 44	Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất trong bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng 1. Tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất có các quyền sau đây: a) Tiếp cận thông tin về an toàn hóa chất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;	cs1
		Điều 45	Điều 45. Công khai thông tin về an toàn hóa chất Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến công khai cho cộng đồng dân cư nơi có cơ sở hoạt động hóa chất thông tin về an toàn hóa chất sau đây: 1. Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; 2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Điều 37 của Luật này, trừ thông tin bảo mật quy định tại Điều 26 của Luật này.	cs1
8.	Luật Việc làm 2025	khoản 1 Điều 17	Điều 17. Thông tin đăng ký lao động và cơ sở dữ liệu về người lao động 1. Thông tin đăng ký lao động của người lao động bao gồm: a) Nhóm thông tin cơ bản: họ, chữ đệm và tên khai sinh; số định danh cá nhân; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; nơi ở hiện tại; b) Nhóm thông tin về giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, chứng chỉ kỹ năng nghề và các chứng chỉ khác; c) Nhóm thông tin về tình trạng việc làm và nhu cầu về việc làm; d) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; đ) Nhóm thông tin khác về đặc điểm, đặc thù của người đăng ký.	
		Điều 18	Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người lao động 1. Người lao động có quyền sau đây:	

		a) Được bảo vệ thông tin đăng ký lao động của bản thân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Được khai thác thông tin của bản thân trong cơ sở dữ liệu về người lao động; c) Được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cập nhật thông tin đăng ký lao động trong cơ sở dữ liệu về người lao động; d) Được sử dụng thông tin của bản thân trong cơ sở dữ liệu về người lao động trong giao dịch, tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ tạo việc làm; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tư vấn, giới thiệu việc làm; bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật này. 2. Người lao động có nghĩa vụ sau đây: a) Thực hiện việc đăng ký lao động theo quy định của Luật này; b) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời về thông tin đăng ký lao động cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người sử dụng lao động và chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp; c) Kịp thời thực hiện việc điều chỉnh thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động khi có thay đổi thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 của Luật này.	
	khoản 1 Điều 20	Điều 20. Thông tin thị trường lao động 1. Thông tin thị trường lao động bao gồm: a) Thông tin về cung lao động, cầu lao động, kết nối cung - cầu lao động; b) Thông tin về đào tạo, trình độ kỹ năng nghề; c) Thông tin về xu hướng tìm kiếm việc làm và nhu cầu sử dụng lao động; d) Thông tin về tiền lương và thu nhập của người lao động.	
	khoản 3 Điều 21	Điều 21. Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin thị trường lao động 3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thị trường lao động đã được phổ biến.	

9.	Luật Cán bộ, công chức năm 2025	khoản 4 Điều 9	Điều 9. Quyền của cán bộ, công chức về bảo đảm điều kiện thi hành công vụ 4. Được cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	
11.	Luật Ngân sách nhà nước 2025	điểm a khoản 1 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 1. Dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; kế hoạch tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và quyết toán tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được công khai theo quy định sau đây: a) Nội dung công khai: Các cấp ngân sách công khai số liệu và báo cáo thuyết minh các tài liệu ngân sách (trừ số liệu chi tiết, báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia và các tài liệu, số liệu giao dự toán theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) bao gồm: dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách, dự kiến kế hoạch tài chính năm của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân; dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật này; tình hình thực hiện ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí khác (nếu có); tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm); quyết toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách công khai kế hoạch tài chính đã được cấp có thẩm quyền giao, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính (6 tháng,	cs1

			năm) và quyết toán tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chương trình, dự án đầu tư công thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về đầu tư công;	
		điểm b khoản 2 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước: b) Nội dung công khai bao gồm các quy định về quy trình, thủ tục kê khai, thu, nộp, miễn, giảm, gia hạn, khoanh nợ, hoàn lại các khoản thu; tạm ứng, cấp phát, thanh toán ngân sách nhà nước;	
		khoản 4 Điều 35	Điều 35. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước 4. Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.	
12.	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025	điểm d khoản 1 Điều 4	Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân 1. Quyền của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm: d) Yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế xử lý dữ liệu cá nhân; gửi yêu cầu phản đối xử lý dữ liệu cá nhân;	
		Điều 11	Điều 11. Thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân 1. Dữ liệu cá nhân được thu thập phải được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi thu thập, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền được phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân từ nguồn dữ liệu tự thu thập hoặc được chia sẻ, cung cấp, chuyển giao, khai thác, sử dụng để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được phân tích, tổng hợp dữ liệu cá nhân từ nguồn dữ liệu cá nhân được phép xử lý theo quy định của pháp luật.	cs1

		Điều 15. Cung cấp dữ liệu cá nhân 2. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân cung cấp dữ liệu cá nhân trong các trường hợp sau đây: a) Cung cấp cho chủ thể dữ liệu cá nhân theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu cá nhân phù hợp quy định của pháp luật, thỏa thuận với chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp việc cung cấp đó có thể gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác; b) Cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi được chủ thể dữ liệu cá nhân đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	cs1
		Điều 19. Xử lý dữ liệu cá nhân trong trường hợp không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân 1. Các trường hợp xử lý dữ liệu cá nhân không cần sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân bao gồm: a) Để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu cá nhân hoặc người khác trong trường hợp cấp bách; bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan tổ chức một cách cần thiết trước hành vi xâm phạm lợi ích nói trên. Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba có trách nhiệm chứng minh trường hợp này; b) Để giải quyết tình trạng khẩn cấp; nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; c) Phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; d) Thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu cá nhân với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	

14.	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025	khoản 2 Điều 39	Điều 39. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ 2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại.	
		khoản 3 Điều 47	Điều 47. Trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo 3. Tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại; được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phục vụ quản lý nhà nước.	cs1
		khoản 5 Điều 51	Điều 51. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5. Được tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	
		điểm đ khoản 2 Điều 53	Điều 53. Tổng công trình sư về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2. Trong quá trình thực hiện chương trình, nhiệm vụ được giao, tổng công trình sư có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: đ) Quyền tiếp cận thông tin đầy đủ, yêu cầu giải trình;	
		khoản 2 Điều 57	Điều 57. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo 2. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số	

			tập trung; ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại các phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; được hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại.	
		điểm b, c khoản 3 Điều 59	Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo 3. Tổ chức quản lý cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm sau đây: b) Công khai danh mục thiết bị, tư liệu và tổ chức sử dụng trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; c) Công khai chi phí liên quan, báo cáo định kỳ về hiệu quả sử dụng.	cs1
15.	Luật Năng lượng nguyên tử 2025	khoản 5 Điều 6	Điều 6. Nguyên tắc bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân 5. Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân, cộng đồng dân cư với thông tin về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân; chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân theo quy định của pháp luật.	cs1
16.	Luật Đường sắt 2025	khoản 1 Điều 35	Điều 35. Thông tin, tuyên truyền 1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở hạt nhân và cơ sở hạt nhân tổ chức thực hiện các quy định sau đây: a) Tuyên truyền, cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của Nhân dân về cơ sở hạt nhân; b) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn, an ninh và ứng phó sự cố cho Nhân dân địa phương nơi có cơ sở hạt nhân; c) Cung cấp thường xuyên thông tin về tình trạng an toàn, an ninh của cơ sở hạt nhân cho Nhân dân địa phương; d) Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh và giám sát của người dân, cộng đồng dân cư về an toàn, an ninh, đặc biệt trên nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.	cs1,4

		điểm c khoản 2 Điều 19	Điều 19. Quy hoạch đường sắt 2. Quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt: c) Việc công bố công khai quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về đường sắt;	
		điểm a khoản 1, điểm c khoản 6 Điều 52	Điều 52. Quản lý an toàn đường sắt 1. Biểu đồ chạy tàu là cơ sở để tổ chức chạy tàu, được xây dựng hàng năm bảo đảm nhu cầu đi lại của người dân, nhu cầu vận tải hàng hóa và được điều chỉnh khi cần thiết cho từng tuyến, toàn mạng lưới đường sắt. Việc thực hiện biểu đồ chạy tàu phải bảo đảm nguyên tắc: a) Tập trung, thống nhất, tuân thủ biểu đồ chạy tàu đã công bố; 6. Quản lý an toàn hệ thống đường sắt: c) Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác đường sắt phải xây dựng, công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành.	cs1 (đối với điểm c khoản 6)
17.	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi 2025	khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8c	Điều 8c. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là nền tảng số thống nhất, hiện đại, tích hợp dữ liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. 2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bao gồm: a) Dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; b) Dữ liệu về đo lường; c) Dữ liệu về đánh giá sự phù hợp; d) Thông tin phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. 3. Dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bao gồm các thông tin sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương; c) Thành viên các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; d) Thành viên các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam tham gia;	

		đ) Tài liệu kỹ thuật và thông tin có liên quan. 4. Dữ liệu về đánh giá sự phù hợp bao gồm các thông tin sau đây: a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được đăng ký, chỉ định, công nhận; tổ chức công nhận đã đăng ký; b) Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân có liên quan; c) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; d) Các báo cáo định kỳ và đột xuất; đ) Tài liệu kỹ thuật và thông tin có liên quan. 5. Dữ liệu về đo lường bao gồm các thông tin sau đây: a) Chuẩn đo lường đã được chứng nhận, phê duyệt; b) Phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu; c) Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được chỉ định, đăng ký; d) Kiểm định viên đã được chứng nhận và cấp thẻ kiểm định viên đo lường; đ) Các báo cáo định kỳ và đột xuất.	
	điểm a khoản 1 Điều 17	Điều 17. Trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia 1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia được quy định như sau: a) Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia triển khai biên soạn; tổ chức tham vấn; lấy ý kiến rộng rãi; công khai về dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;	cs1
	điểm a khoản 2 Điều 21	Điều 21. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn 2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: a) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày tiêu chuẩn quốc gia được công bố; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo;	cs1

		khoản 1 Điều 45	Điều 45. Công bố hợp chuẩn 1. Tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận thực hiện hoặc kết quả tự đánh giá sự phù hợp của mình.	cs1
		khoản 1 Điều 48	Điều 48. Công bố hợp quy 1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội dựa trên một trong những kết quả sau đây: a) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật; b) Kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được công nhận theo quy định của pháp luật; c) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân trên cơ sở kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật; d) Kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận theo quy định tại Điều 57 của Luật này.	cs1
18.	Luật Quảng cáo sửa đổi 2025		Điều 2. Giải thích từ ngữ 9. Người tiếp nhận quảng cáo là người tiếp nhận thông tin từ sản phẩm quảng cáo thông qua người, phương tiện quảng cáo	
19.	Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung 2025	khoản 1, 2 Điều 33	Điều 33. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp 1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. 1a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin	cs1, cs5

		quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí. 2. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.	
		Điều 109. Công bố thông tin định kỳ 1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty; b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm; e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.	cs4
		Điều 110. Công bố thông tin bất thường 1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;	cs1,4

			b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp; e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	
21.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi 2025	khoản 8 Điều 9	Điều 9. Quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất 8. Được tiếp cận thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chính sách ưu đãi của Nhà nước liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	cs1
		khoản 14, 15, 16 Điều 10	Điều 10. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất 14. Cập nhật, cung cấp thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. 15. Thiết lập và vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin, bồi thường khi sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, gây hại cho người tiêu dùng, phù hợp với quy mô và điều kiện hoạt động;	cs1

			bảo đảm tiếp cận thuận lợi, giải quyết công bằng, kịp thời. 16. Lưu giữ hồ sơ và cung cấp thông tin về chất lượng, kết quả đánh giá sự phù hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.	
		khoản 9, 10 Điều 11	Điều 11. Quyền của tổ chức, cá nhân nhập khẩu 9. Được tiếp cận thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và chính sách ưu đãi của Nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu, đánh giá sự phù hợp, ghi nhãn hàng hóa và tuân thủ quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 10. Được cung cấp hoặc tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa do mình nhập khẩu thông qua cơ sở dữ liệu do nước xuất khẩu hoặc tổ chức đánh giá sự phù hợp cung cấp, để phục vụ yêu cầu công khai, minh bạch và giám sát chất lượng.	cs1
		khoản 7, 17, 18 Điều 12	Điều 12. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu 7. Cung cấp thông tin về việc bảo hành và thực hiện việc bảo hành hàng hóa cho tổ chức, cá nhân bán hàng, người tiêu dùng. 17. Công khai thông tin liên hệ và hệ thống tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa nhập khẩu; phối hợp giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh liên quan đến chất lượng hàng hóa nhập khẩu. 18. Thiết lập và vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin, bồi thường khi sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, gây hại cho người tiêu dùng, phù hợp với quy mô và điều kiện hoạt động; bảo đảm tiếp cận thuận lợi, giải quyết công bằng, kịp thời.	cs3
		khoản 8 Điều 13	Điều 13. Quyền của tổ chức, cá nhân xuất khẩu 8. Được tiếp cận thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chính sách ưu đãi của Nhà nước liên quan đến tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp, truy xuất nguồn gốc và các điều kiện chất lượng hàng hóa xuất khẩu.	cs1
		khoản 5 Điều 14	Điều 14. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân xuất khẩu 5. Cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tiêu chuẩn áp dụng và truy xuất nguồn gốc của hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu có yêu cầu theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.	cs1

		khoản 7, 8 Điều 15	Điều 15. Quyền của tổ chức, cá nhân bán hàng 7. Được truy cập, tiếp cận thông tin truy xuất nguồn gốc và dữ liệu chất lượng sản phẩm, hàng hóa từ tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hoặc hệ thống thông tin điện tử theo quy định của pháp luật để phục vụ việc bán hàng, cung cấp thông tin minh bạch cho người tiêu dùng. 8. Được hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật từ tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trong việc kiểm tra, bảo quản, vận chuyển, cung cấp thông tin và thực hiện nghĩa vụ liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	cs1
		khoản 3, 7, 8 Điều 16	Điều 16. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân bán hàng 3. Thông tin trung thực về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, hàng hóa; 7. Cung cấp tài liệu, thông tin đối với hàng hóa bị kiểm tra cho đoàn kiểm tra, cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. 8. Kịp thời cung cấp thông tin về mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao của sản phẩm, hàng hóa và cách phòng ngừa cho người mua khi nhận được thông tin cảnh báo từ tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu.	cs1
		khoản 1, 7, 9 Điều 17	Điều 17. Quyền của người tiêu dùng 1. Được cung cấp thông tin trung thực về đặc tính an toàn, chất lượng, hướng dẫn vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng sản phẩm, hàng hóa; được cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông sản phẩm, hàng hóa trên thị trường; 7. Được truy xuất nguồn gốc, tra cứu, đối chiếu thông tin đầy đủ, minh bạch về đặc tính chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn áp dụng và kết quả đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa thông qua nhãn hàng hóa, nhãn điện tử, mã số, mã vạch hoặc các phương tiện phù hợp khác. 9. Được tiếp cận thông tin cảnh báo về sản phẩm, hàng hóa không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, tài sản hoặc môi trường do cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường cung cấp.	cs1

		điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 22	Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 1. Quyền của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bao gồm: b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện cung cấp thông tin, phản ánh, cảnh báo sớm về sản phẩm, hàng hóa có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ghi nhãn sai hoặc có rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người, tài sản, động vật, thực vật hoặc môi trường; tham gia khảo sát độc lập, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường hoặc trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử; tham gia phối hợp hậu kiểm, truy xuất nguồn gốc, đánh giá rủi ro để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. 2. Nghĩa vụ của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: b) Chia sẻ thông tin đầy đủ, kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc rủi ro gây hại cho người tiêu dùng.	cs1
		điểm b, c khoản 1 Điều 34a	Điều 34a. Bảo đảm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường 1. Hàng hóa lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các điều kiện sau đây: b) Ghi nhãn hàng hóa bằng hình thức vật lý, nhãn điện tử hoặc hộ chiếu số của sản phẩm; thể hiện thông tin về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc và thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật; c) Được cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu điện tử phục vụ truy xuất và kiểm tra sau lưu thông trên thị trường theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	cs1, cs4 (đối với điểm c khoản 1)
		khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 34b	Điều 34b. Bảo đảm chất lượng hàng hóa kinh doanh trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử 2. Tổ chức, cá nhân bán hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên nền tảng số phục vụ giao dịch điện tử bao gồm: a) Tên hàng hóa, xuất xứ, tên tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa;	cs1

			b) Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy theo quy định của pháp luật; c) Hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn (nếu có); d) Thông tin khác theo quy định của pháp luật có liên quan. 3. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử bao gồm: a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hàng hóa bán trên nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử cung cấp thông tin quy định tại khoản 2 Điều này;	
		điểm c khoản 3 Điều 46	Điều 46. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong sản xuất 3. Kiểm tra chất lượng trong sản xuất được thực hiện độc lập với hoạt động kiểm tra của doanh nghiệp và kết quả kiểm tra là căn cứ để thực hiện một số nội dung sau đây: c) Cảnh báo người tiêu dùng hoặc thông tin công khai nếu sản phẩm ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe cộng đồng;	cs1
22.	Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2025	khoản 2 Điều 29	Điều 29. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam 2. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của mình.	cs1,4
		Điều 41	Điều 41. Thông báo và đăng tải kết quả giải quyết các việc về quốc tịch Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết các việc về quốc tịch cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để thông báo cho người có yêu cầu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs1,4

23.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân sửa đổi 2025	Điều 32	Điều 32. Lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ 1. Án lệ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố để nghiên cứu, tham khảo, áp dụng trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc. 2. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc lựa chọn, công bố, áp dụng án lệ.	cs1
25.	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân sửa đổi 2025	khoản 2, 3 Điều 10	Điều 10. Đơn vị bầu cử 2. Tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội. Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử. 3. Tỉnh, thành phố được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Xã, phường, đặc khu được chia thành các đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố chậm nhất là 80 ngày trước ngày bầu cử.	cs1
		khoản 2 Điều 58	Điều 58. Danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân 2. Chậm nhất là 17 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử.	cs1
		khoản 1 Điều 66	Điều 66. Hội nghị tiếp xúc cử tri 1. Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về hình thức, nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, điểm truy cập trực tuyến để cử tri tham dự đông đủ.	cs1
27.	Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2025	khoản 1, 3 Điều 15	Điều 15. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá 1. Ngay sau khi nhận được Quyết định về đặc xá, trại giam, trại tạm giam phải	cs1

			niêm yết, phổ biến cho người đang chấp hành án phạt tù biết. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có trách nhiệm thông báo Quyết định về đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành.	
		khoản 1 Điều 18	Điều 18. Thực hiện Quyết định đặc xá 1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định đặc xá. Quyết định đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		khoản 1 Điều 31	Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp 1. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực, Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu, Viện kiểm sát quân sự khu vực trong việc: a) Cung cấp thông tin, giấy tờ có liên quan đến nghĩa vụ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá;	cs1
30.	Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị		Điều 7. Thông tin về đấu thầu 3. Các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ thông tin của dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước.	cs1,4
		điểm k1 khoản 2 Điều 79	Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu 2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn có trách nhiệm sau đây: k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại	cs1,4

	gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025		khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;	
		điểm a, b khoản 1 Điều 9	Điều 9. Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP 1. Các thông tin phải được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm: a) Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án PPP; b) Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;	cs1,4
		khoản 4 Điều 34	Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội 4. Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án đầu tư khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.	cs1,4
31.	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025	điểm e khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 198a	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây: e) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. 3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;	cs1,4

c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;

d) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:

a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;

b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm;

c) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ

			tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.	
32.	Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự 2025	điểm d khoản 1 Điều 137	Điều 137. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng 1. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng được thực hiện thông qua các phương thức: d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng.	cs1,4
		khoản 1, 2 Điều 141	Điều 141. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng 1. Việc thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện khi việc niêm yết công khai không có kết quả hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên Đài Phát thanh hoặc Đài Truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc thông báo.	cs1,4
34.	Luật sửa đổi 11 Luật về quân sự, quốc phòng	khoản 3 Điều 21	Điều 21. Thiết quân luật 3. Lệnh thiết quân luật phải xác định cụ thể địa phương cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thiết quân luật, biện pháp, hiệu lực thi hành; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; các quy tắc trật	cs1,3

			tự xã hội cần thiết ở địa phương thiết quân luật và được công bố liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.	
		khoản 3 Điều 35	Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm công khai số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức .	cs1,4
		khoản 6 Điều 40	Điều 40. Sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 6. Kết quả sơ tuyển sức khỏe, phân loại sức khỏe phải được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày.	cs1,4
		Điều 13	Điều 13. Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị 1. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Xây dựng và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý. 2. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hằng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của	cs1,4

			chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý. 4. Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.	
37.	Luật Tổ chức Chính phủ 2025	khoản 3 Điều 14	Điều 14. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ 3. Thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.	cs1,4
38.	Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025	Điều 35	Điều 35. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin 1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Quốc hội yêu cầu theo quy định của pháp luật.	cs1,4
		điểm c khoản 2 Điều 43	Điều 43. Đoàn đại biểu Quốc hội 2. Đoàn đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: c) Tổ chức hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và tổ chức để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện nhiệm vụ giám sát tại địa phương; tham gia và phối hợp với Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong các hoạt động giám sát tại địa phương; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội đã chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp thông tin, báo cáo về những vấn đề mà Đoàn đại biểu Quốc hội quan tâm;	cs1,4
		khoản 2 Điều 91	Điều 91. Chương trình kỳ họp Quốc hội 2. Dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 04 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp không thường lệ	cs1,4
39.	Luật Dữ liệu 2024	Điều 21	Điều 21. Công khai dữ liệu 1. Việc công khai dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ	cs1,4

		liệu gốc, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng, chia sẻ. 2. Dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. 3. Hình thức công khai dữ liệu, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở theo quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, chia sẻ. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
	khoản 1, 2, 3, 4 Điều 35	Điều 35. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia 1. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được xây dựng phục vụ việc khai thác, sử dụng chung đáp ứng hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ; phục vụ công tác thống kê, hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, đấu tranh phòng, chống tội phạm, xử lý vi phạm pháp luật; phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng, ứng dụng dữ liệu của tổ chức, cá nhân. 2. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia có giá trị khai thác và sử dụng như dữ liệu gốc. 3. Chủ thể khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, bao gồm: a) Cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được khai thác và sử dụng dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó; b) Chủ thể dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu phản ánh về chủ thể dữ liệu đó; c) Tổ chức và cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này	cs1,4 (đối với khoản 4)

			được khai thác và sử dụng dữ liệu như sau: tự do khai thác và sử dụng dữ liệu mở; khai thác và sử dụng dữ liệu cá nhân khi được sự đồng ý của Trung tâm dữ liệu quốc gia và cá nhân là chủ thể dữ liệu được khai thác; khai thác và sử dụng dữ liệu khác khi được sự đồng ý của Trung tâm dữ liệu quốc gia. 4. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thực hiện qua các phương thức sau đây: a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; b) Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử; d) Ứng dụng định danh quốc gia; đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp; e) Phương thức khác.	
		Điều 37	Điều 37. Cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia 1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác cung cấp dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này. 2. Nhà nước bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện việc tiếp nhận dữ liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	cs1
40.	Luật Điện lực 2024	điểm e khoản 1 Điều 42	Điều 42. Hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ 1. Các hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh bao gồm: e) Cung cấp, công bố thông tin liên quan đến hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh cho các bên liên quan;	cs1
		điểm c khoản 1 Điều 58	Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp giấy phép hoạt động điện lực 1. Đơn vị điện lực được cấp giấy phép có các quyền sau đây:	cs1

			c) Được cung cấp thông tin cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật trong lĩnh vực được cấp giấy phép hoạt động điện lực;	
		điểm đ khoản 1 Điều 59	Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện 1. Đơn vị phát điện có các quyền sau đây: đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phát điện;	cs1
		điểm đ khoản 1 Điều 60	Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện 1. Đơn vị truyền tải điện có các quyền sau đây: đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động truyền tải điện;	cs1
		điểm đ khoản 1 Điều 61	Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện 1. Đơn vị phân phối điện có các quyền sau đây: đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phân phối điện;	cs1
		điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 62	Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện 1. Đơn vị bán buôn điện có các quyền sau đây: d) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán buôn điện; 2. Đơn vị bán buôn điện có các nghĩa vụ sau đây: c) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh, an toàn điện; cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động tham gia thị trường điện cạnh tranh theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	cs1
		điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 63	Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện 1. Đơn vị bán lẻ điện có các quyền sau đây: đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện; 2. Đơn vị bán lẻ điện có các nghĩa vụ sau đây: c) Cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến lượng điện bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	cs1
		điểm đ khoản 1 Điều 64	Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia 1. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có các quyền sau đây: đ) Yêu cầu các đơn vị điện lực có liên quan cung cấp thông tin về đặc tính kỹ thuật, khả năng sẵn sàng tham gia vận hành và mang tải của các trang thiết bị	cs1

			phát điện, truyền tải điện và phân phối điện; nhu cầu sử dụng điện của khách hàng để xác định phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia;	
		điểm đ khoản 1 Điều 66	Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện 1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây: đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;	cs1
		điểm c khoản 1 Điều 74	Điều 74. An toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ có trách nhiệm sau đây: c) Cung cấp thông tin về hệ thống điện trong nhà ở, công trình và nhu cầu sử dụng điện năng khi ký hợp đồng mua bán điện;	cs1
		điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 77	Điều 77. An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước, pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định sau đây: c) Lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống cảnh báo vận hành xả nước, camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin trực tuyến, các thiết bị quan trắc chuyên dùng và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện theo quy định; 4. Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện. Việc duy trì hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	cs1,4
101.	Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy	khoản 10 Điều 1	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau: “Điều 30. Thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính và tiếp cận thông tin người nhiễm HIV 1. Người đứng đầu cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này có trách	

**giảm miễn
dịch mắc phải
ở người
(HIV/AIDS)
sửa đổi 2020**

nhiệm thực hiện việc thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính.

2. Kết quả xét nghiệm HIV dương tính chỉ được thông báo cho những người sau đây:

- a) Người được xét nghiệm;
- b) Vợ hoặc chồng của người được xét nghiệm; cha, mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện của người được xét nghiệm là người dưới 18 tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Người được giao nhiệm vụ trực tiếp tư vấn, thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính cho người được xét nghiệm;
- d) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát dịch tễ học HIV/AIDS; người được giao nhiệm vụ giám sát dịch tễ học HIV/AIDS;
- đ) Người đứng đầu, điều dưỡng viên trưởng của khoa, phòng, đơn vị khác của cơ sở y tế có người nhiễm HIV được điều trị; nhân viên y tế được giao trách nhiệm trực tiếp điều trị, chăm sóc cho người nhiễm HIV tại cơ sở y tế;
- e) Người đứng đầu, người phụ trách y tế, nhân viên y tế được giao nhiệm vụ trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho người nhiễm HIV tại cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giam giữ khác;
- g) Người đứng đầu và cán bộ, công chức được giao trách nhiệm của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

3. Người được tiếp cận thông tin người nhiễm HIV bao gồm:

- a) Người quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;
- b) Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội trực tiếp thực hiện việc giám định, thanh toán, quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV;
- c) Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của cơ sở y tế khi trực tiếp thực hiện việc thanh toán, quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh cho người nhiễm HIV;

			d) Người được người nhiễm HIV đồng ý cho phép tiếp cận thông tin của chính người nhiễm HIV.	
103.	Luật cư trú 2020	khoản 13 Điều 7	Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm về cư trú 13. Truy nhập, khai thác, hủy hoại, làm cản trở, gián đoạn hoạt động, thay đổi, xóa, phát tán, cung cấp trái phép thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.	
		khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8	Điều 8. Quyền của công dân về cư trú 2. Được bảo đảm bí mật thông tin cá nhân, thông tin về hộ gia đình trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật. 3. Được khai thác thông tin về cư trú của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; được cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của mình xác nhận thông tin về cư trú khi có yêu cầu. 4. Được cơ quan đăng ký cư trú cập nhật, điều chỉnh thông tin về cư trú của mình trong Cơ sở dữ liệu về cư trú khi có thay đổi hoặc khi có yêu cầu. 5. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện quyền tự do cư trú của mình khi có yêu cầu.	- phi địa giới;
		điểm d khoản 3 Điều 36	Điều 36. Cơ sở dữ liệu về cư trú 3. Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng dữ liệu về cư trú phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: d) Mọi sự truy nhập đến Cơ sở dữ liệu về cư trú để thay đổi thông tin về cư trú của công dân phải được sự phê duyệt của thủ trưởng cơ quan đăng ký cư trú hoặc cơ quan khác có thẩm quyền;	
111.	Luật Doanh nghiệp 2020	điểm a khoản 1 Điều 125	Điều 125. Chào bán cổ phần riêng lẻ 1. Chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng;	
113.	Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020	khoản 1 Điều 4	Điều 4. Bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án 1. Hòa giải viên, các bên, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được mời tham gia hòa giải, đối thoại không được tiết lộ thông tin mà mình biết được trong quá trình hòa giải, đối thoại.	

		điểm e khoản 1 Điều 8	Điều 8. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án 1. Các bên có các quyền sau đây: e) Yêu cầu Hòa giải viên, người tham gia hòa giải, đối thoại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, Thẩm phán tham gia phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại giữ bí mật thông tin do mình cung cấp;	
		điểm e khoản 1 Điều 14	Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của Hòa giải viên 1. Hòa giải viên có các quyền sau đây: e) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, trừ trường hợp các bên đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật;	
123.	Luật Thư viện 2019	khoản 2 Điều 8	Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thư viện 2. Cung cấp tài nguyên thông tin thuộc bí mật nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	
124.	Bộ luật Lao động 2019	Điều 16	Điều 16. Nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động 1. Người sử dụng lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người lao động về công việc, địa điểm làm việc, điều kiện làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn, vệ sinh lao động, tiền lương, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quy định về bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người lao động yêu cầu. 2. Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.	
		khoản 3 Điều 70	Điều 70. Quy trình thương lượng tập thể tại doanh nghiệp 3. Trong quá trình thương lượng tập thể, nếu có yêu cầu của bên đại diện người lao động thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, bên người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và nội dung khác liên quan trực tiếp đến nội dung	

		thương lượng trong phạm vi doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương lượng tập thể, trừ thông tin về bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của người sử dụng lao động.	
126.	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia 2019	Điều 12. Quản lý việc quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo rượu, bia phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật về quảng cáo. 2. Quảng cáo không thể hiện các nội dung sau đây: a) Có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; thông tin rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai; b) Sử dụng vật dụng, hình ảnh, biểu tượng, âm nhạc, nhân vật trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên; sử dụng người chưa đủ 18 tuổi hoặc hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia. 3. Không thực hiện quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo trong trường hợp sau đây: a) Sự kiện, phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai; b) Phương tiện giao thông; c) Báo nói, báo hình ngay trước, trong và ngay sau chương trình dành cho trẻ em; trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hằng ngày, trừ trường hợp quảng cáo có sẵn trong các chương trình thể thao mua bản quyền tiếp sóng trực tiếp từ nước ngoài và trường hợp khác theo quy định của Chính phủ; d) Phương tiện quảng cáo ngoài trời vi phạm quy định về kích thước, khoảng cách đặt phương tiện quảng cáo tính từ khuôn viên của cơ sở giáo dục, cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi. 4. Quảng cáo phải có cảnh báo để phòng, chống tác hại của rượu, bia. 5. Quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác phải có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ	

			18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia. 6. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.	
		khoản 5, 6 Điều 32	Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia 5. Cơ sở bán rượu, bia phải niêm yết thông báo không bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người mua rượu, bia thì người bán có quyền yêu cầu người mua xuất trình giấy tờ chứng minh. 6. Cơ sở bán rượu, bia tiêu dùng tại chỗ nhắc nhở và có hình thức thông tin phù hợp đối với khách hàng về việc không điều khiển phương tiện giao thông, hỗ trợ khách hàng thuê, sử dụng phương tiện giao thông công cộng sau khi uống rượu, bia.	cs1
129.	Luật Kiến trúc 2019	khoản 4 Điều 9	Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc 4. Tiết lộ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin kinh doanh do khách hàng cung cấp, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.	
132.	Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018	khoản 13 Điều 1	13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 55 như sau: “2. Việc cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Giải thích trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; b) Cung cấp thông tin bằng văn bản giấy, văn bản điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và phương tiện thông tin đại chúng; d) Cung cấp ấn phẩm về quy hoạch. 3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin khi có yêu cầu. Các thông tin được cung cấp phải căn cứ vào đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được phê duyệt và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị đã được ban hành. Đối với trường hợp cung cấp thông tin bằng văn bản, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu.”.	cs1, cs2, cs4

133.	Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	khoản 1 Điều 9	Điều 9. Nguyên tắc công khai, minh bạch 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.	cs1
135.	Luật Chăn nuôi 2018	điểm d khoản 1 Điều 25	Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi 1. Cơ sở sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi có quyền sau đây: d) Được giữ bí mật thông tin về hoạt động sản xuất, mua bán sản phẩm giống vật nuôi, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
137.	Luật Trồng trọt 2018	điểm b khoản 2 Điều 53	Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của người lấy mẫu phân bón 2. Người lấy mẫu phân bón có nghĩa vụ sau đây: b) Bảo mật thông tin, số liệu liên quan đến việc lấy mẫu, trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cáo;	
139.	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018	Điều 7	Điều 7. Phạm vi bí mật nhà nước Phạm vi bí mật nhà nước là giới hạn thông tin quan trọng trong các lĩnh vực sau đây chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc	
		Điều 8	Điều 8. Phân loại bí mật nhà nước Căn cứ vào tính chất quan trọng của nội dung thông tin, mức độ nguy hại nếu bị lộ, bị mất, bí mật nhà nước được phân loại thành 03 độ mật	
141.	Luật Đo đạc và bản đồ 2018	điểm a, b, đ khoản 3; điểm a, b khoản 4 Điều 41	Điều 41. Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ 3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau: a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc phạm vi quản lý; b) Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện; đ) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được cung cấp rộng rãi bao	cs1, cs4

		gồm danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; ghi chú điểm về mốc đo đạc; bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia; dữ liệu về địa giới hành chính, thủy văn, giao thông, dân cư, phủ thực vật, địa danh, bản đồ hành chính và các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ khác không thuộc danh mục bí mật nhà nước. 4. Việc cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện như sau: a) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước được cung cấp, trao đổi với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước được cung cấp, trao đổi với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.	
147.	Luật Quy hoạch 2017	Điều 42 Điều 42. Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân 1. Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia. 4. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập. 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.	cs1
153.	Luật Cảnh vệ 2017	khoản 1 Điều 7 Điều 7. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ 1. Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân	

			tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ theo quy định của pháp luật và giữ bí mật thông tin mà họ cung cấp.	
154.	Luật Trợ giúp pháp lý 2017	điểm c khoản 1 Điều 6	Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý 1. Nghiêm cấm tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi sau đây: c) Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác;	
162.	Luật Quản lý ngoại thương 2017	khoản 3 Điều 74	Điều 74. Bên liên quan trong vụ việc điều tra 3. Bên liên quan trong vụ việc điều tra được tiếp cận thông tin, tài liệu mà bên liên quan khác đã cung cấp cho Cơ quan điều tra, trừ thông tin, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật này.	
170.	Luật trẻ em 2016	điểm đ khoản 1 Điều 58	Điều 58. Hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em 1. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động theo nội dung đã đăng ký và bảo đảm các yêu cầu sau đây: đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến trẻ em bị xâm hại, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.	
171.	Luật Báo chí 2016	khoản 2 Điều 38	Điều 38. Cung cấp thông tin cho báo chí 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có quyền từ chối cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau đây: a) Thông tin thuộc danh Mục bí mật nhà nước, bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật; b) Thông tin về vụ án đang được Điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Điều tra cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động Điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; c) Thông tin về vụ việc đang trong quá trình thanh tra chưa có kết luận thanh tra; vụ việc đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn giữa các cơ quan nhà nước đang trong quá trình giải	

			quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định của pháp luật chưa được phép công bố; d) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép công bố.	
172.	Bộ luật tố tụng hình sự 2015	điểm g khoản 2 Điều 73	Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa 2. Người bào chữa có nghĩa vụ: g) Không được tiết lộ thông tin về vụ án, về người bị buộc tội mà mình biết khi bào chữa, trừ trường hợp người này đồng ý bằng văn bản và không được sử dụng thông tin đó vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân	
176.	Bộ luật tố tụng dân sự 2015	Điều 173	Điều 173. Các phương thức cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện bằng các phương thức sau đây: 1. Cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo. 2. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 3. Niêm yết công khai. 4. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. 5. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương thức khác theo quy định tại Chương XXXVIII của Bộ luật này.	cs1, cs4
208.	Luật Hải quan 2014	Khoản 22 Điều 4	Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 22. Thông tin hải quan là những thông tin, dữ liệu về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các thông tin khác liên quan đến hoạt động hải quan.	
		Điểm a khoản 1 Điều 18	Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan 1. Người khai hải quan có quyền:	

			a) Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin liên quan đến việc khai hải quan đối với hàng hoá, phương tiện vận tải, hướng dẫn làm thủ tục hải quan, phổ biến pháp luật về hải quan;	
		Điều 93	Điều 93. Thông tin hải quan Thông tin hải quan được thu thập, lưu trữ, quản lý, sử dụng để phục vụ thực hiện thủ tục hải quan; thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan; kiểm tra sau thông quan; phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và các hoạt động nghiệp vụ khác của cơ quan hải quan.	
		Điều 95	Điều 95. Thu thập, cung cấp thông tin hải quan ở trong nước 1. Cơ quan hải quan tổ chức thu thập thông tin từ các nguồn sau: a) Hoạt động nghiệp vụ hải quan; b) Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến sản xuất và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; d) Các nguồn thông tin khác. 2. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan hải quan trong việc thu thập, cung cấp thông tin hải quan: a) Tiếp nhận, cung cấp thông tin cho người khai hải quan; b) Xây dựng, thực hiện cơ chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; c) Áp dụng biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ để thu thập thông tin; d) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; đ) Khai thác các nguồn thông tin khác có liên quan. 3. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cung cấp thông tin hải quan: a) Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan hải quan cung cấp thông tin hải quan liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình; b) Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin liên	

			quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cho cơ quan hải quan; c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
211.	Luật Phá sản 2014	Khoản 1, 2 Điều 67	Điều 67. Lập danh sách chủ nợ 1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, thu thập tài liệu liên quan đến khoản nợ và niêm yết công khai danh sách chủ nợ. Danh sách chủ nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của chủ nợ hoặc đại diện chủ nợ, số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn. 2. Danh sách chủ nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản, trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và phải gửi cho chủ nợ đã gửi giấy đòi nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.	
268.	Luật thi hành án dân sự 2008	Điều 39	Điều 39. Thông báo về thi hành án 1. Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó. 2. Việc thông báo phải thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, huỷ hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. 3. Việc thông báo được thực hiện theo các hình thức sau đây: a) Thông báo trực tiếp hoặc qua cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật; b) Niêm yết công khai;	

			c) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. 4. Chi phí thông báo do người phải thi hành án chịu, trừ trường hợp pháp luật quy định ngân sách nhà nước chi trả hoặc người được thi hành án chịu.	
298.	Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004	Khoản 3 Điều 99	Điều 99. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ 3. Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các biện pháp bảo vệ trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa; tổ chức lực lượng Cảnh sát đường thủy tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đối với người, phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật; thống kê, cung cấp dữ liệu về tai nạn giao thông đường thủy nội địa.	Nội dung này chưa có Thông tư hướng dẫn

Chính sách 4: Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân

STT	Tên văn bản	Điều, khoản, điểm	Nội dung điều, khoản	Ghi chú
4.	Luật Hóa chất 2025	khoản 2 Điều 22	Điều 22. Quản lý hóa chất mới 2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký, hằng năm, tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất liên quan đến hóa chất mới phải cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất về quá trình hoạt động với hóa chất mới.	
		khoản 4, 5, 6 Điều 29	Điều 29. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất 4. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được thiết kế bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật. Thông tin trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được phân cấp, phân quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khai thác, sử dụng cho công tác quản lý nhà nước, điều tra và xử lý vi phạm. 5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn. 6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đồng bộ, chia sẻ dữ liệu liên quan đến hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.	
		khoản 8 Điều 29	Điều 29. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất 8. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.	
5.	Luật Công nghiệp công nghệ số 2025	khoản 3 Điều 34	Điều 34. Hệ thống thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số 3. Nhà nước bảo đảm một phần hoặc toàn bộ kinh phí đầu tư, mua sắm, thuê để xây dựng, duy trì, quản lý, vận hành, bảo trì, nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số và xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số từ nguồn tài chính cho công nghiệp công nghệ số quy định tại Điều 11 của Luật này.	cs5
		điểm c khoản 2 Điều 35	Điều 35. Trách nhiệm cung cấp, thu thập, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số 2. Quản lý cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số:	

			c) Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định giá sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật về giá.	
6.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025)	khoản 2, 3 Điều 43	Điều 43. Đối thoại giữa chính quyền địa phương cấp xã với Nhân dân 2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị đối thoại quy định tại khoản 1 Điều này, cùng đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chủ trì hội nghị đối thoại; mời đại diện cấp ủy cùng cấp tham gia hội nghị đối thoại và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tham dự hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị. 3. Nội dung kết quả hội nghị đối thoại với Nhân dân phải được Ủy ban nhân dân thông báo đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở của chính quyền địa phương cấp xã và gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị.	cs 1,2
		điểm d khoản 10 Điều 54	Điều 54. Quy định chuyển tiếp 10. Việc ban hành văn bản hành chính quy định tại điểm c khoản 9 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây: d) Văn bản hướng dẫn phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản và các hình thức phù hợp khác; đồng thời, phải được công khai tập trung trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thông tin của các cơ quan cấp tỉnh, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với thông tin của các cơ quan cấp xã.	cs1,2
8.	Luật Việc làm 2025	khoản 2 Điều 4	Điều 4. Chính sách của Nhà nước về việc làm 2. Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động và cung cấp thông tin thị trường lao động miễn phí qua tổ chức dịch vụ việc làm công.	cs1, 5
		khoản 2 Điều 15	Điều 15. Hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động 2. Kinh phí bảo đảm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và nguồn khác theo quy định của pháp luật.	cs5

		khoản 4 Điều 16	Điều 16. Nguyên tắc đăng ký lao động 4. Tiếp nhận, cập nhật, điều chỉnh thông tin về người lao động vào cơ sở dữ liệu về người lao động và kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu khác.	
		khoản 4 Điều 17	Điều 17. Thông tin đăng ký lao động và cơ sở dữ liệu về người lao động 4. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được kết nối, cập nhật, đồng bộ, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác theo quy định của Luật này, pháp luật về dữ liệu và quy định khác của pháp luật có liên quan.	
		khoản 2 Điều 19	Điều 19. Hệ thống thông tin thị trường lao động 2. Hệ thống thông tin thị trường lao động được kết nối, cập nhật, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu về người lao động, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác để cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin về thị trường lao động.	
		điểm c khoản 2 Điều 21	Điều 21. Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin thị trường lao động 2. Cơ quan quản lý nhà nước về việc làm có trách nhiệm sau đây: c) Phổ biến thông tin thị trường lao động trên các trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm; phương tiện thông tin đại chúng và các phương thức hợp pháp khác.	cs1
10.	Luật Thanh tra 2025	khoản 3 Điều 37	Điều 37. Công khai kết luận thanh tra 3. Các hình thức công khai kết luận thanh tra: a) Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức hợp báo; b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; c) Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng tại nơi tiến hành thanh tra; d) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra.	
		khoản 1 Điều 60	Điều 60. Hiện đại hóa hoạt động thanh tra 1. Nhà nước có chính sách đầu tư, phát triển khoa học công nghệ và các phương tiện khác để	cs5

			bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của cơ quan thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thanh tra; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động thanh tra; xây dựng chuẩn mực thanh tra để bảo đảm cho hoạt động thanh tra chất lượng, hiệu quả, khả thi, đúng pháp luật, công khai, minh bạch.	
11.	Luật Ngân sách nhà nước 2025	điểm b khoản 1 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 1. b) Việc công khai được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên Cổng thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với các cơ quan, đơn vị có Cổng thông tin điện tử, yêu cầu bắt buộc phải công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	
		điểm c khoản 2 Điều 15	Điều 15. Công khai ngân sách nhà nước 2. Công khai thủ tục ngân sách nhà nước: c) Việc công khai được thực hiện bằng các hình thức niêm yết tại nơi giao dịch và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan.	
12.	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025	khoản 4 Điều 16	Điều 16. Công khai dữ liệu cá nhân 4. Hình thức công khai dữ liệu cá nhân, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.	
		khoản 3 Điều 22	Điều 22. Cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới 3. Việc cập nhật hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới được thực hiện trên Cổng thông tin quốc gia về bảo vệ dữ liệu cá nhân hoặc tại cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân.	
14.	Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025	Điều 10	Điều 10. Trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ từ Nhà nước có trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng hình thức phù hợp, bao gồm cả việc cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	cs1

		2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố thông tin hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc theo các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật. 3. Nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không thuộc phạm vi phổ biến, cập nhật quy định tại Điều này	
		Điều 20. Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 4. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung, thống nhất; bảo đảm yêu cầu bảo mật, kết nối các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường mạng để lưu trữ, chia sẻ, phổ biến công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng; bảo đảm kết nối Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cung cấp dữ liệu đầu vào chính xác, thống nhất. 5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, bao gồm cả tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, thụ hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.	cs1 (đối với khoản 5)
		Điều 26. Kiểm soát chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài 2. Kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao phải được công bố công khai trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và dành quyền tiếp cận ưu tiên cho tổ chức, cá nhân trong nước trong thời hạn tối thiểu 12 tháng trước khi chuyển giao ra nước ngoài.	

		khoản 1 Điều 59	Điều 59. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Nhà nước đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển các thư viện chuyên ngành, bảo tàng chuyên ngành, trung tâm nghiên cứu, trung tâm thử nghiệm, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược.	
		khoản 1, 2 Điều 60	Điều 60. Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Nhà nước ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin, nguồn tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm cả Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. 2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thu thập, xử lý, quản lý và phổ biến thông tin, tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu mở phục vụ cộng đồng.	
15.	Luật Năng lượng nguyên tử 2025	điểm k khoản 1 Điều 5	Điều 5. Chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử 1. Chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử bao gồm: k) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong xã hội về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử và thúc đẩy văn hóa an toàn, văn hóa an ninh.	
		khoản 1, 2 Điều 7	Điều 7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử 1. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, bảo đảm tính công khai, minh bạch, liên thông, đồng bộ và kịp thời trong việc thu thập, xử lý, khai thác và chia sẻ thông tin, dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. 2. Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là hệ thống tích hợp thống nhất, phục vụ cập nhật, lưu trữ, quản lý, trao đổi và chia sẻ dữ liệu về tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được thiết kế bảo đảm khả năng tích hợp,	

			liên thông và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.	
		khoản 1 Điều 35	Điều 35. Thông tin, tuyên truyền 1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở hạt nhân và cơ sở hạt nhân tổ chức thực hiện các quy định sau đây: a) Tuyên truyền, cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của Nhân dân về cơ sở hạt nhân; b) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn, an ninh và ứng phó sự cố cho Nhân dân địa phương nơi có cơ sở hạt nhân; c) Cung cấp thường xuyên thông tin về tình trạng an toàn, an ninh của cơ sở hạt nhân cho Nhân dân địa phương; d) Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý ý kiến phản ánh và giám sát của người dân, cộng đồng dân cư về an toàn, an ninh, đặc biệt trên nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.	cs1,3
		Điều 65	Điều 65. Yêu cầu chung 1. Sự cố bức xạ là tình trạng mất an toàn bức xạ và mất an ninh nguồn phóng xạ. Việc xác định mức sự cố bức xạ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi xảy ra sự cố bức xạ thực hiện theo quy định của Chính phủ. 2. Sự cố hạt nhân là tình trạng mất an toàn hạt nhân và mất an ninh vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân. Việc xác định mức sự cố hạt nhân và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng khi xảy ra sự cố hạt nhân thực hiện theo quy định của Chính phủ.	
17.	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi 2025	điểm a khoản 6 Điều 8c	Điều 8c. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 6. Việc xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác, nền tảng số của Bộ, ngành, địa phương; đáp ứng yêu cầu khai thác thông tin của tổ chức, cá nhân;	cs1
		khoản 1, 2 Điều 20	Điều 20. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở 1. Tiêu chuẩn cơ sở do người đứng đầu tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này tổ chức xây dựng và công bố để áp dụng tại cơ sở đó. 2. Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở	cs1

			thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Nội dung thông báo gồm thông tin về tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở và thông tin về tên, số hiệu, đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở.	
		điểm b khoản 2 Điều 21	Điều 21. Xuất bản và phát hành tiêu chuẩn 2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: b) Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước; tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được xuất bản và phát hành công khai;	
		khoản 2 Điều 40	Điều 40. Yêu cầu cơ bản đối với đánh giá sự phù hợp 2. Bảo đảm thông tin công khai, minh bạch cho các bên có liên quan về trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp.	
		khoản 2 Điều 45	Điều 45. Công bố hợp chuẩn 2. Tổ chức, cá nhân công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây: tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo.	cs1
		khoản 3 Điều 48	Điều 48. Công bố hợp quy 3. Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với các thông tin cụ thể sau đây: tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo.	cs1
		điểm g khoản 2 Điều 52	Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp 2. Nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp bao gồm: g) Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc cấp, cấp lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoặc tạm đình chỉ, thu hồi văn bản xác nhận sự phù hợp và quyền sử dụng dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy;	cs1

18.	Luật Quảng cáo sửa đổi 2025	khoản 1 Điều 23	Điều 23. Quảng cáo trên mạng 1. Hoạt động quảng cáo trên mạng bao gồm quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, nền tảng số có kết nối Internet.	
19.	Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung 2025	khoản 1, 2 Điều 32	Điều 32. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). 2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	cs1, cs5 (đối với khoả n 1)
		Điều 73	Điều 73. Công bố thông tin Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ, g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật này.	cs1
		khoản 1 Điều 109	Điều 109. Công bố thông tin định kỳ 1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty; b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm;	cs3

			e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.	
		khoản 1 Điều 110	Điều 110. Công bố thông tin bất thường 1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa; b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp; e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	cs1,3
20.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sử dụng 2025	khoản 2 Điều 18	Điều 18. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng 2. Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng trong chiếu sáng công cộng.	cs1

		khoản 3 Điều 21	Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động giao thông vận tải 3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan công bố tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng của phương tiện vận tải và nhiên liệu thân thiện môi trường sử dụng trong giao thông vận tải.	cs1
		khoản 1, 3 Điều 37	Điều 37. Biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng Nhà nước áp dụng các biện pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sau đây đối với phương tiện, thiết bị: 1. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, mức hiệu suất năng lượng tối thiểu của phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng; 3. Công bố thông tin cần thiết về sử dụng năng lượng của phương tiện, thiết bị và vật liệu xây dựng;	cs1
		điểm đ khoản 3, khoản 5 Điều 43	Điều 43. Tuyên truyền, giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển dịch vụ năng lượng Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sau đây: 3. Tổ chức dịch vụ năng lượng thực hiện các hoạt động sau đây: đ) Cung cấp thông tin, quảng bá về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; 5. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công tác kiểm tra, giám sát đối với đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng, kiểm toán năng lượng, đào tạo kiểm toán viên năng lượng và người quản lý năng lượng; hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật, biểu mẫu thông báo đối với tổ chức dịch vụ năng lượng. Bộ Công Thương công khai danh sách tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ năng lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	cs1
		khoản 3 Điều 45	Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Công thương về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 3. Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia.	cs1
21.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng	khảo 4 Điều 6b	Điều 6b. Hạ tầng chất lượng quốc gia 4. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xây dựng hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia, kết nối với dữ liệu hải quan, dữ liệu kiểm	

	hóa sửa đổi 2025		tra chất lượng, thông tin truy xuất nguồn gốc, phản ánh từ người tiêu dùng và cảnh báo quốc tế; bảo đảm năng lực theo dõi, cảnh báo sớm và ngăn chặn kịp thời sản phẩm, hàng hóa không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.	
		khoản 3 Điều 34	Điều 34. Bảo đảm chất lượng hàng hóa nhập khẩu 3. Thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao trên Cổng Thông tin một cửa quốc gia.	cs1
		điểm c khoản 1 Điều 34a	Điều 34a. Bảo đảm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường 1. Hàng hóa lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các điều kiện sau đây: c) Được cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu điện tử phục vụ truy xuất và kiểm tra sau lưu thông trên thị trường theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	cs1, cs3
		khoản 1 Điều 45	Điều 45. Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa 1. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro, tăng cường kiểm tra sau lưu thông trên thị trường có trọng điểm, dựa trên phân tích dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Khuyến khích áp dụng công nghệ số và các hệ thống thông minh trong lựa chọn đối tượng, phương thức kiểm tra.	
		khoản 2 Điều 66	Điều 66. Xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2. Tổ chức vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, phương tiện thông tin đại chúng danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm về chất lượng hàng hóa để cảnh báo xã hội và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	
22.	Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2025	khoản 2 Điều 29	Điều 29. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam 2. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày	cs1,3

			nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của mình.	
		Điều 41	Điều 41. Thông báo và đăng tải kết quả giải quyết các việc về quốc tịch Bộ Tư pháp có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết các việc về quốc tịch cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để thông báo cho người có yêu cầu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs1,3
28.	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và số 87/2025/QH15	điểm c khoản 3 Điều 33	Điều 33. Soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây: c) Đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1
		khoản 1 Điều 37	Điều 37. Thẩm tra dự án 1. Đối với dự án trình Quốc hội thì chậm nhất là 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, cơ quan trình phải gửi hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan chủ trì thẩm tra để tiến hành thẩm tra và gửi hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này bằng bản điện tử đến Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội để gửi đến các Đoàn đại biểu Quốc hội và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội.	cs1
			Điều 44. Xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước 4. Tùy theo nội dung của dự thảo lệnh, quyết định, Chủ tịch nước quyết định việc đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia. Việc đăng tải dự thảo lệnh, quyết định trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1

		điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 46	Điều 46. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao 1. Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: b) Dự thảo nghị quyết được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; trường hợp nghị quyết được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này. 2. Xây dựng, ban hành thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: b) Dự thảo thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; trường hợp thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1
		khoản 3 Điều 47	Điều 47. Xây dựng, ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao 3. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; trường hợp thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1
		khoản 2 Điều 48	Điều 48. Xây dựng, ban hành thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước 2. Dự thảo thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Kiểm toán nhà nước và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; trường hợp thông tư được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1

		điểm c khoản 2 Điều 49	Điều 49. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch 2. Xây dựng, ban hành thông tư liên tịch: c) Dự thảo được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; trường hợp thông tư liên tịch được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì việc đăng tải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 của Luật này.	cs1
		điểm b khoản 4 Điều 51	Điều 51. Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 4. Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện như sau: b) Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thực hiện truyền thông nội dung dự thảo. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến ít nhất là 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.	cs1
		khoản 1 Điều 53	Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật 1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		khoản 3 Điều 56	Điều 56. Tạm ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật 3. Văn bản tạm ngưng hiệu lực phải được đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc	cs1

			gia về pháp luật, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ban hành.	
		khoản 2 Điều 61	Điều 61. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật 2. Việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo các trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Luật này và không được làm thay đổi nội dung quy định được hướng dẫn, không được đặt ra quy định mới. Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản hướng dẫn.	cs1
29.	Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, sửa đổi, bổ sung 2025	khoản 3, khoản 4, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 17	Điều 17. Trách nhiệm quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, ngành có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này; kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; định kỳ 06 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của cơ quan mình. 4. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này và định kỳ hằng năm gửi báo cáo đến Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của cơ quan mình; chỉ đạo Tòa án nhân dân các cấp, cơ quan thuộc Kiểm toán nhà nước thực hiện việc báo cáo, cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính. 5. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương, có trách nhiệm sau đây: c) Kịp thời cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; định kỳ, hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn. 6. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, kết quả xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.	cs1

		điểm c khoản 2 Điều 18a	Điều 18a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử 2. Việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: c) Kết nối hệ thống, chia sẻ dữ liệu, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ quản lý nhà nước và giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.	cs4
		điểm d khoản 2 Điều 70	Điều 70. Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành 2. Việc gửi quyết định xử phạt có thể thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây: d) Trường hợp không thể thực hiện được các hình thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này, thì niêm yết công khai quyết định xử phạt tại nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc gửi quyết định xử phạt đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt để thực hiện niêm yết.	cs4
		Điều 72	Điều 72. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 1. Trường hợp vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội thì cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công bố công khai về việc xử phạt. 2. Nội dung công bố công khai bao gồm cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả. 3. Việc công bố công khai được thực hiện trên trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính.	cs1
		điểm b khoản 4 Điều 126	Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính 4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau: b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang	cs1

			vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.	
30.	Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025	khoản 3 Điều 7	Điều 7. Thông tin về đấu thầu 3. Các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ thông tin của dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước.	cs1,3
		điểm k1 khoản 2 Điều 79	Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu 2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn có trách nhiệm sau đây: k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;	cs1,4
		điểm a, b khoản 1 Điều 9	Điều 9. Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP 1. Các thông tin phải được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm: a) Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án PPP; b) Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;	cs1,3
		khoản 4 Điều 34	Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội 4. Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án đầu tư khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.	cs1,3

31.	Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025	điểm e khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 198a	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây: e) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. 3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; d) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm. 4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thực hiện thủ tục công khai thông tin về tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;	cs1,3
-----	---	---	--	-------

b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm;

c) Thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) theo phương thức thông báo đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm.

Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

32.	Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự 2025	điểm d khoản 1 Điều 137	Điều 137. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng 1. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng được thực hiện thông qua các phương thức: d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng.	cs1,3
		khoản 1, 2 Điều 141	Điều 141. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng 1. Việc thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện khi việc niêm yết công khai không có kết quả hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên Đài Phát thanh hoặc Đài Truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc thông báo.	cs1,3
34.	Luật sửa đổi 11 Luật về quân sự, quốc phòng	khoản 3 Điều 21	Điều 21. Thiết quân luật 3. Lệnh thiết quân luật phải xác định cụ thể địa phương cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thiết quân luật, biện pháp, hiệu lực thi hành; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; các quy tắc trật tự xã hội cần thiết ở địa phương thiết quân luật và được công bố liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.	cs1,3
		khoản 3 Điều 35	Điều 35. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm công khai số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức .	cs1,3

		khoản 6 Điều 40	Điều 40. Sơ tuyển sức khỏe; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân 6. Kết quả sơ tuyển sức khỏe, phân loại sức khỏe phải được công khai trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày.	cs1,3
		Điều 13	Điều 13. Đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị 1. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện hàng không dân dụng, phương tiện hàng hải, phương tiện thủy nội địa của Bộ Xây dựng và cơ quan đăng ký tàu công vụ thủy sản, tàu kiểm ngư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Bộ Quốc phòng để đăng ký, quản lý. 2. Cơ quan đăng ký quyền sở hữu phương tiện thủy nội địa, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cơ quan quản lý phương tiện thông tin liên lạc, thiết bị vật tư y tế ở địa phương có trách nhiệm định kỳ hằng năm cung cấp thông tin đăng ký phương tiện kỹ thuật dự bị cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của chủ phương tiện để đăng ký, quản lý. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức định kỳ hằng năm báo cáo, cung cấp thông tin về phương tiện kỹ thuật dự bị không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của chủ phương tiện hoặc nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở để đăng ký, quản lý. 4. Chính phủ quy định Danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị.	cs1,3
37.	Luật Tổ chức Chính phủ 2025	khoản 3 Điều 14	Điều 14. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ 3. Thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.	cs1,3
38.	Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2025	Điều 35	Điều 35. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin 1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Quốc hội yêu cầu theo quy định của pháp luật.	cs1,3

		điểm c khoản 2 Điều 43	Điều 43. Đoàn đại biểu Quốc hội 2. Đoàn đại biểu Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: c) Tổ chức hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và tổ chức đề các đại biểu Quốc hội trong Đoàn thực hiện nhiệm vụ giám sát tại địa phương; tham gia và phối hợp với Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong các hoạt động giám sát tại địa phương; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân mà đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội đã chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp thông tin, báo cáo về những vấn đề mà Đoàn đại biểu Quốc hội quan tâm;	cs1,3
		khoản 2 Điều 91	Điều 91. Chương trình kỳ họp Quốc hội 2. Dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 04 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp đối với kỳ họp không thường lệ	cs1,3
39.	Luật Dữ liệu 2024	Điều 21	Điều 21. Công khai dữ liệu 1. Việc công khai dữ liệu phải bảo đảm phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng, chia sẻ. 2. Dữ liệu được công khai, công khai có điều kiện, không được công khai phải căn cứ vào thông tin được dữ liệu phản ánh theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. 3. Hình thức công khai dữ liệu, bao gồm: đăng tải dữ liệu trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật. 4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu mở và tổ chức công khai dữ liệu mở theo quy định tại Điều này để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng, chia sẻ. Thời điểm công khai dữ liệu đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật.	cs1, 3
		khoản 4 Điều 35	Điều 35. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia 4. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu thực hiện qua các phương thức sau đây: a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; b) Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;	cs1,3

			c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử; d) Ứng dụng định danh quốc gia; đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp; e) Phương thức khác.	
40.	Luật Điện lực 2024	điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 77	Điều 77. An toàn trong giai đoạn quản lý, vận hành 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thủy điện có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn đập, hồ chứa nước, pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định sau đây: c) Lắp đặt và duy trì vận hành ổn định hệ thống cảnh báo vận hành xả nước, camera giám sát, thiết bị quan trắc mực nước, hệ thống truyền dẫn thông tin trực tuyến, các thiết bị quan trắc chuyên dùng và thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện theo quy định; 4. Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện. Việc duy trì hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu về vận hành công trình thủy điện được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	cs1,3
101.	Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) sửa đổi 2020	khoản 3 Điều 1	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau: “2. Ưu tiên tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS cho các đối tượng sau đây: a) Người nhiễm HIV; b) Người sử dụng ma túy; c) Người bán dâm; d) Người có quan hệ tình dục đồng giới; đ) Người chuyển đổi giới tính; e) Vợ, chồng và thành viên khác của gia đình cùng sống chung với người nhiễm HIV; vợ, chồng của đối tượng quy định tại các điểm, b, c, d và đ khoản này; g) Người có quan hệ tình dục với người nhiễm HIV; h) Người mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục; i) Người di biến động; k) Phụ nữ mang thai;	

			l) Phạm nhân, người bị tạm giam, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng, học viên cơ sở cai nghiện ma túy; m) Người dân tộc thiểu số; người sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; n) Người từ đủ 13 tuổi đến dưới 30 tuổi.”.	
		điểm a, b khoản 4 Điều 1	4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau: “3. Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí thường xuyên thực hiện hoạt động thông tin, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS, lồng ghép chương trình phòng, chống HIV/AIDS với chương trình, thông tin, truyền thông khác. 3a. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đưa thông tin, tuyên truyền về phòng, chống HIV/AIDS vào các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và đời sống gia đình.”; b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: “5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chỉ đạo công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS tại các cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giam giữ khác”;	cs1
		điểm c khoản 4 Điều 1	4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau: c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau: “7. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm ưu tiên về thời điểm, thời lượng phát sóng thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS trên đài phát thanh, đài truyền hình; dung lượng và vị trí đăng trên báo in, báo hình, báo điện tử theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Việc thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS không thu phí, trừ trường hợp thực hiện theo đặt hàng, giao nhiệm vụ có bố trí kinh phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hợp đồng với chương trình, dự án về phòng, chống HIV/AIDS hoặc do tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tài trợ.”.	cs1

102.	Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2020	khoản 2 Điều 9	Mục 1. DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG Điều 9. Nội dung hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2. Tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ở nước ngoài; cung cấp thông tin, quảng cáo, tư vấn về cơ hội việc làm ở nước ngoài.	phi địa giới; cs1
		Điều 15	Điều 15. Công bố, niêm yết Giấy phép 1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Giấy phép được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đăng tải Giấy phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy phép được cấp, cấp lại hoặc điều chỉnh thông tin, doanh nghiệp dịch vụ phải niêm yết công khai bản sao Giấy phép tại trụ sở chính và đăng tải Giấy phép trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.	cs1
		khoản 3 Điều 16	Điều 16. Nộp lại Giấy phép, thu hồi Giấy phép 3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi Giấy phép; công bố việc thu hồi Giấy phép trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi; công bố việc nộp lại Giấy phép trên cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dịch vụ đặt trụ sở chính.	cs1
		điểm n khoản 2 Điều 26	Điều 26. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp dịch vụ 2. Doanh nghiệp dịch vụ có các nghĩa vụ sau đây: n) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày người lao động xuất cảnh và hằng tháng phải cập nhật thông tin về người lao động do doanh nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho đến khi thanh lý hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.	cs1
		khoản 4 Điều 31	Điều 31. Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người lao động xuất cảnh, doanh nghiệp trúng	cs1

		thầu, nhận thầu phải cập nhật thông tin về người lao động trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	
	khoản 4 Điều 34	Điều 34. Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người lao động xuất cảnh, tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài phải cập nhật thông tin về người lao động trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	cs1
	điểm d khoản 2 Điều 41	Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài 2. Doanh nghiệp có các nghĩa vụ sau đây: d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người lao động xuất cảnh, doanh nghiệp phải cập nhật thông tin về người lao động trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;	cs1
	điểm b, c khoản 2 Điều 43	Điều 43. Quyền, nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2. Đơn vị sự nghiệp có các nghĩa vụ sau đây: b) Thông tin đầy đủ, chính xác về số lượng, tiêu chuẩn tuyển chọn, tiền lương, điều kiện làm việc, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị sự nghiệp; c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày người lao động xuất cảnh và hằng tháng phải cập nhật thông tin về người lao động do đơn vị sự nghiệp đưa đi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;	cs1
	khoản 3 Điều 60	Điều 60. Hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp 3. Trung tâm dịch vụ việc làm cung cấp đầy đủ thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động để người lao động lựa chọn việc làm phù hợp với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp được tích lũy sau quá trình làm việc ở nước ngoài.	cs1

		điểm a khoản 2 Điều 70	Điều 70. Trách nhiệm quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và có trách nhiệm sau đây: a) Công khai, minh bạch các thông tin về hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	cs1
103.	Luật cư trú 2020	khoản 4 Điều 3	Điều 3. Nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú 4. Thông tin về cư trú phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của pháp luật; tại một thời điểm, mỗi công dân chỉ có một nơi thường trú và có thể có thêm một nơi tạm trú.	cs1
		khoản 3 Điều 22	Điều 22. Thủ tục đăng ký thường trú 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi thường trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký thường trú; trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	cs1
		điểm b khoản 3 Điều 25	Điều 25. Tách hộ 3. Thủ tục tách hộ được thực hiện như sau: b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về hộ gia đình liên quan đến việc tách hộ vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin; trường hợp từ chối giải quyết tách hộ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	cs1
		khoản 3 Điều 26	Điều 26. Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú 3. Thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú được thực hiện như sau: a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thành viên hộ gia đình nộp hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan đăng ký cư trú. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm điều chỉnh thông tin về chủ hộ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho thành viên hộ	cs1

		gia đình về việc đã cập nhật thông tin; trường hợp từ chối điều chỉnh thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền thay đổi thông tin về hộ tịch, người có thông tin được điều chỉnh nộp hồ sơ đăng ký điều chỉnh thông tin có liên quan trong Cơ sở dữ liệu về cư trú quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan đăng ký cư trú. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm điều chỉnh thông tin về hộ tịch trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin; trường hợp từ chối điều chỉnh thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm điều chỉnh, cập nhật việc thay đổi thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.	
	khoản 2, 3 Điều 28	Điều 28. Hồ sơ, thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú 2. Người đăng ký tạm trú nộp hồ sơ đăng ký tạm trú đến cơ quan đăng ký cư trú nơi mình dự kiến tạm trú. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra và cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho người đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người đăng ký bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thẩm định, cập nhật thông tin về nơi tạm trú mới, thời hạn tạm trú của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký tạm trú; trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 3. Trong thời hạn 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn tạm trú đã đăng ký, công dân phải làm thủ tục gia hạn tạm trú. Hồ sơ, thủ tục gia hạn tạm trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Sau khi thẩm định hồ sơ, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cập nhật thông tin về thời hạn tạm trú mới của người đăng ký vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người đăng ký về việc đã cập nhật thông tin đăng ký tạm trú; trường hợp từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	cs1

		khoản 5 Điều 31	Điều 31. Khai báo tạm vắng 5. Cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm cập nhật thông tin khai báo tạm vắng của công dân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và thông báo cho người khai báo về việc đã cập nhật thông tin khai báo tạm vắng khi có yêu cầu.	cs1
		điểm b khoản 2 Điều 32	Điều 32. Trách nhiệm quản lý nhà nước về cư trú 2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cư trú và có trách nhiệm sau đây: b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cư trú; tổ chức việc đăng ký, quản lý cư trú trên toàn quốc, cập nhật thông tin về cư trú vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú;	cs1
		khoản 1, 2, 3 Điều 33	Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký cư trú 1. Niêm yết công khai thủ tục hành chính; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú; công khai địa điểm, số điện thoại hoặc cách thức khác để tiếp nhận thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng. 2. Cập nhật thông tin về cư trú của công dân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú. 3. Xác nhận thông tin về cư trú, thông báo về kết quả thực hiện các thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, khai báo thông tin, điều chỉnh thông tin về cư trú, tách hộ, khai báo tạm vắng dưới hình thức văn bản, tin nhắn điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.	cs1
104.	Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020	điểm b khoản 65 Điều 1	65. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 126 như sau: b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4; bổ sung khoản 4a và khoản 4b vào sau khoản 4 như sau: “4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau: b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm	cs1

			việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.	
106.	Luật Biên phòng Việt Nam 2020	khoản 6 Điều 11	Điều 11. Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền 6. Trường hợp chấm dứt việc hạn chế hoặc tạm dừng trước thời hạn thì người có thẩm quyền thông báo ngay cho cơ quan có liên quan và trên phương tiện thông tin đại chúng; thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới, chính quyền địa phương của nước có chung đường biên giới.	cs1
108.	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020	Điều 9	Điều 9. Công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP 1. Các thông tin phải được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm: a) Thông tin về quyết định chủ trương đầu tư (nếu có), quyết định phê duyệt dự án PPP; b) Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn, doanh nghiệp dự án PPP; d) Nội dung chính của hợp đồng dự án PPP bao gồm: tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án; loại hợp đồng; thời hạn thực hiện dự án; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; hình thức và địa điểm thu giá, phí (nếu có) và các thông tin cần thiết khác; đ) Giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP trong trường hợp có sử dụng vốn đầu tư công; e) Văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP; g) Cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư; h) Thông tin giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP. 2. Ngoài việc công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, các thông tin quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này phải được công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền.	cs1

			3. Các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được khuyến khích đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.	
		khoản 4 Điều 65	Điều 65. Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công 4. Khi điều chỉnh giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, việc công khai thông tin điều chỉnh thực hiện như sau: a) Chậm nhất là 10 ngày trước khi áp dụng mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được điều chỉnh, cơ quan ký kết hợp đồng công bố thông tin theo quy định tại Điều 9 của Luật này; b) Doanh nghiệp dự án PPP niêm yết mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công được điều chỉnh tại địa điểm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật về giá, phí.	cs1
		khoản 7 Điều 94	Điều 94. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền 7. Công khai thông tin dự án PPP; định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP tại trung ương về tình hình thực hiện dự án PPP thuộc thẩm quyền của mình.	cs1
109.	Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều sửa đổi 2020	điểm a khoản 13 Điều 1	13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 21 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: “2. Việc thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với từng loại đối tượng, trong đó có các hình thức chủ yếu sau đây: a) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng; b) Xây dựng tài liệu chuyên đề, tạp chí, tờ rơi, trong đó có tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số; c) Tổ chức triển lãm, hội thảo, tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai; d) Lòng ghép kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình các cấp học; đ) Tổ chức diễn đàn về phòng, chống thiên tai để tham vấn rộng rãi chính sách, pháp luật, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về phòng, chống thiên tai; e) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai.”;	cs1
		điểm a khoản 14 Điều 1	14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 24 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai phải kịp thời, đủ độ tin cậy, phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng được chuyển tải bằng Tiếng Việt, đặc biệt quan tâm đến đối tượng dễ bị tổn thương và trong trường hợp cần thiết được chuyển tải bằng tiếng dân tộc thiểu số.”;	cs1

111.	Luật Doanh nghiệp 2020	khoản 1, 2 Điều 32	Điều 32. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 1. Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây: a) Ngành, nghề kinh doanh; b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có). 2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	cs1
		Điều 73	Điều 73. Công bố thông tin Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ, g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật này.	cs1
		điểm a, b, c, d (sửa đổi), đ, e, g khoản 1 Điều 109	Điều 109. Công bố thông tin định kỳ 1. Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây: a) Thông tin cơ bản về công ty và Điều lệ công ty; b) Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm; c) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); d) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm, bao gồm cả báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có); việc công bố phải thực hiện trước ngày 31 tháng 7 hằng năm; đ) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm; e) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác; g) Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.	cs1

		Điều 110. Công bố thông tin bất thường 1. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Tài khoản của công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa; b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của công ty; d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với người quản lý doanh nghiệp; e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính; h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.	cs1
		Điều 176. Công khai thông tin 2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây: a) Điều lệ công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty; c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 3. Công ty cổ phần, trừ công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, phải	cs1

		thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài. 4. Công ty đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 công bố, công khai thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ và g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật này.	
	khoản 3, 4 Điều 208	Điều 208. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp Việc giải thể doanh nghiệp trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 207 của Luật này được thực hiện theo quy định sau đây: 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ; 4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có);	cs1
	khoản 1 Điều 209	Điều 209. Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Việc giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây: 1. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải	cs1

			thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;	
112.	Luật Đầu tư 2020	khoản 7 Điều 7	Điều 7. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện 7. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó phải được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	cs1
		khoản 3, 4 Điều 71	Điều 71. Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư 3. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và nhà đầu tư có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. 4. Thông tin về dự án đầu tư lưu trữ tại Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư có giá trị pháp lý là thông tin gốc về dự án đầu tư.	cs1
113.	Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020	khoản 5 Điều 11	Điều 11. Bỏ nhiệm Hòa giải viên 5. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định bỏ nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách Hòa giải viên trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc; đồng thời gửi Tòa án nhân dân tối cao để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.	cs1
		khoản 3 Điều 13	Điều 13. Miễn nhiệm Hòa giải viên 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định miễn nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xóa tên Hòa giải viên bị miễn nhiệm khỏi danh sách Hòa giải viên, công bố danh sách Hòa giải viên bị miễn nhiệm trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi Hòa giải viên đã làm việc; đồng thời gửi đến Tòa án nhân dân tối cao để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.	cs1
114.	Luật Thanh niên 2020	khoản 2, 3 Điều 10	Điều 10. Đối thoại với thanh niên 2. Người có trách nhiệm đối thoại với thanh niên quy định tại khoản 1 Điều này chỉ đạo chuẩn bị kế hoạch, chương trình đối thoại và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức đối thoại; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của thanh niên thông qua hoạt động đối thoại. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đối thoại, nội dung kết luận đối thoại phải được công	cs1

			khai trên công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị và gửi đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; trường hợp nội dung đối thoại phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực thì thời hạn này là 15 ngày.	
		khoản 1 Điều 17	Điều 17. Chính sách về lao động, việc làm 1. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động cho thanh niên; giáo dục kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp cho thanh niên; bảo đảm thanh niên không bị cưỡng bức, bóc lột sức lao động.	cs1
		điểm a khoản 2 Điều 23	Điều 23. Chính sách đối với thanh niên tình nguyện 2. Nhà nước ban hành chính sách đối với thanh niên tình nguyện như sau: a) Tạo lập các kênh thông tin để thanh niên được tiếp cận và tham gia hoạt động tình nguyện;	cs1
115.	Luật Giám định tư pháp sửa đổi 2020	khoản 6 Điều 1	6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau: “Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp 4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên công thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp đề điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.”	cs1
		khoản 10 Điều 1	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: “Điều 20. Công nhận và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc 1. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này để ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng. Danh sách kèm theo thông tin về chuyên ngành giám định, kinh nghiệm, năng lực chuyên	cs1

		môn, nghiệp vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải, rà soát và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.	
	khoản 23 Điều 1	23. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau: “Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ 1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: ...d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; 2. Cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: ...b) Công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; hằng năm, tổng kết, gửi Bộ Tư pháp báo cáo về hoạt động giám định tư pháp của cơ quan mình	cs1
	khoản 25 Điều 1	25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 43 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 như sau: “... b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp;	cs1

		điểm b khoản 26 Điều 1	26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau: b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau: “...6. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đăng tải và cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.”	cs1
118.	Luật Chứng khoán 2019	khoản 3 Điều 32	Điều 32. Công ty đại chúng 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công ty đại chúng đầy đủ và hợp lệ của công ty cổ phần theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc nhận được báo cáo kết quả hoàn thành đợt chào bán của công ty cổ phần theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng, đồng thời công bố tên, nội dung kinh doanh và các thông tin khác liên quan đến công ty đại chúng trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	cs1
		khoản 4, 5 Điều 37	Điều 37. Báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo, công ty đại chúng phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này. Công ty đại chúng được thực hiện mua lại cổ phiếu sau 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin. 5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, công ty đại chúng phải gửi báo cáo kết quả giao dịch đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin	cs1

		ra công chúng. Trong trường hợp công ty đại chúng không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, công ty đại chúng phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.	
	khoản 4 Điều 38	Điều 38. Hủy tư cách công ty đại chúng 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hủy tư cách công ty đại chúng, công ty có trách nhiệm thông báo việc hủy tư cách công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và thực hiện thủ tục hủy niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật.	cs1
	điểm a khoản 4 Điều 41	Điều 41. Nội dung quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng 4. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và các quy định sau đây: a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;	cs1
	điểm a, d, g, i, k khoản 1; điểm b, đ, e khoản 2 Điều 46	Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam 1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có các quyền sau đây: a) Ban hành các quy chế về niêm yết chứng khoán, giao dịch chứng khoán, công bố thông tin, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các quy chế nghiệp vụ khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thị trường giao dịch chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; d) Tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán trong trường hợp giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch không có biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị đưa vào diện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch hoặc trong trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán; g) Cung cấp dịch vụ đấu giá, đấu thầu; dịch vụ về thông tin thị trường và thông tin liên quan đến chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch; dịch vụ phát triển hạ tầng công nghệ cho thị trường chứng khoán và các dịch vụ liên quan khác theo quy định tại Điều lệ Sở giao dịch	cs1

		chứng khoán Việt Nam; i) Kiểm tra, xử lý vi phạm đối với thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; k) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch để phục vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật; 2. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây: b) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính, báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật; đ) Báo cáo, kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán; vi phạm của nhà đầu tư, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; e) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư;	
	khoản 2 Điều 80	Điều 80. Điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải đăng tải toàn bộ Điều lệ trên trang thông tin điện tử chính thức của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.	cs1
	Điều 83	Điều 83. Công bố thông tin hoạt động Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải công bố thông tin hoạt động trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chính thức hoạt động. Thông tin bao gồm: 1. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; 2. Ngày chính thức hoạt động.	cs1

	Điều 126	Điều 126. Công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam 1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con phải công bố các thông tin sau đây: a) Thông tin về tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; b) Thông tin về tổ chức có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch; thông tin về thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con; c) Thông tin về giao dịch chứng khoán; d) Thông tin khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải công bố các thông tin sau đây: a) Thông tin về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; b) Thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, giám sát thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; c) Thông tin về hoạt động đăng ký, lưu ký chứng khoán; d) Thông tin khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	cs1
	khoản 1, 2 Điều 127	Điều 127. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng 1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan phải công bố thông tin khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng. 2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn phải công bố thông tin khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.	cs1

119.	Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi 2019	khoản 1 Điều 1	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 1. Bổ sung khoản 18 và khoản 19 vào sau khoản 17 Điều 3 như sau: “18. Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh là cổng thông tin của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, có chức năng xuất bản thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ tìm kiếm, liên kết, lưu trữ thông tin và hướng dẫn thủ tục, giải đáp thắc mắc liên quan đến lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh. 19. Trang thông tin cấp thị thực điện tử là trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh, có chức năng tiếp nhận, giải quyết, cung cấp thông tin liên quan đến cấp thị thực điện tử.”	cs1
		khoản 8 Điều 1	8. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 16 như sau: “7. Cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người nước ngoài được lựa chọn gửi văn bản đề nghị cấp thị thực cho người nước ngoài và nhận kết quả trả lời qua giao dịch điện tử tại Cổng thông tin điện tử về xuất nhập cảnh nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16b của Luật này.”.	cs1
		khoản 9 Điều 1	9. Bổ sung Điều 16a và Điều 16b vào sau Điều 16 như sau: “Điều 16a. Thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của người nước ngoài 1. Người nước ngoài đề nghị cấp thị thực điện tử thực hiện như sau: a) Khai thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử, tải ảnh và trang nhân thân hộ chiếu tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử; b) Nộp phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử sau khi nhận mã hồ sơ điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. 2. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời người đề nghị cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực. 3. Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử để kiểm tra và in kết quả cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử. Điều 16b. Thủ tục cấp thị thực điện tử theo đề nghị của cơ quan, tổ chức 2. Việc đăng ký tài khoản điện tử thực hiện theo quy định sau đây: 3. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này sử dụng tài khoản điện tử truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử để đề nghị cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài; nộp	- cs1, cs5; - phí.

			phí cấp thị thực vào tài khoản quy định tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử sau khi nhận mã hồ sơ điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. 4. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét, giải quyết, trả lời cơ quan, tổ chức tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử và phí cấp thị thực. 5. Cơ quan, tổ chức truy cập vào Trang thông tin cấp thị thực điện tử, sử dụng mã hồ sơ điện tử để nhận kết quả trả lời của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và thông báo cho người nước ngoài. 6. Người nước ngoài được cấp thị thực điện tử sử dụng mã hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức thông báo để in kết quả cấp thị thực điện tử tại Trang thông tin cấp thị thực điện tử.	
121.	Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019	khoản 8 Điều 2	Điều 2. Giải thích từ ngữ 8. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam là tập hợp các thông tin của công dân Việt Nam có liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh được số hóa, lưu trữ, quản lý, khai thác bằng cơ sở hạ tầng thông tin.	
123.	Luật Thư viện 2019	điểm a khoản 3 Điều 16	Điều 16. Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng 3. Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Luật này và các chức năng, nhiệm vụ sau đây: a) Cung cấp tài nguyên thông tin cho Nhân dân trên địa bàn; tiếp nhận tài nguyên thông tin luân chuyển từ thư viện công cộng các cấp để phục vụ Nhân dân;	
		khoản 3 Điều 28	Điều 28. Tạo lập, cung cấp sản phẩm thông tin thư viện và dịch vụ thư viện 3. Dịch vụ thư viện bao gồm: a) Cung cấp tài nguyên thông tin tại thư viện, ngoài thư viện gồm dịch vụ thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin hoặc trên không gian mạng; b) Cung cấp thông tin thư mục, chỉ dẫn thông tin; c) Tư vấn, bồi dưỡng cho tổ chức, cá nhân về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và hỗ trợ học tập, nghiên cứu; d) Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm, truyền thông, phổ biến tài nguyên thông tin; đ) Hỗ trợ các tiện ích khai thác thư viện số; e) Hình thức dịch vụ thư viện khác.	cs1

		khoản 2 Điều 30	Điều 30. Phát triển văn hóa đọc 2. Phát triển văn hóa đọc thông qua các hoạt động sau đây: a) Tổ chức hoạt động hình thành thói quen đọc trong gia đình, trường học, cơ quan, tổ chức trong phạm vi cả nước; b) Hướng dẫn phương pháp, kỹ năng đọc, khai thác tài nguyên thông tin cho trẻ em tại thư viện cơ sở giáo dục mầm non, thư viện cơ sở giáo dục phổ thông; c) Phát triển kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin, mở rộng tri thức cho người sử dụng thư viện; d) Đẩy mạnh liên thông giữa thư viện công cộng với thư viện khác trên địa bàn; truy cập và khai thác thông tin, tri thức từ thư viện số dùng chung thông qua thiết bị điện tử; sử dụng dịch vụ thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin.	
		khoản 3, 4 Điều 31	Điều 31. Phát triển thư viện số 3. Sử dụng phần mềm tiên tiến trong quản trị thư viện số, thiết kế giao diện thông minh; bảo đảm tính mở, liên thông trong tra cứu, khai thác và chuyển đổi dữ liệu giữa các hệ thống lưu trữ dữ liệu; hỗ trợ cấp quyền truy cập, khai thác tài nguyên thông tin số cho người sử dụng thư viện. 4. Cung cấp quyền truy cập tài nguyên thông tin số và các dạng khác.	
		Điều 32	Điều 32. Hiện đại hóa thư viện 1. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại bảo đảm triển khai, vận hành thư viện số và tự động hóa thư viện. 2. Triển khai phòng đọc kho mở, hệ thống cung cấp tài liệu tự động; hệ thống tự mượn, tự trả tài liệu; hệ thống giám sát, an ninh thư viện tiên tiến; không gian sáng tạo cho người sử dụng thư viện; khu vực phục vụ trẻ em, người khuyết tật. 3. Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, hệ thống dữ liệu lớn, điện toán đám mây, truy cập mở, thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại khác phù hợp với xu thế phát triển của thế giới trong hoạt động thư viện. 4. Xây dựng mạng thông tin thư viện tiên tiến, kết nối các thư viện trong nước và nước ngoài. 5. Tạo lập, cung cấp sản phẩm thông tin thư viện và dịch vụ thư viện hiện đại đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thư viện; xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển và khai thác thư viện số;	

			triển khai trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử và các dịch vụ thư viện trên không gian mạng.	
		khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 44	Điều 44. Quyền của người sử dụng thư viện đặc thù 1. Người dân tộc thiểu số được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin bằng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với điều kiện của thư viện. 2. Người sử dụng thư viện là người cao tuổi hoặc người khuyết tật mà không thể tới thư viện được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin tại nhà thông qua dịch vụ thư viện lưu động hoặc gửi qua bưu chính, không gian mạng khi có yêu cầu phù hợp với hoạt động của thư viện. 3. Người khiếm thị, người khiếm thính có quyền sử dụng tài nguyên thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này và được tạo điều kiện sử dụng tài liệu in chữ nổi Braille, tài liệu nghe, nhìn, tài liệu ngôn ngữ ký hiệu hoặc tài liệu đặc biệt khác. 4. Trẻ em được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin phù hợp với lứa tuổi, cấp học tại thư viện cơ sở giáo dục và thư viện công cộng. 6. Người đang chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo tại trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin của thư viện tại nơi giam giữ, học tập và chữa bệnh.	
		điểm d khoản 2 Điều 48	Điều 48. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thư viện của Chính phủ 2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thư viện trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây: d) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thư viện;	cs1
125.	Luật Thi hành án hình sự 2019	điểm a khoản 3 Điều 45	Điều 45. Tái hòa nhập cộng đồng 3. Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tạo điều kiện, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng bằng các biện pháp sau đây: a) Thông tin, truyền thông, giáo dục về tái hòa nhập cộng đồng;	cs1
		điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm b	Điều 160. Thủ tục thi hành án 1. Pháp nhân thương mại chấp hành án thực hiện các thủ tục sau đây: b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thi hành án, pháp nhân thương mại phải công bố quyết định đó trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm của pháp nhân thương mại và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của pháp nhân	cs1

		khoản 3 Điều 160	thương mại trong thời gian chấp hành án; thông báo việc chấp hành hình phạt, biện pháp tư pháp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; 2. Cơ quan thi hành án hình sự thực hiện các thủ tục sau đây: a) Ngay sau khi nhận được quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự phải công bố ngay quyết định đó trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình và triệu tập người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại để thông báo, yêu cầu thi hành án. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại được triệu tập hợp lệ mà không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự phải lập biên bản vắng mặt và tiếp tục tổ chức thi hành án; 3. Cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại chấp hành án thực hiện các thủ tục sau đây: b) Công bố ngay trên cổng thông tin, trang thông tin điện tử của cơ quan mình, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp quyết định thi hành án, các biện pháp đã được áp dụng đối với pháp nhân thương mại quy định tại Điều 164 của Luật này, giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp;	
		khoản 2 Điều 166	Điều 166. Cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt, giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp tư pháp cho pháp nhân thương mại, cơ quan thi hành án hình sự phải công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan mình và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước đối với pháp nhân thương mại, Tòa án đã ra quyết định thi hành án, cơ quan quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 159 của Luật này.	cs1
126.	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia 2019	khoản 2 Điều 3	Điều 3. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống tác hại của rượu, bia 2. Ưu tiên hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông; giảm tính sẵn có, dễ tiếp cận của rượu, bia; giảm tác hại của rượu, bia; tăng cường quản lý sản xuất rượu thủ công; thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai.	cs1
		khoản 1, 2 Điều 8	Điều 8. Hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia 1. Thực hiện trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp, phổ biến tài liệu. 2. Thông qua phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, mạng Internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động.	

		Điều 9	Điều 9. Trách nhiệm trong thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông quy định tại các điều 6, 7 và 8 của Luật này. 2. Chính phủ quy định trách nhiệm thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia và việc hạn chế sử dụng hình ảnh diễn viên uống rượu, bia trong tác phẩm điện ảnh, sân khấu, truyền hình.	cs1
128.	Luật giáo dục 2019	khoản 2 Điều 50	Điều 50. Đình chỉ hoạt động giáo dục 2. Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục đối với nhà trường phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học, người lao động trong nhà trường và phải công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		khoản 3 Điều 51	Điều 51. Sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường 3. Quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường phải xác định rõ lý do, biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học, người lao động trong nhà trường và phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		điểm i khoản 2 Điều 54	Điều 54. Nhà đầu tư 2. Quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư được quy định như sau: i) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư trên trang thông tin điện tử của nhà trường	cs1
129.	Luật Kiến trúc 2019	khoản 7 Điều 17	Điều 17. Thi tuyển phương án kiến trúc 7. Thông tin về thi tuyển, hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc và kết quả của cuộc thi phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		Điều 24	Điều 24. Quản lý thông tin hành nghề kiến trúc 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc hoặc nhận được thông báo của tổ chức hành nghề kiến trúc có trụ sở hoạt động tại địa phương, cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên trang thông tin điện tử do mình quản lý và gửi thông tin đến Bộ Xây dựng. 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan chuyên môn	cs1

			về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng phải đăng tải công khai thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc trên Cổng thông tin điện tử của Bộ.	
132.	Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018	khoản 3 Điều 1 khoản 13 Điều 1	3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 52 như sau: “d) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch, ưu tiên phân bổ tần số phục vụ công tác khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu theo quy định của Luật này và pháp luật về tần số vô tuyến điện; xây dựng các chiến lược phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp phục vụ hoạt động khí tượng thủy văn; chỉ đạo đăng tải thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Luật này và pháp luật về báo chí;” 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 55 như sau: “2. Việc cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Giải thích trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; b) Cung cấp thông tin bằng văn bản giấy, văn bản điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân; c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và phương tiện thông tin đại chúng; d) Cung cấp ấn phẩm về quy hoạch. 3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin khi có yêu cầu. Các thông tin được cung cấp phải căn cứ vào đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được phê duyệt và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, thiết kế đô thị đã được ban hành. Đối với trường hợp cung cấp thông tin bằng văn bản, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch đô thị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu.”.	cs1 cs1, cs2, cs3
133.	Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	Điều 6	Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng 1. Cơ quan thông tin, truyền thông và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức cho công dân và người có chức vụ, quyền hạn. 2. Cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục nhân cách, đạo	cs1

		đức, lối sống nhằm phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với học sinh trung học phổ thông, sinh viên, học viên và người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.	
	Điều 11	Điều 11. Hình thức công khai 1. Hình thức công khai bao gồm: a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; b) Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị; c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; d) Phát hành ấn phẩm; đ) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; e) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; g) Tổ chức họp báo; h) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. 2. Trường hợp luật khác không quy định về hình thức công khai thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức công khai quy định tại điểm a và điểm h khoản 1 Điều này.	
	Điều 13	Điều 13. Hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, về công tác phòng, chống tham nhũng và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật về báo chí. 2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đột xuất đối với vụ việc có liên quan đến tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình mà dư luận xã hội quan tâm, trừ trường hợp pháp luật về báo chí có quy định khác.	cs1
	khoản 2 Điều 15	Điều 15. Trách nhiệm giải trình 2. Trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và có yêu cầu trả lời các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo chí theo quy định của pháp luật.	cs1

		khoản 5 Điều 16	Điều 16. Báo cáo, công khai báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng 5. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hoặc phương tiện thông tin đại chúng.	cs4
		khoản 1 Điều 75	Điều 75. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo 1. Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm đấu tranh chống tham nhũng, đưa tin về hoạt động phòng, chống tham nhũng và vụ việc tham nhũng. 2. Cơ quan báo chí, nhà báo có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí và quy định khác của pháp luật có liên quan.	cs1
134.	Luật Đặc xá 2018	Điều 9	Điều 9. Công bố, thông báo, niêm yết Quyết định về đặc xá 1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố ngay Quyết định về đặc xá. Quyết định về đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. 2. Sau khi được công bố, Quyết định về đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam.	cs1
		khoản 1, 3, 4, 7 Điều 15	Điều 15. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ, danh sách người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá 1. Ngay sau khi nhận được Quyết định về đặc xá, trại giam, trại tạm giam phải niêm yết, phổ biến cho người đang chấp hành án phạt tù biết. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được niêm yết, phổ biến, người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn căn cứ vào quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này làm đơn đề nghị đặc xá. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định về đặc xá được công bố, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Chánh án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có trách nhiệm thông báo Quyết định về đặc xá cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, lập danh sách, hồ sơ của người đủ điều kiện được đề nghị đặc xá gửi Tổ thẩm định liên ngành. Trường hợp người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cư trú ở địa phương ngoài phạm vi địa giới hành chính của Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thì Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ thông báo cho Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án quân sự khu vực nơi người đang được tạm đình chỉ cư trú lập danh sách, hồ sơ của người được đề nghị đặc xá, chuyển	cs1

			đến Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ đề tổng hợp, gửi Tổ thẩm định liên ngành. 4. Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu có trách nhiệm thông báo, niêm yết công khai danh sách người được đề nghị đặc xá. 7. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn thực hiện Điều này.	
		khoản 1 Điều 18	Điều 18. Thực hiện Quyết định đặc xá 1. Văn phòng Chủ tịch nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công bố Quyết định đặc xá. Quyết định đặc xá được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Quyết định đặc xá và danh sách người được đặc xá được niêm yết tại trại giam, trại tạm giam nơi người được đặc xá đang chấp hành án và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội nơi người đó về cư trú, làm việc; trường hợp người được đặc xá là người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý người đó.	cs1
		khoản 1 Điều 33	Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan 1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đặc xá, Quyết định về đặc xá.	cs1
135.	Luật Chăn nuôi 2018	khoản 4 Điều 32	Điều 32. Yêu cầu đối với thức ăn chăn nuôi thương mại trước khi lưu thông trên thị trường 4. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	cs1
		khoản 1, 3; điểm a, b khoản 4 Điều 33	Điều 33. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc 1. Sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 3. Tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tự công bố thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc. Thông tin sản phẩm công bố phải phù hợp với hồ sơ công bố theo quy định tại khoản 2 Điều này. Ngay sau khi tự công bố thông tin sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và tự chịu trách nhiệm về chất lượng và an toàn của sản phẩm đã công bố. 4. Việc thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc được thực	cs1

		hiện như sau: a) Trường hợp thay đổi về địa chỉ cơ sở sản xuất, chất lượng sản phẩm thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại thông tin sản phẩm theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; b) Trường hợp thay đổi thông tin không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì tổ chức, cá nhân tự thay đổi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
	khoản 1, 5, 6 Điều 34	Điều 34. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung 1. Sản phẩm thức ăn bổ sung phải được thẩm định để công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Quy định này không áp dụng đối với nguyên liệu đơn. 5. Việc công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung được thực hiện theo trình tự sau đây: a) Tổ chức, cá nhân truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nộp hồ sơ đề nghị công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra thành phần hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ và công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. 6. Thời gian lưu hành của sản phẩm thức ăn bổ sung là 05 năm kể từ ngày sản phẩm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố trên Cổng thông tin điện tử. Trong thời gian 06 tháng trước khi hết hạn lưu hành, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện công bố lại theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.	cs1

		Điều 35. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung 1. Trường hợp thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn bổ sung về tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân đăng ký, quy cách bao gói sản phẩm thì tổ chức, cá nhân tự thực hiện thay đổi thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2. Trường hợp thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn bổ sung về tên nhà sản xuất, địa chỉ cơ sở sản xuất, tên sản phẩm, ký hiệu tiêu chuẩn công bố áp dụng, dạng, màu sắc sản phẩm, hướng dẫn sử dụng, thời hạn sử dụng sản phẩm thì tổ chức, cá nhân phải đề nghị thay đổi thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hồ sơ, trình tự, thủ tục sau đây: a) Hồ sơ đề nghị thay đổi thông tin bao gồm đơn đề nghị thay đổi thông tin, bản tiêu chuẩn công bố áp dụng, bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có), mẫu của nhãn sản phẩm, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Đối với thức ăn bổ sung nhập khẩu phải bổ sung bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy xác nhận nội dung thay đổi của nhà sản xuất; bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp đổi tên cơ sở sản xuất, tên thương mại thức ăn chăn nuôi nhập khẩu; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận và công bố thông tin thay đổi của sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.	
	khoản 1, 2 Điều 35		cs1
	khoản 1 Điều 36	Điều 36. Công bố sản phẩm thức ăn chăn nuôi khác 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ về sản phẩm thức ăn truyền thống, nguyên liệu đơn các nội dung sau đây: a) Tên sản phẩm; b) Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm.	cs1
	khoản 3 Điều 41	Điều 41. Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi 3. Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu thức ăn chăn nuôi đã được công bố thông tin trên	cs1

			Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm, nuôi thích nghi, nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép.	
		khoản 2 Điều 47	Điều 47. Quảng cáo thức ăn chăn nuôi 2. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi phải phù hợp với thông tin sản phẩm đã công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	cs1
		điểm c khoản 1 Điều 62	Điều 62. Quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi 1. Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: c) Thông tin về sản phẩm đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;	cs1
		Điều 76	Điều 76. Dự báo thị trường sản phẩm chăn nuôi 1. Hằng năm, Bộ Công Thương dự báo nhu cầu thị trường về sản phẩm chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo nguồn cung sản phẩm chăn nuôi; công bố trên bản tin chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng. 2. Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật giá và thị trường sản phẩm chăn nuôi trong nước theo tuần, thị trường quốc tế theo tháng và theo yêu cầu quản lý nhà nước, công bố trên bản tin chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
136.	Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018	khoản 10 Điều 1	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau: “Điều 16. Hội đồng trường của trường đại học công lập 5. Danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của hội đồng trường đại học công lập được quy định như sau: a) Danh sách chủ tịch và thành viên hội đồng trường được công khai trên trang thông tin điện tử của trường đại học sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận;	cs1
		khoản 11 Điều 1	11. Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau: “Điều 16a. Nhà đầu tư 2. Nhà đầu tư có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:	cs1

		k) Công khai danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học;	
	khoản 17 Điều 1	17. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau: “Điều 32. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học 2. Điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học được quy định như sau: d) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật. 6. Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan được quy định như sau: b) Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền; d) Thực hiện công khai trung thực báo cáo tài chính hằng năm và nội dung khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;	cs1
	khoản 23 Điều 1	23. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau: “Điều 38. Văn bằng giáo dục đại học 3. Cơ sở giáo dục đại học thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật; công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.	cs1
	khoản 25 Điều 1	25. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau: “Điều 45. Liên kết đào tạo với nước ngoài 7. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng giáo dục đại học; thực hiện kiểm định chương trình liên kết thực hiện tại Việt Nam ngay sau khi có sinh viên tốt nghiệp và kiểm định theo chu kỳ quy định.	cs1

		khoản 27 Điều 1	27. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau: “Điều 50. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục đại học 5. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng giáo dục đại học theo kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở giáo dục đại học và phương tiện thông tin đại chúng.”.	cs1
		khoản 33 Điều 1	33. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau: “Điều 65. Học phí và khoản thu dịch vụ khác 5. Cơ sở giáo dục đại học phải công bố công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học cùng với thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; có trách nhiệm trích một phần nguồn thu học phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.”.	cs1, cs5
137.	Luật Trồng trọt 2018	điểm c khoản 1 Điều 12	Điều 12. Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng 1. Bảo tồn nguồn gen giống cây trồng bao gồm các hoạt động sau đây: c) Thiết lập và chia sẻ dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu và nguồn gen giống cây trồng.	cs1
		điểm đ khoản 1 Điều 15	Điều 15. Cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, hủy bỏ Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng 1. Điều kiện cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng bao gồm: đ) Có bản công bố thông tin về giống cây trồng, quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng biên soạn.	
		điểm c khoản 1; khoản 2 Điều 17	Điều 17. Tự công bố lưu hành giống cây trồng 1. Điều kiện tự công bố lưu hành giống cây trồng bao gồm: c) Có thông tin về giống cây trồng, quy trình sản xuất do tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng biên soạn. 2. Tổ chức, cá nhân tự công bố lưu hành giống cây trồng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với thông tin đã công bố.	

		điểm c khoản 2 Điều 82	Điều 82. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trồng trọt trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm sau đây: c) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, hủy bỏ quyết định, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ;	cs1
		điểm đ khoản 1 Điều 83	Điều 83. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: đ) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, đình chỉ, phục hồi, thu hồi, hủy bỏ quyết định, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động trồng trọt theo thẩm quyền và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	cs1
141.	Luật Đo đạc và bản đồ 2018	khoản 1 Điều 40	Điều 40. Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ 1. Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ cơ bản và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành, được xây dựng, cập nhật thống nhất trong cả nước và kết nối với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam.	cs1
		điểm a, b, đ khoản 3; điểm a, b khoản 4 Điều 41	Điều 41. Lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ 3. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau: a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ là tài sản công thuộc phạm vi quản lý; b) Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện; đ) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được cung cấp rộng rãi bao gồm danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; ghi chú điểm về mốc đo đạc; bộ bản đồ chuẩn biên giới quốc gia; dữ liệu về địa giới hành chính, thủy văn, giao thông, dân cư, phủ thực vật, địa danh, bản đồ hành chính và các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ khác không thuộc danh mục bí mật nhà nước. 4. Việc cung cấp, trao đổi thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện như sau:	cs1, cs3

		a) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước được cung cấp, trao đổi với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước được cung cấp, trao đổi với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.	
	khoản 2 Điều 46	Điều 46. Dịch vụ về dữ liệu không gian địa lý quốc gia 2. Các dịch vụ về dữ liệu không gian địa lý quốc gia được thực hiện thông qua Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam.	
	Điều 48	Điều 48. Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam 1. Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam là cổng thông tin điện tử cho phép truy cập dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cung cấp thông tin, dịch vụ liên quan trên môi trường mạng. 2. Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam phải được xây dựng, vận hành để bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập dễ dàng, thuận tiện; dữ liệu không gian địa lý quốc gia đã công bố phải có sẵn để sử dụng. 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kết nối dữ liệu không gian địa lý quốc gia quy định tại Điều 45 của Luật này với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam.	cs1
	Điều 54	Điều 54. Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ 1. Thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2. Thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thông tin về cá nhân được cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	cs1

144.	Luật Tố cáo 2018	khoản 1, 2, 3 Điều 40	Điều 40. Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo 1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo. 2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây: a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác; b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. 3. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo phải bảo đảm không làm tiết lộ thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước.	cs1
145.	Luật Cạnh tranh 2018	khoản 4 Điều 94	Điều 94. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh 4. Trường hợp không tổng đạt được theo một trong các phương thức quy định tại khoản 3 Điều này thì quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh phải được niêm yết công khai hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
		Điều 106	Điều 106. Đăng tải nội dung quyết định phải được công bố Nội dung được phép công bố trong quyết định quy định tại khoản 1 Điều 104 của Luật này phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong thời gian 90 ngày liên tục kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.	cs1
		Điều 107	Điều 107. Công bố và đăng tải báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia công bố và đăng tải báo cáo kết quả hoạt động hằng năm trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.	cs1
146.	Luật Quốc phòng 2018	khoản 3 Điều 21	Điều 21. Thiết quân luật 3. Lệnh thiết quân luật phải xác định cụ thể địa phương cấp tỉnh, cấp xã, đơn vị hành chính -	cs1

			kinh tế đặc biệt thiết quân luật, biện pháp, hiệu lực thi hành; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; các quy tắc trật tự xã hội cần thiết ở địa phương thiết quân luật và được công bố liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.	
		khoản 2 Điều 22	Điều 22. Giới nghiêm 2. Lệnh giới nghiêm được ban bố trong trường hợp tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại một hoặc một số địa phương diễn biến phức tạp đe dọa gây mất ổn định nghiêm trọng và được công bố liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng.	cs1
147.	Luật Quy hoạch 2017	khoản 2, 3 Điều 19	Điều 19. Lấy ý kiến về quy hoạch 2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. 3. Việc lấy ý kiến cộng đồng về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng, phát phiếu Điều tra phỏng vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.	cs1
		khoản 1, 2 Điều 40	Điều 40. Hình thức công bố quy hoạch 1. Quy hoạch phải được đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch. 2. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, quy hoạch còn được công bố theo các hình thức sau đây: a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; b) Trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch; c) Tổ chức hội nghị, hội thảo; d) Phát hành ấn phẩm.	cs1
		Điều 43	Điều 43. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch 1. Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 2. Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật này. 3. Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.	cs1

148.	Luật Quản lý nợ công 2017	điểm o khoản 1 Điều 15	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ 1. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nợ công và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: o) Tổ chức công tác hạch toán kế toán đối với nợ Chính phủ; thống kê, báo cáo và công bố thông tin về nợ công theo quy định của pháp luật;	cs1
		khoản 2, 3, 4, 5 Điều 61	Điều 61. Công bố thông tin về nợ công 2. Việc cung cấp và công bố thông tin về nợ công thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Thâm quyền công bố thông tin về nợ công được quy định như sau: a) Bộ Tài chính công bố thông tin về nợ công; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về nợ chính quyền địa phương. 4. Hình thức công bố thông tin về nợ công bao gồm: a) Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Hợp báo, thông cáo báo chí; c) Bản tin nợ công. 5. Bản tin nợ công được Bộ Tài chính phát hành 06 tháng một lần bằng tiếng Việt và được dịch ra tiếng Anh dưới dạng ấn phẩm và dữ liệu trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.	cs1
154.	Luật Trợ giúp pháp lý 2017	khoản 2 Điều 10	Điều 10. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý 2. Sở Tư pháp công bố danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs1
		khoản 2 Điều 17	Điều 17. Người thực hiện trợ giúp pháp lý 2. Sở Tư pháp công bố danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.	cs1

155.	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017	điểm a, b khoản 1 Điều 59	Điều 59. Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai 1. Việc đăng báo xin lỗi và cải chính công khai quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 56 của Luật này được thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự quy định tại Điều 41 hoặc Điều 57 của Luật này, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở trung ương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo trung ương và 01 tờ báo địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại; b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự quy định tại Điều 41 hoặc Điều 57 của Luật này, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại ở địa phương có trách nhiệm đăng báo xin lỗi và cải chính công khai trên 01 tờ báo cấp tỉnh tại địa phương nơi người bị thiệt hại cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại trong 03 số liên tiếp; đăng tải nội dung xin lỗi và cải chính công khai trên Cổng thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại;	cs1
161.	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017	khoản 1 Điều 14	Điều 14. Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý 1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.	cs1

		khoản 1, 2 Điều 29	Điều 29. Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan. 2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây: a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	cs1
162.	Luật Quản lý ngoại thương 2017	Điều 25	Điều 25. Thảm quyền áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu 1. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan quyết định, công bố hàng hóa, cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tương ứng và lộ trình thực hiện. 2. Quyết định áp dụng biện pháp chỉ định cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu phải được công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng chậm nhất là 45 ngày trước ngày có hiệu lực.	cs1
164.	Luật Đấu giá tài sản 2016	Điều 27	Điều 27. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.	cs1
		khoản 2 Điều 31	Điều 31. Chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp đấu giá tài sản chấm dứt hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.	cs1
		khoản 3 Điều 32	Điều 32. Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 3. Sở Tư pháp nơi doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động công bố thông tin về việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp;	cs1

		thông báo bằng văn bản đến cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động và báo cáo Bộ Tư pháp.	
	Điều 57	Điều 57. Thông báo công khai việc đấu giá tài sản 1. Ngoài quy định về niêm yết việc đấu giá tài sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 35 của Luật này, đối với tài sản đấu giá là động sản có giá khởi điểm từ năm mươi triệu đồng trở lên và bất động sản thì tổ chức đấu giá tài sản phải thông báo công khai ít nhất hai lần trên báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản đấu giá và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản; mỗi lần thông báo công khai cách nhau ít nhất 02 ngày làm việc. 2. Trường hợp đấu giá theo thủ tục rút gọn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 53 của Luật này thì tổ chức đấu giá tài sản thông báo công khai một lần việc đấu giá tài sản trên báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản đấu giá. 3. Thời gian thông báo công khai lần thứ hai ít nhất là 07 ngày làm việc đối với tài sản là động sản, 15 ngày đối với tài sản là bất động sản trước ngày mở cuộc đấu giá. Việc thông báo công khai quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện đồng thời với việc niêm yết đấu giá tài sản quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này. 4. Nội dung thông báo công khai việc đấu giá tài sản bao gồm: a) Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá; b) Thời gian, địa điểm đấu giá tài sản; c) Tên tài sản, nơi có tài sản đấu giá; d) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá trong trường hợp công khai giá khởi điểm; tiền đặt trước; đ) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá. 5. Tổ chức đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc thông báo công khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong hồ sơ đấu giá.	cs1
	điểm e khoản 2 Điều 77	Điều 77. Trách nhiệm của Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản 2. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: e) Xây dựng và quản lý trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản; hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc thông báo công khai trên trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản;	cs1

		Điều 35	Điều 35. Niêm yết việc đấu giá tài sản 1. Tổ chức đấu giá tài sản niêm yết việc đấu giá tài sản như sau: a) Đối với tài sản là động sản thì tổ chức đấu giá tài sản phải niêm yết việc đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình, nơi trưng bày tài sản (nếu có) và nơi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá; b) Đối với tài sản là bất động sản thì tổ chức đấu giá tài sản phải niêm yết việc đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình, nơi tổ chức cuộc đấu giá và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản đấu giá ít nhất là 15 ngày trước ngày mở cuộc đấu giá. 2. Các thông tin chính phải niêm yết bao gồm: a) Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá; b) Các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 34 của Luật này. 3. Tổ chức đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong hồ sơ đấu giá. Đối với trường hợp niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có bất động sản đấu giá thì tổ chức đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết hoặc lập văn bản có xác nhận về việc niêm yết của Ủy ban nhân dân cấp xã. 4. Ngoài việc niêm yết quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức đấu giá tài sản thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 57 của Luật này theo yêu cầu của người có tài sản đấu giá.	cs1, cs2
165.	Luật Điều ước quốc tế 2016	Điều 60	Điều 60. Đăng tải điều ước quốc tế 1. Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được đăng tải trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cổng thông tin điện tử của cơ quan đề xuất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp có yêu cầu không đăng tải điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm thông báo nội dung phải thực hiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quy định có liên quan của điều ước quốc tế. 2. Cơ quan Công báo đăng tải điều ước quốc tế trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có	cs1

			hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. 3. Cơ quan đề xuất đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng tải cả bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt. 4. Bộ Ngoại giao đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày sao lục điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 59 của Luật này.	
		Điều 62	Điều 62. Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Toàn văn điều ước quốc tế, thông tin về hiệu lực của điều ước quốc tế được đăng tải theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật này được công khai trên Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	cs1
166.	Luật Dược 2016	điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 64	Điều 64. Trách nhiệm thu hồi thuốc 4. Bộ Y tế có các trách nhiệm sau đây: d) Công bố thông tin về thuốc bị thu hồi trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Đài truyền hình Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam đối với trường hợp thu hồi thuốc vi phạm ở mức độ 1 ngay sau khi có quyết định thu hồi thuốc. 5. Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam có trách nhiệm công bố thông tin về thu hồi thuốc vi phạm ở mức độ 1 và không thu phí.	cs1, cs5
		khoản 8 Điều 109	Điều 109. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giá thuốc của Bộ Y tế 8. Công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế về các thông tin sau đây: a) Giá bán buôn, bán lẻ thuốc đã kê khai; b) Giá thuốc trúng thầu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ sở y tế cung cấp; c) Thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu khi có biến động bất thường về giá hoặc mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội;	cs1
		Điều 113	Điều 113. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong quản lý giá thuốc Công khai giá thuốc trúng thầu trên cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và	cs1

			cung cấp giá thuốc trúng thầu đến Bộ Y tế chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận được kết quả lựa chọn nhà thầu của cơ sở thực hiện đấu thầu thuốc.	
170.	Luật trẻ em 2016	Điều 46	Điều 46. Bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em 1. Nhà nước bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, tìm hiểu, học tập, trao đổi kiến thức qua các kênh thông tin, truyền thông phù hợp. 2. Các cơ quan thông tin, xuất bản phải dành tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng phát thanh, truyền hình, ấn phẩm phù hợp cho trẻ em. Thông tin, đồ chơi, trò chơi, chương trình phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh có nội dung không phù hợp với trẻ em phải thông báo hoặc ghi rõ độ tuổi trẻ em không được sử dụng. 3. Nhà nước khuyến khích phát triển thông tin, truyền thông phù hợp với sự phát triển toàn diện của trẻ em; sản xuất, đăng tải nội dung, thông tin với thời lượng thích hợp cho trẻ em dân tộc thiểu số.	
		Điều 54	Điều 54. Trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng 1. Cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng dưới mọi hình thức; cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm giáo dục kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để trẻ em biết tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật.	cs1
		khoản 1 Điều 87	Điều 87. Bộ Thông tin và Truyền thông 1. Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân.	cs1
171.	Luật Báo chí 2016	điểm a khoản 2 Điều 4	Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí 2. Báo chí có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của Nhân dân;	cs1
		khoản 5 Điều 18	Điều 18. Giấy phép hoạt động báo chí 5. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, cơ quan báo chí phải thông	cs1

			báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thu hồi giấy phép hoạt động báo chí và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.	
		khoản 1 Điều 36	Điều 36. Trang thông tin điện tử tổng hợp 1. Trang thông tin điện tử tổng hợp phải trích dẫn nguyên văn, chính xác nguồn tin báo chí và ghi rõ tên tác giả, tên cơ quan báo chí, thời gian đã đăng, phát thông tin đó.	cs1
		khoản 1, 2 Điều 49	Điều 49. Phát hành báo chí 1. Cơ quan báo chí thực hiện phát hành báo chí theo đúng quy định ghi trong giấy phép hoạt động báo chí. Cơ quan báo chí được tổ chức phát hành hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân phát hành. 2. Ngành thông tin và truyền thông có trách nhiệm phát hành các loại báo chí công ích qua mạng bưu chính công cộng theo quy định của Chính phủ và phát hành các loại báo chí khác theo hợp đồng ký kết với cơ quan báo chí.	cs1
172.	Bộ luật tổ tụng hình sự 2015	điểm d khoản 1 Điều 137	Điều 137. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng 1. Việc cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng được thực hiện thông qua các phương thức: d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng.	cs1
		Điều 141	Điều 141. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng 1. Việc thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng, qua nền tảng số, phần mềm ứng dụng dùng chung triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng được thực hiện khi việc niêm yết công khai không có kết quả hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 2. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong 03 số liên tiếp và phát sóng trên Đài Phát thanh hoặc Đài Truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày kết thúc việc thông báo.	cs1

176.	Bộ luật tố tụng dân sự 2015	Điều 173	Điều 173. Các phương thức cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện bằng các phương thức sau đây: 1. Cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc người thứ ba được ủy quyền thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo. 2. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 3. Niêm yết công khai. 4. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. 5. Cấp, tổng đạt, thông báo bằng phương thức khác theo quy định tại Chương XXXVIII của Bộ luật này.	cs1, cs3
		Điều 180	Điều 180. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 1. Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. 2. Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có thể được thực hiện nếu có yêu cầu của các đương sự khác. Trong trường hợp này, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu. 3. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phải được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên một trong các báo hàng ngày của Trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của Trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.	cs1, cs3
		khoản 1, 4 Điều 191	Điều 191. Thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện 1. Tòa án qua bộ phận tiếp nhận đơn phải nhận đơn khởi kiện do người khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn; trường hợp Tòa án nhận đơn khởi kiện được gửi bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án in ra bản giấy và phải ghi vào sổ nhận đơn. Khi nhận đơn khởi kiện nộp trực tiếp, Tòa án có trách nhiệm cấp ngay giấy xác nhận đã nhận đơn cho người khởi kiện. Đối với trường hợp nhận đơn qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án phải gửi thông báo nhận đơn cho người khởi kiện. Trường hợp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án phải thông báo ngay việc nhận đơn cho người khởi kiện qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án	cs1

		(nếu có). 4. Kết quả xử lý đơn của Thẩm phán quy định tại khoản 3 Điều này phải được ghi chú vào sổ nhận đơn và thông báo cho người khởi kiện qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).	
	khoản 4 Điều 269	Điều 269. Cấp trích lục bản án; giao, gửi bản án 4. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ bản án, quyết định của Tòa án có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này.	cs1
	khoản 1 Điều 285	Điều 285. Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm 1. Ngay sau khi nhận được hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án cấp phúc thẩm phải vào sổ thụ lý. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).	cs1
	khoản 3 Điều 315	Điều 315. Gửi bản án, quyết định phúc thẩm 3. Bản án phúc thẩm được Tòa án cấp phúc thẩm công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ trường hợp có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này.	cs1
	khoản 2 Điều 350	Điều 350. Gửi quyết định giám đốc thẩm 2. Quyết định giám đốc thẩm được Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ quyết định có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này.	cs1
	khoản 5 Điều 375	Điều 375. Thủ tục tiến hành phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự 5. Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự có hiệu lực pháp luật được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ quyết định có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật này.	cs1
	khoản 1 Điều 385	Điều 385. Công bố thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú 1. Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Tòa án ra quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, thông báo này phải được đăng trên một trong các báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có) và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.	cs1

		khoản 3 Điều 474	Điều 474. Các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài 3. Trường hợp các phương thức tổng đạt quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện không có kết quả thì Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Tòa án đang giải quyết vụ việc hoặc tại nơi cư trú cuối cùng của đương sự tại Việt Nam trong thời hạn 01 tháng và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; trường hợp cần thiết, Tòa án có thể thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.	cs1
		điểm c khoản 6 Điều 477	Điều 477. Xử lý kết quả tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài và kết quả yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu thập chứng cứ 6. Nếu Tòa án nhận được văn bản thông báo về việc tổng đạt không thực hiện được do họ, tên, địa chỉ của đương sự không đúng hoặc đương sự đã chuyển đến địa chỉ mới nhưng không rõ địa chỉ mới thì Tòa án giải quyết như sau: c) Trường hợp nguyên đơn là công dân Việt Nam yêu cầu ly hôn với người nước ngoài đang cư trú ở nước ngoài mà không thể thực hiện việc cung cấp đúng họ, tên, địa chỉ hoặc địa chỉ mới của người nước ngoài theo yêu cầu của Tòa án mặc dù nguyên đơn, thân nhân của họ hoặc cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài đã tiến hành xác minh tin tức, địa chỉ của người nước ngoài đó nhưng không có kết quả thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án có thể thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp.	cs1
177.	Luật Trưng cầu ý dân 2015	Điều 36	Điều 36. Thông báo về thời gian và địa điểm bỏ phiếu trưng cầu ý dân Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bỏ phiếu trưng cầu ý dân, Tổ trưng cầu ý dân phải thường xuyên thông báo cho cử tri ở địa phương biết về ngày bỏ phiếu, địa điểm bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trưng cầu ý dân bằng hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.	cs1

	Luật Phá sản 2014	Điều 43	Điều 43. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản 1. Quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và 02 số báo địa phương liên tiếp nơi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có trụ sở chính. 2. Quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. 3. Thời hạn gửi và thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định.	
211.		Khoản 2 Điều 67	Điều 67. Lập danh sách chủ nợ 2. Danh sách chủ nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản, trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và phải gửi cho chủ nợ đã gửi giấy đòi nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.	
268.	Luật thi hành án dân sự 2008	Điều 42, 43	Điều 42. Niêm yết công khai 1. Việc niêm yết công khai văn bản thông báo chỉ được thực hiện khi không rõ địa chỉ của người được thông báo hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo hoặc cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện việc niêm yết. 2. Việc niêm yết được thực hiện theo thủ tục sau đây: a) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo; b) Lập biên bản về việc niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết; số, ngày, tháng, năm, tên của văn bản thông báo; có chữ ký của người chứng kiến. 3. Thời gian niêm yết công khai văn bản thông báo là 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. Ngày	Phù hợp với quy định của Luật TCT T

		niêm yết là ngày được thông báo hợp lệ. Điều 43. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 1. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc khi đương sự có yêu cầu. 2. Trường hợp xác định đương sự đang có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của địa phương đó hai lần trong 02 ngày liên tiếp. Trường hợp xác định đương sự không có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của trung ương hai lần trong 02 ngày liên tiếp. 3. Ngày thực hiện việc thông báo lần hai trên phương tiện thông tin đại chúng là ngày được thông báo hợp lệ.	
273.	Luật Quốc tịch Việt Nam 2008	Khoản 2 Điều 29 Điều 29. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam 2. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên Trang thông tin điện tử của mình. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trên đó trong thời gian ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.	

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

CHÍNH SÁCH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc; Công ước quốc tế về Luật biển; Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em; Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền; Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người Khuyết Tật			
Chính sách 1, dự án Luật đề xuất mở rộng chủ thể cung cấp thông tin	<i>(1) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị:</i> 2. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ. 3. Việc thực hiện những quyền quy định tại khoản 2 điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và là cần thiết để: a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác, b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội <i>(2) Công ước quốc tế về Luật biển (1982)</i> + Điều 181. Hồ sơ và các thông tin chính thức của Cơ quan quyền lực 1. Hồ sơ của Cơ quan quyền lực dù chúng được cất giữ ở đâu đều bất khả xâm phạm. 2. Các số liệu thuộc sở hữu công nghiệp, các thông tin thuộc bí mật công nghiệp của Cơ quan quyền lực và các thông tin tương tự, cũng như các hồ sơ về nhân sự không được để trong các cơ quan lưu trữ đại chúng. 3. Đối với các thông tin chính thức, mỗi quốc gia thành viên dành cho Cơ quan đối xử ít nhất cũng thuận tiện như đối với các tổ chức quốc tế khác.	Chính sách đề xuất không trái với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	
Chính sách 2,	<i>(1) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị:</i> Mọi người có quyền tự do ngôn	Chính sách đề	

chính sách 3 dự án Luật đề xuất Điều chỉnh phạm vi thông tin mà chính quyền cấp xã có trách nhiệm cung cấp điều kiện; Điều chỉnh phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, không được tiếp cận và tiếp cận có điều kiện	luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ (khoản 2 Điều 19). <i>(2) Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc (2003)</i> - Điều 9 quy định về mua sắm công và quản lý tài chính công: Trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các bước cần thiết để xây dựng được các cơ chế mua sắm phù hợp dựa trên sự minh bạch, cạnh tranh và tiêu chí khách quan trong khâu ra quyết định, giúp phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả. Những cơ chế này, mà việc áp dụng chúng có thể tính đến các ngưỡng giá trị thích hợp sẽ điều chỉnh các vấn đề, trong đó có các vấn đề sau: “Thông báo công khai về thủ tục mua sắm và hợp đồng mua sắm, trong đó có cả thông tin về mời thầu và thông tin thích hợp có liên quan về trao thầu, để các nhà thầu tiềm năng có đủ thời gian để chuẩn bị và nộp hồ sơ thầu”. - Điều 10 quy định về báo cáo công khai: trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tăng cường minh bạch trong quản lý hành chính công, kể cả về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định. Các biện pháp đó bao gồm: (a) Ban hành những thủ tục hoặc quy định cho phép công chúng, khi thích hợp, có được thông tin về tổ chức, quá trình thực hiện và ra quyết định của các cơ quan hành chính nước mình, cũng như các thông tin về quyết định và hành vi pháp lý liên quan đến công chúng mà vẫn đảm bảo được bí mật và thông tin cá nhân; (c) Công bố thông tin, trong đó có thể bao gồm báo cáo định kỳ, về nguy cơ tham nhũng trong các cơ quan hành chính nước mình. - Điều 14 quy định về các biện pháp chống rửa tiền: “Trên cơ sở không trái với Điều 46 của Công ước này, đảm bảo rằng các cơ quan hành chính, giám sát, thực thi pháp	xuất không trái với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	
--	--	--	--

	luật và các cơ quan khác chuyên về chống rửa tiền (bao gồm cả các cơ quan tư pháp nếu phù hợp với pháp luật quốc gia) có khả năng hợp tác và trao đổi thông tin ở cấp quốc gia và quốc tế trong phạm vi điều kiện mà pháp luật quốc gia quy định” <i>(3) Công ước quốc tế về Luật biển (1982)</i> - Khoản 8 Điều 76 quy định: “Quốc gia ven biển thông báo những thông tin về ranh giới các thềm lục địa của mình, khi thềm này mở rộng quá 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, cho ủy ban ranh giới thềm lục địa được thành lập theo Phụ lục II, trên cơ sở sự đại diện công bằng về địa lý”. - Điều 248. Nghĩa vụ cung cấp các thông tin cho quốc gia ven biển Các quốc gia và các tổ chức quốc tế có thẩm quyền muốn tiến hành các công tác nghiên cứu khoa học biển trong vùng đặc quyền về kinh tế hay trên thềm lục địa của một quốc gia ven biển, phải cung cấp cho quốc gia này, chậm nhất là không quá 6 tháng trước thời gian dự kiến để bắt đầu dự án nghiên cứu khoa học biển, một bản mô tả đầy đủ, chỉ rõ: Tính chất và các mục tiêu của dự án Phương pháp và các phương tiện sẽ được sử dụng; có nói rõ tên, trọng lượng, kiểu và loại tàu thuyền, và một bản mô tả các dụng cụ khoa học; Các khu vực địa lý cụ thể mà dự án sẽ thực hiện; Các thời hạn dự định cho chuyến đến đầu tiên và chuyến ra đi cuối cùng của các tàu thuyền nghiên cứu, hay thời hạn dự định cho việc triển khai và rút thiết bị, và thời hạn dự định cho việc thu hồi dụng cụ nghiên cứu, tùy theo trường hợp; Tên cơ quan bảo trợ cho dự án nghiên cứu, tên của giám đốc cơ quan này và của người chịu trách nhiệm dự án; Mức độ mà quốc gia ven biển có thể tham gia vào dự án hay được cử đại diện		
--	--	--	--

	<i>(4) Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1990)</i> Khoản 3 Điều 9 quy định: “Khi việc tách khỏi cha, mẹ như vậy là kết quả của bất kỳ hành động nào của một Quốc gia thành viên như giam giữ, bỏ tù, trục xuất khỏi đất nước, đày đi xa hay chết (gồm cả những cái chết xảy ra do bất kỳ nguyên nhân nào khi người đó đang bị nhà nước giam giữ), của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ của đứa trẻ, hay của bản thân đứa trẻ, thì Quốc gia thành viên đó phải cung cấp theo yêu cầu cho cha mẹ, cho đứa trẻ, hoặc nếu thích hợp, cho một thành viên khác của gia đình, những thông tin thiết yếu về địa chỉ của một hay nhiều thành viên vắng mặt của gia đình, trừ khi việc cung cấp thông tin như thế sẽ phương hại đến phúc lợi của đứa trẻ. Các Quốc gia thành viên còn phải bảo đảm rằng việc đề ra yêu cầu như vậy sẽ không tự nó gây nên những hậu quả có hại cho người (hoặc những người) liên quan” Khoản 1 Điều 13 quy định: “Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng ở mọi lĩnh vực, bằng lời nói, văn bản viết tay hoặc bản in, hay dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn”. Điều 17 quy định: “Các Quốc gia thành viên thừa nhận chức năng quan trọng của các phương tiện truyền thông đại chúng và phải bảo đảm rằng trẻ em được thu nhận thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, ở phạm vi quốc gia và quốc tế, đặc biệt là những thông tin, tư liệu nhằm mục đích cổ vũ cho lợi ích xã hội, tinh thần và đạo đức cũng như sức khỏe về thể chất và tinh thần của trẻ em”. Nhằm mục đích này, các Quốc gia thành viên sẽ: 1. Khuyến khích các cơ quan truyền thông đại chúng phổ biến những thông tin và tư liệu có lợi về xã hội và văn hóa cho trẻ em và phù hợp với tinh thần của Điều 29; 2. Khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong việc sản xuất, trao đổi và phổ biến những thông tin và tư liệu như thế từ nhiều nguồn văn hóa khác nhau ở quốc gia và quốc		
--	--	--	--

	tế; 3. Khuyến khích việc sản xuất và phổ biến sách dành cho trẻ em; 4. Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng đặc biệt lưu ý đến những nhu cầu về ngôn ngữ của trẻ em thuộc các nhóm thiểu số hay bản địa; 5. Khuyến khích phát triển những hướng dẫn thích hợp cho việc bảo vệ trẻ em chống lại những thông tin và tư liệu có hại cho lợi ích của các em, có lưu ý đến những quy định được nêu trong các Điều 13 và 18. Khoản 4 Điều 23 quy định: “Trên tinh thần hợp tác quốc tế, các Quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc trao đổi thông tin thích hợp trên lĩnh vực phòng bệnh và về lĩnh vực chữa trị y tế, tâm lý và chức năng cho trẻ em khuyết tật, kể cả việc phổ biến và tiếp cận các thông tin liên quan đến phương pháp giáo dục, phục hồi chức năng và đào tạo nghề với mục tiêu giúp cho các Quốc gia thành viên nâng cao khả năng và trình độ của họ để mở rộng kinh nghiệm của họ trong những lĩnh vực này. Về mặt này, cần đặc biệt chú ý đến nhu cầu của các nước đang phát triển” Điểm e khoản 2 Điều 24 quy định: “Bảo đảm rằng mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là những bậc cha mẹ và trẻ em, được thông tin, tiếp thu giáo dục và được hỗ trợ trong việc sử dụng các kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em, về những ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ, về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và phòng ngừa các tai biến” Điểm d khoản 1 Điều 28 quy định: “Làm cho những hướng dẫn và thông tin về giáo dục và dạy nghề sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận được”. - (5) <i>Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948)</i> Điều 19: “Ai cũng có quyền tự do quan niệm và tự do phát biểu quan điểm; quyền này bao gồm quyền không bị ai can thiệp vì những quan niệm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận cùng phổ biến tin tức và ý kiến bằng mọi phương tiện truyền		
--	---	--	--

	thông không kể biên giới quốc gia”.		
Chính sách 4, chính sách 5 dự án Luật về Đa dạng hóa phương thức cung cấp thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân; Điều chỉnh quy định về chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu	<i>(1) Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người Khuyết Tật</i> - Điểm h khoản 1 Điều 4: “Cung cấp thông tin dễ tiếp cận cho người khuyết tật về phương tiện, thiết bị hỗ trợ di chuyển và các công nghệ trợ giúp, trong đó có các công nghệ mới, cũng như mọi hình thức dịch vụ hoặc cơ sở vật chất trợ giúp khác”. - Khoản 1 Điều 9: “Để người khuyết tật có thể sống độc lập và tham gia trọn vẹn vào mọi khía cạnh cuộc sống, quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận trên cơ sở bình đẳng với những người khác đối với môi trường vật chất, giao thông, thông tin liên lạc, trong đó có các công nghệ và hệ thống thông tin liên lạc, và các vật dụng và dịch vụ khác dành cho công chúng, ở cả thành thị và nông thôn. Các biện pháp này, trong đó có phát hiện và loại bỏ những cản trở và chướng ngại đối với sự tiếp cận, sẽ áp dụng trước hết đối với: a. Tòa nhà, đường sá, giao thông và các công trình, cơ sở vật chất trong nhà và bên ngoài khác, trong đó có trường học, nhà ở, cơ sở y tế và nơi làm việc; b. Thông tin, liên lạc và các dịch vụ khác, trong đó có dịch vụ điện tử và dịch vụ cấp cứu” - Điểm f khoản 2 Điều 9: “Tăng cường các hình thức trợ giúp thích hợp khác cho người khuyết tật để bảo đảm đảm bảo cho họ tiếp cận thông tin”. - Điểm a Điều 21: “Cung cấp thông tin dành cho quảng đại quần chúng cho người khuyết tật dưới các hình thức và công nghệ họ có thể tiếp cận được, thích hợp với các dạng khuyết tật khác nhau, một cách kịp thời và không thu thêm phí”	Chính sách đề xuất không trái với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	